

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**



HOÀNG THỊ THANH THỦY

**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT
NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH
CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2010

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**



HOÀNG THỊ THANH THỦY

**HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT
NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH
CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.30**

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. LÊ HUY TRỌNG

Đà Nẵng – Năm 2010

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

Hoàng Thị Thanh Thủy

Mục lục

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các chữ viết tắt

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu.....	3
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	3
6. Cấu trúc luận văn.....	3
Chương 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG.....	4
1.1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ	4
1.1.1 Khái quát về hệ thống kiểm soát nội bộ.....	4
1.1.2 Các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ.....	8
1.2 HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG.....	13
1.2.1 Các khái niệm liên quan	13
1.2.2 Đặc điểm hoạt động của tổ chức tín dụng ảnh hưởng đến tổ chức kiểm soát nội bộ	14
1.2.3 Hệ thống kiểm soát nội bộ với việc tăng cường kiểm soát hoạt động tín dụng trong tổ chức tín dụng.	18
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	22
Chương 2 THỰC TRẠNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM	23
2.1 TỔNG QUAN VỀ TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM.....	23

2.1.1	Quá trình hình thành và phát triển của Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam	23
2.1.2	Phạm vi hoạt động của Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam.....	27
2.2	THỰC TRẠNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM.....	29
2.2.1	Khái quát chung về hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam.....	29
2.2.2	Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam	32
2.2.2.1	<i>Môi trường kiểm soát</i>	<i>32</i>
2.2.2.2	<i>Thủ tục kiểm soát nội bộ</i>	<i>38</i>
2.2.2.3	<i>Hệ thống thông tin.....</i>	<i>59</i>
2.3	ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM	64
2.3.1	Những kết quả đạt được của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam	64
2.3.2	Những hạn chế của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam.....	65
	KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	70
	Chương 3 PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM.....	71
3.1	TÍNH TẤT YẾU PHẢI HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM	71
3.2	PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM	73

3.3 NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM	75
3.3.1 Giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát.....	75
3.3.2 Giải pháp hoàn thiện thủ tục kiểm soát.....	80
3.3.3 Giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin	82
3.4 KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	83
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	87
KẾT LUẬN	88
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN	
PHỤ LỤC	

Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt

HĐQT:	Hội đồng quản trị
HTKSNB:	Hệ thống kiểm soát nội bộ
KSNB:	Kiểm soát nội bộ
KTKSNB:	Kiểm tra, kiểm soát nội bộ
KTNB:	Kiểm toán nội bộ
NHNN:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
PVFC, Tổng công ty:	Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam
UTQLV:	Ủy thác quản lý vốn
UTĐT:	Ủy thác đầu tư
TCTD:	Tổ chức tín dụng
Tập đoàn:	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của TCTD được thiết lập trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và được tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro và đạt được các mục tiêu về hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng tài sản và các nguồn lực một cách kinh tế, an toàn, có hiệu quả; bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; bảo đảm tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ mà TCTD đã đặt ra.

Với chức năng, nhiệm vụ là “huyết mạch” của nền kinh tế, hệ thống tài chính, ngân hàng có vai trò to lớn đối với sự ổn định, phát triển bền vững của nền kinh tế quốc dân. Nhưng hiện nay khi nền kinh tế nước nhà bước vào hội nhập kinh tế quốc tế, thì các TCTD Việt Nam đang phải đối mặt với những tồn tại như: năng lực quản trị điều hành kém, vốn tự có thấp, công nghệ thông tin lạc hậu, nợ tồn đọng nợ xấu lớn... Đặc biệt khi chúng ta phải thực hiện các cam kết, các ngân hàng nước ngoài sẽ có nhiều hoạt động phong phú đa dạng tại Việt Nam và được đối xử ngang bằng theo đúng nguyên tắc tối huệ quốc của WTO, lúc đó các TCTD Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với những đối thủ vượt trội hơn về mọi mặt ngay trên thị trường Việt Nam. Trước những cảnh báo nguy cơ bị thu hẹp thị phần, bị thâm tóm cạnh tranh... đòi hỏi các TCTD Việt Nam phải cải cách đổi mới toàn diện, phải “thay máu” để nâng cao năng lực cạnh tranh, để có thể đứng vững và phát triển an toàn trong nền kinh tế hội nhập quốc tế. Một trong những yêu cầu cấp bách nhất trong công cuộc đổi mới là phải nâng cao chất lượng hoạt động của HTKSNB.

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam là một tổ chức tín dụng phi ngân hàng, thành lập ngày 19/6/2000 với phương châm hoạt động “Vì sự phát triển vững mạnh của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam”. Trải qua chặng đường

xây dựng và phát triển, đến nay, PVFC đã trở thành một định chế tài chính mạnh của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và là một trong những TCTD có tốc độ phát triển nhanh, thương hiệu Tài chính Dầu khí Việt Nam được khẳng định trên thị trường tài chính trong nước và bước đầu vươn ra thế giới. Với tốc độ phát triển nhanh, kể từ khi thành lập từ đến nay PVFC đã 4 lần tăng vốn điều lệ, và đến 30/06/2009 vốn điều lệ của PVFC đã là 5.000 tỷ đồng tăng 50 lần so với khi thành lập; đội ngũ lao động tăng lên hơn 1.200 người so với con số 8 người ban đầu. Đồng thời các chỉ tiêu tài chính của PVFC luôn tăng trưởng mạnh qua các năm, nếu năm 2006 tổng tài sản của PVFC chỉ mới 18 nghìn tỷ thì đến 31/12/2009 đã tăng lên 64,6 nghìn tỷ, tăng gần 4 lần; số dư nợ tín dụng năm 2004 chỉ 2,3 nghìn tỷ nhưng đến cuối năm 2008 đã là 17,5 nghìn tỷ và đến 31/12/2009 là 26,9 nghìn tỷ. Việc tăng trưởng mạnh luôn chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro nhất là xuất phát từ chính những đặc điểm hoạt động kinh doanh của ngành tài chính, ngân hàng là phức tạp, luôn chứa đựng nhiều rủi ro, nhạy cảm với sự biến động của nền kinh tế, liên quan đến nhiều tác nhân. Do đó, đối với PVFC, vấn đề an toàn trong hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu, nhất là hoạt động tín dụng. Song, trên thực tế, mặc dù HTKSNB tại PVFC luôn được tăng cường, nhưng việc phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn các loại rủi ro chưa đạt hiệu quả cao. Việc hoàn thiện HTKSNB để nâng cao hiệu quả hoạt động của KSNB, đáp ứng yêu cầu là công cụ phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro cho PVFC là một trong những vấn đề cấp thiết đối với PVFC hiện nay.

Từ thực tế đó, đề tài **“Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam”** được lựa chọn nghiên cứu thực hiện luận văn thạc sĩ, nhằm tìm hiểu sâu hơn về hoạt động KSNB, đóng góp ý kiến vào lĩnh vực này, đồng thời phục vụ công tác quản lý tại hệ thống PVFC.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu một cách có hệ thống về KSNB nói chung và KSNB tại PVFC nói riêng, góp phần làm sáng tỏ những vấn đề về lý luận và thực tiễn, qua đó đề xuất giải pháp hoàn thiện HTKSNB phục vụ cho công tác quản lý của PVFC.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: HTKSNB tại PVFC.

Phạm vi nghiên cứu: Hoạt động tín dụng, đầu tư, huy động vốn và kế toán tại PVFC.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp luận khoa học duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, liên hệ thực tiễn, tổng hợp, phân tích và so sánh.

Tìm hiểu thực tế: Trực tiếp công tác tại bộ phận KTKSNB của PVFC, quan sát và phân tích trong suốt thời gian làm việc.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận văn đã góp phần làm rõ lý luận về HTKSNB tại các TCTD. Đánh giá thực tế HTKSNB tại PVFC, ưu nhược điểm của hệ thống này trong môi trường kiểm soát, thủ tục kiểm soát và hệ thống thông tin. Qua đó, luận văn đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện HTKSNB tại PVFC trên nền tảng có sẵn, nhằm bảo đảm Tổng công ty hoạt động hiệu quả, an toàn và đạt được các mục tiêu đề ra.

6. Cấu trúc luận văn

Ngoài Lời mở đầu và Kết luận, Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về HTKSNB trong hoạt động của TCTD;

Chương 2: Thực trạng HTKSNB tại PVFC;

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện HTKSNB tại PVFC.

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1.1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

1.1.1 Khái quát về hệ thống kiểm soát nội bộ

Khái niệm

Kiểm soát luôn là một khâu quan trọng trong mọi quy trình quản trị, do đó các nhà quản lý thường chú tâm đến việc thiết lập và duy trì các hoạt động kiểm soát để đạt được các mục tiêu của tổ chức. Khái niệm KSNB đã hình thành và phát triển dần trở thành hệ thống lý luận về vấn đề kiểm soát trong tổ chức phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp của nhà quản lý. Quá trình nhận thức và nghiên cứu về KSNB đã dẫn đến các khái niệm khác nhau từ đơn giản đến phức tạp.

Theo một số quan điểm, khái niệm HTKSNB có thể được hiểu như sau:

Văn bản hướng dẫn kiểm toán quốc tế số 6 được Hội đồng Liên hiệp các nhà kế toán Malaysia (Malaysian Assembly of Certificated Public Accountant - MACPA) và Viện kế toán Malaysia (Malaysian Institute of Accountant - MIA) định nghĩa “HTKSNB là cơ cấu tổ chức cộng với những biện pháp, thủ tục do Ban quản trị của một tổ chức thực thể chấp nhận, nhằm hỗ trợ thực thi mục tiêu của Ban quản trị đảm bảo tăng khả năng thực tiễn tiến hành kinh doanh trong trật tự và có hiệu quả bao gồm: tuyệt đối tuân theo đường lối của Ban quản trị, bảo vệ tài sản, ngăn chặn và phát hiện gian lận, sai lầm, đảm bảo tính chính xác, toàn diện số liệu hạch toán, xử lý kịp thời và đáng tin cậy số liệu thông tin tài chính. Phạm vi của HTKSNB còn vượt ra ngoài những vấn đề có liên quan trực tiếp với chức năng của hệ thống kế toán. Mọi nguyên lý riêng của HTKSNB được xem như hoạt động của hệ thống và được hiểu là KSNB” [28].

Theo Liên đoàn kế toán quốc tế (The International Federation of Accountant - IFAC): “HTKSNB là kế hoạch của đơn vị và toàn bộ các phương pháp, các bước công việc mà các nhà quản lý doanh nghiệp tuân theo. HTKSNB trợ giúp cho các nhà quản lý đạt được mục tiêu một cách chắc chắn theo trình tự và kinh doanh có hiệu quả kể cả việc tôn trọng các quy chế quản lý; giữ an toàn tài sản, ngăn chặn, phát hiện sai phạm và gian lận; ghi chép kế toán đầy đủ, chính xác, lập báo cáo tài chính kịp thời, đáng tin cậy” [28].

Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 400 - Đánh giá rủi ro và KSNB, HTKSNB “là các qui định và các thủ tục kiểm soát do đơn vị được kiểm toán xây dựng và áp dụng nhằm bảo đảm cho đơn vị tuân thủ pháp luật và các qui định, để kiểm tra, kiểm soát, ngăn ngừa và phát hiện gian lận, sai sót; để lập báo cáo tài chính trung thực và hợp lý; nhằm bảo vệ, quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản của đơn vị. HTKSNB bao gồm môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán và các thủ tục kiểm soát” [1].

Theo quyết định số 36/2006-QĐ-NHNN của NHNN về việc ban hành Quy chế KTKSNB của TCTD, hệ thống KTKSNB “là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của TCTD được thiết lập trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và được tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro và đạt được các mục tiêu mà TCTD đã đặt ra” [6].

Như vậy, HTKSNB thực chất là sự tích hợp một loạt hoạt động, biện pháp, quan điểm, nội quy, quy định và nỗ lực của mọi thành viên trong tổ chức để đảm bảo tổ chức đó hoạt động có hiệu quả và đạt được mục tiêu đặt ra một cách hợp lý. Cần có sự nhận thức đúng đắn về HTKSNB, nó không đơn thuần là một hệ thống kỹ thuật cũng không phải chỉ thuộc về các nhà quản lý mà nó là một hệ thống nhằm huy động mọi thành viên cùng tham gia kiểm soát các hoạt động của tổ chức, vì chính họ là nhân tố quyết định mọi thành quả. HTKSNB sẽ gắn liền với mọi bộ phận, mọi quy trình nghiệp vụ và mọi nhân viên trong tổ chức ít nhiều sẽ tham gia

vào việc KSNB và kiểm soát lẫn nhau chứ không đơn thuần là chỉ có cấp trên kiểm soát cấp dưới.

Mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ trong quản lý

KSNB là chức năng thường xuyên của tổ chức và trên cơ sở xác định rủi ro có thể xảy ra trong từng khâu công việc để tìm các biện pháp ngăn chặn nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đặt ra của tổ chức. HTKSNB có các mục tiêu cơ bản sau:

Bảo vệ, quản lý sử dụng tài sản và các nguồn lực của đơn vị một cách kinh tế, an toàn và hiệu quả: Bảo vệ tài sản là không để xảy ra các rủi ro trong quá trình sử dụng và quản lý tài sản. Tài sản của tổ chức bao gồm cả tài sản hữu hình và vô hình, chúng có thể bị lạm dụng vào những mục đích khác nhau hoặc bị hư hại nếu không được bảo vệ bởi các hệ thống kiểm soát thích hợp. Tùy từng loại tài sản phải thiết kế hệ thống quản lý phù hợp và đặc biệt chú ý đến yếu tố con người, đây là yếu tố quyết định hàng đầu. Việc ngăn ngừa các sai phạm có thể xảy ra được áp dụng cho cả người ngoài và nhân viên nội bộ của tổ chức.

Bảo đảm độ tin cậy của thông tin, bảo đảm thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời: Hoạt động của tổ chức là liên tục, do đó hàng ngày có rất nhiều luồng thông tin vào và ra. Nhà quản lý cần có những thông tin phục vụ cho việc ra quyết định. Vì vậy, các thông tin cung cấp phải đảm bảo tính kịp thời về thời gian, tính chính xác và tin cậy về thực trạng hoạt động và phản ánh đầy đủ và khách quan các nội dung chủ yếu của mọi hoạt động của tổ chức.

Bảo đảm việc thực hiện các chế độ pháp lý, tuân thủ pháp luật và các quy trình, quy định nội bộ: HTKSNB được thiết kế sao cho các quyết định và chế độ pháp lý liên quan đến hoạt động của tổ chức phải được tuân thủ đúng mức. Theo đó, HTKSNB phải đạt các yêu cầu:

- Duy trì và kiểm tra việc tuân thủ các chính sách có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức;

- Ngăn chặn, phát hiện kịp thời và xử lý các sai sót, gian lận trong mọi hoạt động của tổ chức;
- Đảm bảo việc ghi chép kế toán đầy đủ, chính xác cũng như việc lập báo cáo tài chính trung thực và khách quan.

Bảo đảm hiệu quả và an toàn của hoạt động và năng lực quản lý: Các quá trình kiểm soát trong một tổ chức được thiết kế nhằm ngăn ngừa sự lặp lại không cần thiết các tác nghiệp, gây ra sự lãng phí trong hoạt động và sử dụng kém hiệu quả các nguồn lực trong tổ chức.

Tuy nằm trong một thể thống nhất song các mục tiêu trên đôi khi có sự mâu thuẫn với nhau giữa tính hiệu quả của hoạt động với mục đích bảo vệ tài sản, sổ sách hoặc cung cấp thông tin đầy đủ và tin cậy. Vì thế, khi thiết kế HTKSNB, nhà quản lý cần biết kết hợp hài hoà các mục tiêu trên để tạo được một hệ thống kiểm soát hữu hiệu nhất.

Phân biệt kiểm soát nội bộ với các chức năng kiểm tra, kiểm soát khác

KSNB và các chức năng kiểm tra kiểm soát khác đều có chung mục đích là bảo vệ an toàn tài sản, bảo đảm việc tuân thủ các chế độ pháp lý, góp phần thiết lập và duy trì một tổ chức vững mạnh. Cả hai hoạt động trên đều đòi hỏi phải có kế hoạch triển khai hoàn chỉnh, cách thức thực hiện phù hợp và đảm bảo các quy chế, quy định của tổ chức nói riêng và pháp luật của nhà nước nói chung.

Tuy nhiên hoạt động KSNB nhằm mục đích hoàn thành mục tiêu chung đã đề ra của tổ chức, việc triển khai và thực hiện được thống nhất theo quy chế của nhà quản lý. Còn các chức năng kiểm tra, kiểm soát khác được thực thi và hỗ trợ cho việc thực hiện các nghiệp vụ cụ thể, các biện pháp kiểm tra rời rạc, riêng lẻ, tách biệt nhau và thường được thực hiện gắn liền với một mục tiêu cụ thể, phạm vi nhỏ, không mang tính hệ thống và liên tục.

Từ những lí luận ban đầu về HTKSNB ta có thể nhận thấy ở một mức độ nào đó HTKSNB đều được thiết lập trong tổ chức. Tuy nhiên mức độ áp dụng cũng như quy mô của HTKSNB phụ thuộc vào mức độ hợp lý giữa lợi ích do KSNB mang

lại với chi phí tổ chức phải bỏ ra để duy trì trạng thái hoạt động của HTKSNB. Thông thường HTKSNB được thiết lập và vận hành một cách đầy đủ khi nhà quản trị nhận thấy hoạt động của tổ chức có quy mô lớn, phức tạp và rủi ro cao.

1.1.2 Các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ

Để đáp ứng yêu cầu quản lý cũng như đảm bảo hiệu quả trong hoạt động các tổ chức cần xây dựng và không ngừng củng cố HTKSNB với các yếu tố: Môi trường kiểm soát, thủ tục kiểm soát và hệ thống thông tin.

Môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát là những nhận thức, quan điểm, sự quan tâm và hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đối với HTKSNB và vai trò của HTKSNB trong đơn vị. Nó có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của các thủ tục kiểm soát. Một môi trường kiểm soát mạnh sẽ hỗ trợ đáng kể cho các thủ tục kiểm soát cụ thể. Tuy nhiên môi trường kiểm soát mạnh không đồng nghĩa với HTKSNB mạnh. Môi trường kiểm soát mạnh tự nó chưa đủ đảm bảo tính hiệu quả của toàn bộ HTKSNB.

Các nhân tố chủ yếu thuộc về môi trường kiểm soát bao gồm:

Đặc thù về quản lý: Đặc thù về quản lý chỉ những quan điểm, triết lý và phong cách điều hành khác nhau của nhà quản lý cấp cao của tổ chức. Có thể không trực tiếp chỉ đạo cho các quá trình KSNB, nhưng một triết lý và quan điểm chỉ đạo kinh doanh nhân mạnh đến mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận một cách quá mức thì vô hình dung nó sẽ làm mờ nhạt đi tính đầy đủ trong việc thiết kế các quá trình kiểm soát và suy giảm đi tính hiệu lực trong việc duy trì các quy trình KSNB ấy.

Cơ cấu tổ chức: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý là tổng hợp các bộ phận được chuyên môn hoá với những trách nhiệm và quyền hạn nhất định có mối liên hệ mật thiết với nhau nhằm thực hiện các chức năng khác nhau trong quản lý. Cơ cấu tổ chức phù hợp sẽ là cơ sở thuận lợi cho việc lập kế hoạch, điều hành, kiểm soát và giám sát các hoạt động.

Việc thiết lập một cơ cấu tổ chức hiệu quả phải dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau: Thiết lập được sự điều hành và sự kiểm soát trên mọi hoạt động của tổ chức, không có sự chòng chéo giữa các bộ phận trong đơn vị; Thực hiện sự phân chia rõ ràng giữa ba chức năng: xử lý nghiệp vụ, ghi chép sổ và bảo quản tài sản; Đảm bảo sự độc lập tương đối giữa các bộ phận trong hoạt động của tổ chức.

Chính sách nhân sự: Con người là yếu tố quan trọng nhất cho sự tồn tại của bất kỳ một tổ chức nào. Vì thế, khía cạnh quan trọng nhất của HTKSNB cũng là con người. Khi thiếu yếu tố này, các thủ tục kiểm soát dù được thiết kế chặt chẽ đến đâu cũng không thể thực hiện được trong thực tế. Ngược lại, nếu nhân viên có năng lực và đáng tin cậy, nhiều quá trình kiểm soát khác có thể không cần thiết mà vẫn có các báo cáo đáng tin cậy. Tuy nhiên ngay cả khi con người có năng lực và trung thực, họ vẫn có những khuyết điểm. Vì thế cần phải duy trì một số thủ tục kiểm soát tối thiểu.

Chính sách về nguồn nhân lực gồm: chính sách tuyển dụng, chính sách đào tạo, chính sách khen thưởng, kỷ luật... nó có ảnh hưởng quyết định đến trình độ và phẩm chất đội ngũ nhân viên. Do vậy, việc thực hiện chính sách nguồn nhân lực tốt sẽ tạo cho đơn vị có một môi trường kiểm soát thuận lợi.

Công tác kế hoạch: Khi thực hiện bất kỳ một công việc nào cũng cần có một kế hoạch cụ thể nhất định. Các kế hoạch vừa định hướng cho mọi hoạt động thực hiện, vừa là công cụ để kiểm soát quá trình thực hiện đó. Vì thế, nhà quản lý cần phải xây dựng một hệ thống kế hoạch sao cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Khi xây dựng kế hoạch không nên cứng nhắc mà cần linh hoạt điều chỉnh, thay thế cho phù hợp với thực tế.

Ban kiểm soát là các thành viên trong và ngoài Hội đồng quản trị nhưng không tham gia vào việc điều hành hoạt động của tổ chức. Ban kiểm soát có những đóng góp quan trọng cho việc thực hiện các mục tiêu của đơn vị, thông qua việc giám sát sự tuân thủ các quy định của luật pháp, giám sát công việc của Kiểm toán viên nội bộ, giám sát việc lập báo cáo tài chính... Vì có chức năng quan trọng như

thể nên sự hữu hiệu của Ban kiểm soát có ảnh hưởng rất lớn đến môi trường kiểm soát.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ: KTNB là một hoạt động đánh giá được lập ra trong một tổ chức như là một loại dịch vụ cho tổ chức đó, có chức năng kiểm tra, đánh giá và giám sát sự thích hợp và hiệu quả của hệ thống kế toán và KSNB. Vì thế, KTNB phải là bộ phận độc lập với tất cả bộ phận khác trong đơn vị đồng thời nó phải trực thuộc một cấp cao đủ để không giới hạn phạm vi hoạt động của nó, phải được giao quyền hạn tương đối rộng rãi để đáp ứng được nhu cầu giám sát và đánh giá thường xuyên về toàn bộ hoạt động của đơn vị.

Bộ phận KTNB là một nhân tố cơ bản trong môi trường kiểm soát. Bộ phận KTNB hữu hiệu sẽ giúp cho nhà lãnh đạo có được những thông tin kịp thời và xác thực về mọi hoạt động của đơn vị.

Các nhân tố bên ngoài:

Môi trường kiểm soát chung của một tổ chức còn phụ thuộc vào các nhân tố bên ngoài. Các nhân tố này tuy không thuộc sự kiểm soát của các nhà quản lý nhưng có ảnh hưởng rất lớn đến thái độ, phong cách điều hành của nhà quản lý cũng như sự thiết kế và vận hành các quy chế và thủ tục KSNB. Thuộc nhóm các nhân tố này bao gồm: sự kiểm soát của các cơ quan chức năng của nhà nước, môi trường pháp lý, đường lối phát triển của đất nước,...

Như vậy, môi trường kiểm soát bao gồm toàn bộ những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình thiết kế, vận hành và xử lý dữ liệu của HTKSNB, trong đó nhân tố chủ yếu và quan trọng là nhận thức về hoạt động kiểm tra kiểm soát và điều hành hoạt động của các nhà quản lý.

Các thủ tục kiểm soát nội bộ

Thủ tục kiểm soát là các quy chế và thủ tục do Ban lãnh đạo đơn vị thiết lập và chỉ đạo thực hiện trong đơn vị nhằm đạt được mục tiêu quản lý cụ thể. Việc xây dựng thủ tục kiểm soát phải dựa trên ba nguyên tắc cơ bản sau:

Nguyên tắc phân công, phân nhiệm: Nguyên tắc này không cho phép một thành viên nào được giải quyết mọi mặt của nghiệp vụ từ khi hình thành cho đến khi kết thúc. Nguyên tắc này thể hiện công việc và trách nhiệm cần được phân chia cụ thể cho nhiều người trong một bộ phận hay nhiều bộ phận khác nhau trong một tổ chức. Mục đích việc phân công, phân nhiệm rõ ràng nhằm để các nhân viên kiểm soát lẫn nhau, nếu có sai sót xảy ra sẽ được phát hiện nhanh chóng, đồng thời giảm đi cơ hội cho bất kỳ thành viên nào trong quá trình thực hiện nhiệm vụ có thể gây ra và giấu diếm sai phạm. Nguyên tắc này còn có tác dụng tạo ra sự chuyên môn hoá và giúp cho việc kiểm tra, thúc đẩy lẫn nhau trong công việc.

Nguyên tắc bắt kiêm nhiệm: Nguyên tắc này quy định sự cách ly thích hợp về trách nhiệm trong các nghiệp vụ có liên quan nhằm ngăn ngừa các sai phạm và hành vi lạm dụng quyền hạn. Cách ly thích hợp về trách nhiệm trong nhiều trường hợp rất có tác dụng trong việc ngăn ngừa những sai phạm nhất là những sai phạm cố ý. Đặc biệt trong các trường hợp sau, nguyên tắc bắt kiêm nhiệm cần phải được tôn trọng:

- Bắt kiêm nhiệm trong việc bảo vệ tài sản với kế toán.
- Bắt kiêm nhiệm trong việc phê chuẩn các nghiệp vụ kinh tế với việc thực hiện các nghiệp vụ đó.
- Bắt kiêm nhiệm giữa việc điều hành với trách nhiệm ghi sổ.

Nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn: Theo sự ủy quyền của các nhà quản lý, các cấp dưới được giao cho quyết định và giải quyết một số công việc trong một phạm vi nhất định. Quá trình ủy quyền được tiếp tục mở rộng xuống các cấp thấp hơn tạo nên một hệ thống phân chia trách nhiệm và quyền hạn mà vẫn không làm mất tính tập trung của tổ chức. Bên cạnh đó để tuân thủ tốt quá trình kiểm soát, mọi nghiệp vụ kinh tế phải được phê chuẩn đúng đắn, sự phê chuẩn được thực hiện qua hai loại: Phê chuẩn chung (được thực hiện thông qua việc xây dựng các chính sách chung về những mặt hoạt động cụ thể cho các cá bộ cấp dưới tuân thủ) và phê chuẩn riêng (được thực hiện theo từng nghiệp vụ kinh tế cụ thể). Nguyên tắc phê

chuẩn, ủy quyền yêu cầu tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được cấp có thẩm quyền phê chuẩn.

Ngoài những nguyên tắc cơ bản trên, các thủ tục kiểm soát còn bao gồm việc quy định chứng từ sổ sách phải ghi đầy đủ, quá trình kiểm soát vật chất đối với tài sản và sổ sách phải đầy đủ, quá trình kiểm soát vật chất đối với tài sản và sổ sách kế toán độc lập việc thực hiện các hoạt động của đơn vị.

Hệ thống thông tin

Trong hoạt động KSNB, hệ thống thông tin và truyền thông là điều kiện không thể thiếu cho việc thiết lập, duy trì và nâng cao năng lực kiểm soát thông qua việc hình thành các báo cáo để cung cấp thông tin về hoạt động nghiệp vụ, tài chính và sự tuân thủ.

Để đạt yêu cầu đó, cần có một hệ thống kế toán hoàn thiện và xác lập được các mục tiêu kiểm soát sau:

- Tính có thực: Cơ cấu kiểm soát không cho phép ghi chép những nghiệp vụ không có thực vào sổ sách của đơn vị.
- Sự phê chuẩn: Bảo đảm mọi nghiệp vụ xảy ra phải được phê chuẩn hợp lý.
- Tính đầy đủ: Bảo đảm việc phản ánh trọn vẹn các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Sự đánh giá: Đảm bảo không có sai phạm trong việc tính toán các khoản giá và phí.
- Sự phân loại: Đảm bảo các nghiệp vụ kế toán được ghi chép đúng theo sơ đồ tài khoản và ghi nhận đúng đắn ở các loại sổ sách kế toán.
- Tính đúng kỳ: Bảo đảm việc ghi sổ các nghiệp vụ phát sinh được thực hiện kịp thời theo quy định.
- Quá trình chuyển sổ và tổng hợp chính xác: Số liệu kế toán được ghi vào sổ phụ phải được tổng cộng và chuyển sổ đúng đắn, tổng hợp chính xác trên các báo cáo tài chính của tổ chức.

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin ngày càng có một vị trí quan trọng trong các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là ngành tài chính ngân hàng. TCTD có cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống thông tin quản lý hiện đại sẽ đem lại nhiều hiệu quả trong các mặt hoạt động của tổ chức mình đặc biệt là trong công tác kiểm soát nội bộ. Hệ thống thông tin tốt sẽ làm giảm thiểu những sai sót trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ, giúp cho nhà quản lý có thể dễ dàng kiểm soát hơn, có thể quản lý từ xa cùng lúc nhiều hoạt động khác nhau nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả.

1.2 HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Nếu như hệ thống tài chính, ngân hàng được ví như “huyết mạch” của nền kinh tế thì HTKSNB được ví như “thần kinh trung ương” của một TCTD. Hiểu về HTKSNB của TCTD như thế nào với những nội dung và phương thức gì vẫn còn là một vấn đề tương đối mới ở Việt Nam. Nội dung này sẽ giới thiệu một số cách nhìn khái quát về HTKSNB của các TCTD.

1.2.1 Các khái niệm liên quan

Tổ chức tín dụng là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật để hoạt động ngân hàng.

Ngân hàng là loại hình TCTD được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan. Theo tính chất và mục tiêu hoạt động, các loại hình ngân hàng gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, ngân hàng đầu tư, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác và các loại hình ngân hàng khác.

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng là loại hình TCTD được thực hiện một số hoạt động ngân hàng như là nội dung kinh doanh thường xuyên, nhưng không được nhận tiền gửi không kỳ hạn, không làm dịch vụ thanh toán. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác.

Hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng số tiền này để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán.

1.2.2 Đặc điểm hoạt động của tổ chức tín dụng ảnh hưởng đến tổ chức kiểm soát nội bộ

Hoạt động kinh doanh của các TCTD là một lĩnh vực hoạt động tổng hợp, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Song, lĩnh vực hoạt động này lại tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhiều tác động tiêu cực dẫn đến sự thực thi nhiệm vụ của các nhân viên của TCTD không đúng hành lang pháp lý, làm thiệt hại rất lớn đến tài sản của TCTD.

Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của tổ chức tín dụng

Huy động vốn: Là hoạt động tạo nguồn vốn cho TCTD, đóng vai trò quan trọng và ảnh hưởng tới chất lượng hoạt động của TCTD. Việc huy động vốn của TCTD thường thông qua các hình thức:

Nhận tiền gửi: Là việc TCTD nhận của các tổ chức, cá nhân một số tiền dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các hình thức khác. Đây là nguồn tiền quan trọng và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn tiền của TCTD. Đối với TCTD là ngân hàng được nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân và các TCTD khác ở các kỳ hạn, riêng TCTD phi ngân hàng chỉ được nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên của tổ chức, cá nhân theo quy định của NHNN.

Phát hành giấy tờ có giá: Là việc TCTD phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của NHNN.

Vay vốn giữa các TCTD: trong một số trường hợp cần thiết, TCTD sẽ thực hiện vay vốn giữa lẫn nhau để tạo nguồn đáp ứng nhu cầu hoạt động của mình.

Theo thời gian phát triển, các loại hình sản phẩm ngân hàng ngày càng đa dạng, phong phú. Ngày nay, bên cạnh những hình thức huy động vốn truyền thống, các TCTD còn tạo nguồn từ việc thực hiện các dịch vụ ủy thác như nhận UTĐT, nhận UTQLV, nhận ủy thác cho vay, nhận ủy thác giải ngân,... Đối với PVFC hoạt động tạo ra nguồn vốn chủ yếu là từ nhận UTQLV và nhận UTĐT.

Nhận UTQLV là việc PVFC nhận vốn giao của bên ủy thác để thực hiện quản lý theo những mục đích đã thỏa thuận, không trái với các quy định của pháp luật.

Nhận UTĐT là việc PVFC nhận vốn của kh thông qua hợp đồng UTĐT để đầu tư và kinh doanh các sản phẩm đầu tư theo danh mục đầu tư của PVFC.

Hoạt động tín dụng: Hoạt động tín dụng là việc TCTD sử dụng nguồn vốn tự có, nguồn vốn huy động để cho khách hàng sử dụng một khoản tiền với nguyên tắc có hoàn trả bằng các nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ khác. Nó là hoạt động quan trọng trong các TCTD, bao gồm 2 mặt: sinh lời và rủi ro. Song ở đây không có cách gì để loại trừ rủi ro tín dụng hoàn toàn mà phải quản lý cẩn thận.

Đối với PVFC, hoạt động tín dụng được thể hiện chủ yếu ở các nghiệp vụ cho vay và bảo lãnh.

Cho vay là việc TCTD giao cho khách hàng sử dụng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi

Bảo lãnh ngân hàng là cam kết bằng văn bản của TCTD với bên có quyền về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng khi khách hàng không thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho tổ chức tín dụng số tiền đã được trả thay.

Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:

TCTD là ngân hàng được thực hiện các dịch vụ thanh toán sau đây: Cung ứng các phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng; Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế khi được NHNN cho phép; Thực hiện

các dịch vụ thu hộ và chi hộ; Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác do NHNN quy định.

Dịch vụ ngân quỹ: TCTD được thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.

Các hoạt động khác:

Góp vốn, mua cổ phần: là việc TCTD dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của các TCTD khác theo quy định của pháp luật.

Nghiệp vụ uỷ thác và đại lý: TCTD được quyền uỷ thác, nhận uỷ thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân theo hợp đồng.

Dịch vụ tư vấn: TCTD được cung ứng các dịch vụ tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng.

Các dịch vụ khác liên quan đến hoạt động ngân hàng: TCTD được cung ứng dịch vụ bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Các nhân tố rủi ro trong hoạt động của TCTD

So với các ngành nghề kinh doanh khác thì tài chính, ngân hàng có mức độ rủi ro cao hơn hẳn. Rủi ro gắn liền với hoạt động của TCTD, phản ánh tình huống bất thường xảy ra gây tổn thất cho TCTD. Trong hoạt động của mình, các TCTD thường gặp các rủi ro sau đây:

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra những tổn thất ngoài dự kiến cho TCTD do khách hàng vay không trả đúng hạn, không trả hoặc không trả đầy đủ vốn và lãi. Khi thực hiện cho vay một khách hàng cụ thể, TCTD không dự kiến là khoản cho vay đó sẽ bị tổn thất. Tuy nhiên những khoản cho vay đó luôn hàm chứa rủi ro.

Rủi ro lãi suất là khả năng xảy ra tổn thất cho TCTD khi lãi suất thay đổi ngoài dự tính. Lãi suất thường xuyên biến động với các mức độ khác nhau có thể dẫn đến tổn thất. Rủi ro lãi suất có liên quan chặt chẽ với rủi ro tín dụng.

Rủi ro về hoạt động đầu tư là sự mất cơ hội, giảm tài sản, mất vốn hay mất nguồn thu từ việc đầu tư vào các dự án, đầu tư tài chính do thị trường biến động xấu hoặc do dự án không hiệu quả. Đối với hoạt động đầu tư tài chính đó là sự mất cơ hội, giảm giá trị do thị trường hoặc mất quyền kiểm soát do đánh giá sai thị trường, không theo sát biến động thị trường. Đối với đầu tư dự án, doanh nghiệp đó là sự thất thoát vốn do TCTD không kiểm soát được nguồn vốn đầu tư của mình hoặc do doanh nghiệp, dự án đó kém hiệu quả, do sự đánh giá trước đầu tư không chính xác hoặc không giám sát dự án đầu tư.

Rủi ro hối đoái là khả năng xảy ra những tổn thất ngoài dự kiến cho TCTD khi tỷ giá hối đoái thay đổi vượt quá mức thay đổi dự tính. Trong cơ chế thị trường, tỷ giá thường xuyên dao động. Sự thay đổi này cùng với trạng thái hối đoái của TCTD tạo ra thu nhập thặng dư hoặc thâm hụt tạm thời. Tuy nhiên, có những thay đổi tỷ giá ngoài dự kiến dẫn đến tổn thất cho TCTD.

Rủi ro thanh khoản là khả năng xảy ra tổn thất ngoài dự kiến cho TCTD khi nhu cầu thanh khoản thực tế vượt quá khả năng thanh khoản dự kiến là gia tăng các chi phí để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc làm cho TCTD mất khả năng thanh toán.

Rủi ro về hoạt động: một rủi ro khác cũng có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của TCTD đó là rủi ro hoạt động. Rủi ro này bao gồm: quản trị không tốt các quy trình hoạt động, các cán bộ quản lý có thẩm quyền lợi dụng chức vụ của mình thực hiện các hoạt động kinh doanh không đúng với chức năng nhiệm vụ của mình hoặc thu lợi cá nhân... Rủi ro này rất đáng quan tâm vì những kinh nghiệm trên thế giới đã chứng minh nhiều TCTD lớn đã gặp thiệt hại lớn khi rủi ro này xảy ra.

Rủi ro khác: các rủi ro khác là rủi ro về ngành nghề, đối tượng cấp tín dụng, đầu tư do khủng hoảng kinh tế hay chính sách thay đổi; rủi ro liên quan đến trường hợp bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, cháy nổ, lụt lội.

Để đảm bảo cho mỗi hoạt động, việc làm được đúng đắn và hạn chế rủi ro thấp nhất đối với hoạt động của mình, TCTD cần có sự kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ

trong mỗi hoạt động của mình. Việc kiểm tra, kiểm soát lại tạo cho mỗi cán bộ thừa hành phải có ý thức tuân thủ các quy định của nhà nước, của ngành và nội bộ của TCTD trong thực hiện nhiệm vụ được phân công. Bên cạnh đó, các nhà quản lý phải luôn cung cấp cho các cơ quan cấp trên một sự đảm bảo, công việc kinh doanh được kiểm soát đầy đủ và chặt chẽ. Vì vậy, việc thực hiện quản lý và theo dõi thiết lập HTKSNB đầy đủ, hiệu quả có vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong việc đảm bảo cho hoạt động của TCTD được lành mạnh, an toàn và hiệu quả.

Tóm lại, việc nghiên cứu và tìm ra biện pháp phát hiện, ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục rủi ro là vấn đề rất quan trọng trong hoạt động của TCTD mà trong đó nhiệm vụ của HTKSNB là vô cùng quan trọng.

1.2.3 Hệ thống kiểm soát nội bộ với việc tăng cường kiểm soát hoạt động tín dụng trong tổ chức tín dụng.

HTKSNB của TCTD được thiết lập nhằm mục đích thực hiện các mục tiêu, chính sách lớn của TCTD thông qua việc thực hiện các mục tiêu cụ thể, chủ yếu sau đây:

- Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng tài sản và các nguồn lực một cách kinh tế, an toàn, có hiệu quả.
- Bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời.
- Bảo đảm tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.

Trong hoạt động của TCTD việc hạn chế các rủi ro để đảm bảo hoạt động an toàn và hiệu quả là vấn đề vô cùng quan trọng. Nếu HTKSNB không được tổ chức tốt, công tác KSNB không được quan tâm xem trọng thì việc xảy ra rủi ro, tổn thất cho TCTD sẽ là điều tất yếu. Do đó cần thiết phải tăng cường vai trò của HTKSNB, nhất là kiểm soát hoạt động tín dụng. Để thực hiện tăng cường kiểm soát hoạt động tín dụng, HTKSNB cần phát huy hiệu lực của các yếu tố cấu thành của mình là môi trường kiểm soát, các thủ tục kiểm soát và hệ thống thông tin.

Môi trường kiểm soát: Việc thiết lập một môi trường kiểm soát tốt là nhân tố quan trọng trong hoạt động kiểm soát của TCTD, môi trường kiểm soát sẽ xác lập việc thiết kế và điều hành hoạt động của chính sách, thủ tục kiểm soát của TCTD.

Quan điểm và phong cách điều hành của ban lãnh đạo TCTD sẽ quyết định các chính sách, kế hoạch, quy chế hoạt động nội bộ của TCTD cũng như việc phân công kiêm nhiệm, thẩm quyền trách nhiệm, quy trình nghiệp vụ... Quan điểm của lãnh đạo TCTD theo chiều hướng nào thì mục tiêu kiểm soát sẽ được triển khai theo chiều hướng đó. Nếu như ban lãnh đạo chỉ quan tâm đến lợi nhuận thì TCTD đó sẽ sẵn sàng nói lỏng chính sách tín dụng để có thể làm gia tăng dư nợ, doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động tín dụng. Song song với việc nói lỏng chính sách tín dụng là các thủ tục kiểm soát bị bỏ qua, khả năng nhận diện cũng như cảnh báo rủi ro xuống thấp, do đó xác suất xảy ra rủi ro tín dụng là rất cao. Điều này sẽ rất nguy hiểm cho hoạt động của TCTD nói riêng và hệ thống tài chính, ngân hàng nói chung. Rủi ro tín dụng có thể dẫn đến rủi ro thanh khoản với việc hàng loạt người gửi tiền rút tiền ra khỏi TCTD, buộc TCTD phải đóng cửa và tuyên bố phá sản.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của các TCTD không ngừng thay đổi trước sự thay đổi của môi trường kinh doanh. Sự ra đời của các sản phẩm ngân hàng, sự thay đổi về nhu cầu tiết kiệm hay vay mượn, sự phát triển của công nghệ, quá trình đa dạng hóa, toàn cầu hóa tạo mối liên kết mới... đều dẫn đến sự thay đổi bộ máy của TCTD. Các TCTD lớn thường có nhiều chi nhánh, sở hữu nhiều công ty, hoạt động trên nhiều lĩnh vực, thị trường và có thể có nhiều chi nhánh ở nước ngoài. Vì vậy, tổ chức bộ máy của TCTD phải mang tính chuyên môn hóa cao. Tại các phòng chuyên môn tập trung các chuyên gia về tư vấn, nghiên cứu thị trường, phân tích tài chính công ty, ngành, quốc gia, các chuyên gia về cho vay, chứng khoán, luật, nhân sự, công nghệ,.. Các chi nhánh của TCTD cũng bao gồm nhiều phòng chuyên sâu như tín dụng doanh nghiệp, tín dụng cá nhân, đầu tư, thẩm định, kế toán, ủy thác,... Các bộ phận này có mối liên hệ hữu cơ mật thiết với nhau nhằm nhằm thực hiện phối hợp để đạt mục tiêu chung của TCTD. TCTD có cơ cấu tổ chức hợp lý không chồng chéo nhiệm vụ nhằm mục tiêu chủ yếu là tăng hiệu suất công việc, giảm rủi

ro cho TCTD đồng thời sẽ đảm bảo cho các thủ tục kiểm soát phát huy tác dụng một cách hiệu quả nhất.

Chính sách nhân sự là vấn đề rất quan trọng trong môi trường kiểm soát. Chất lượng cán bộ kém, không đủ trình độ đánh giá khách hàng hoặc đánh giá không tốt, cố tình làm sai... là một trong những nguyên nhân của rủi ro tín dụng. Nhân viên của TCTD phải tiếp xúc với nhiều ngành nghề, nhiều vùng, thậm chí nhiều quốc gia. Để cho vay tốt, họ phải am hiểu khách hàng, lĩnh vực mà khách hàng kinh doanh, môi trường mà khách hàng sống. Họ phải có khả năng dự báo các vấn đề liên quan đến người vay... Như vậy, họ cần phải được đào tạo và tự đào tạo kỹ lưỡng, liên tục và toàn diện. Khi nhân viên tín dụng cho vay đối với khách hàng mà họ chưa đủ trình độ để hiểu kỹ lưỡng, rủi ro tín dụng sẵn sàng xảy ra. Sống trong môi trường “tiền bạc”, nhiều nhân viên tín dụng đã không tránh khỏi những cám dỗ của đồng tiền. Họ tiếp tay cho khách hàng rút ruột TCTD. Như vậy, chất lượng nhân viên bao gồm trình độ và đạo đức nghề nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến sự an toàn trong hoạt động của TCTD. Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào chính sách nhân sự của TCTD.

Công tác kế hoạch là khâu rất quan trọng trong tiến trình thực hiện một công việc. Nếu kế hoạch được lập chu đáo và chặt chẽ thì TCTD không những thực hiện tốt các hoạt động của mình mà còn có khả năng kiểm soát được các hoạt động bất thường xảy ra. Hoạt động tín dụng là hoạt động bao trùm của TCTD. Với tầm quan trọng và quy mô lớn, hoạt động này cần được thực hiện theo một kế hoạch đã được xây dựng, điều này sẽ đảm bảo cho hoạt động tín dụng được diễn ra an toàn và trong tầm kiểm soát của Ban lãnh đạo.

Các thủ tục kiểm soát nội bộ

Thủ tục kiểm soát là những cách thức, giải pháp cụ thể, trong tiến trình kiểm soát có trình tự và quan hệ xác định. Khi các thủ tục này được vận hành một cách hữu hiệu thông qua việc thực hiện một cách nghiêm ngặt các quy chế quản lý thì

các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động của TCTD sẽ được ngăn chặn hoặc phát hiện một cách đầy đủ, kịp thời.

Thủ tục kiểm soát trong các TCTD cũng phải được thiết lập dựa trên các nguyên tắc sau: Nguyên tắc phân công, phân nhiệm; Nguyên tắc bất kiêm nhiệm; Nguyên tắc uỷ quyền và phê chuẩn.

Hệ thống thông tin

Đối với TCTD nghiệp vụ giữa các phòng ban, giữa chi nhánh và hội sở luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau, thông tin cung cấp luôn phải kịp thời và chính xác đến từng ngày và từng khách hàng, số liệu liên quan đến khách hàng phải được bảo mật. Do đó, hệ thống thông tin trong các TCTD phải đảm bảo tính chính xác, kịp thời, đầy đủ, dễ nắm bắt và cung cấp đúng với người có trách nhiệm. Việc truyền đạt thông tin giữa các cấp phải đảm bảo nhanh chóng và chính xác.

Hệ thống kế toán là một bộ phận quan trọng không thể thiếu trong HTKS NB, đây là một khâu rất quan trọng trong hệ thống thông tin của TCTD, phản ánh toàn bộ các vấn đề phát sinh trong hoạt động của TCTD. Sự kiểm soát chỉ có thể thực hiện tốt nếu thông tin nắm bắt trung thực, đáng tin cậy, kịp thời và chính xác.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã trình bày những điểm cơ bản về lý thuyết về HTSKNB tại doanh nghiệp nói chung và TCTD nói riêng làm cơ sở cho những đánh giá và phân tích về HTKSNB tại PVFC. Hệ thống kiểm soát nội bộ ở các đơn vị khác nhau sẽ được xây dựng khác nhau. Tuy nhiên, giống như các tổ chức khác thì HTKSNB của TCTD cũng bao gồm ba yếu tố môi trường kiểm soát, thủ tục kiểm soát và hệ thống thông tin. Bên cạnh đó, do đặc thù hoạt động của TCTD là có nhiều rủi ro, nhất là rủi ro trong hoạt động tín dụng, nên việc tăng cường KSNB đối với hoạt động tín dụng của TCTD là cần phải được lãnh đạo của TCTD quan tâm và tổ chức thực hiện.

Chương 2

THỰC TRẠNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

2.1 TỔNG QUAN VỀ TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam

Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam tiền thân là Công ty Tài chính Dầu khí, là TCTD phi ngân hàng và là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, được thành lập theo quyết định số 04/2000/QĐ-VPCP ngày 30/03/2000 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm văn phòng Chính phủ.

PVFC bắt đầu hoạt động từ ngày 01/12/2000 theo Giấy phép hoạt động số 12/GP-NHNN ngày 25/12/2000 của NHNN ban hành kèm theo quyết định số 456/2000/QĐ-NHNN ngày 25/12/2000 của Thống đốc NHNN và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 113108 ngày 23/08/2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Từ khi thành lập đến nay, PVFC đã 4 lần tăng vốn điều lệ. Lần tăng vốn đầu tiên vào ngày 01/01/2005, vốn điều lệ của PVFC được tăng từ 100 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng. Đến ngày 26/4/2006, để đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của mình PVFC chính thức tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng. Đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình hoạt động và phát triển của mình, ngày 14/02/2007, PVFC tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.

Ngày 18/03/2008, PVFC chính thức chuyển thành Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam. Chuyển đổi sang mô hình Tổng công ty với vốn điều lệ của PVFC tăng lên 5.000 tỷ đồng, trong đó Mogan Stanley trở thành cổ đông chiến lược nắm giữ 10% vốn điều lệ của PVFC. Đây là bước chuyển từ Công ty 100% vốn Nhà nước lên Tổng công ty cổ phần. Điều này đã thay đổi căn bản cơ chế hoạt

động và quản lý doanh nghiệp. Điều kiện thuận lợi, nền tảng phát triển để PVFC đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, đặt mục tiêu đến năm 2015 trở thành tập đoàn tài chính.

Từ khi thành lập đến nay, PVFC liên tục đạt được các thành tựu quan trọng, các chỉ tiêu tăng trưởng ổn định và vững chắc, tổ chức kinh doanh càng được củng cố và hoàn thiện, hệ thống quản lý được nâng cấp theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001:2000, đội ngũ được đào tạo và phát triển, văn hoá PVFC được hình thành. Với chức năng chủ yếu là thu xếp nguồn vốn cho Tập đoàn, vận hành sinh lời và hiệu quả nhất mọi nguồn tài chính của ngành Dầu khí, tạo lập công cụ tài chính hỗ trợ chính sách nhân viên của Tập đoàn, nhiều sản phẩm mang tính sáng tạo của PVFC đã lần lượt ra đời, trở thành những sản phẩm đặc trưng, góp phần tạo nên nét riêng của PVFC trên thị trường như: uỷ thác đầu tư, uỷ thác quản lý vốn,...

Cơ cấu tổ chức

Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của PVFC. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể PVFC, quyết định định hướng phát triển của PVFC, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản trị cao nhất của PVFC, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của PVFC.

Ban Tổng giám đốc gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của PVFC và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hằng ngày của PVFC.

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của PVFC.

Kiểm toán nội bộ là đơn vị chuyên trách thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của Ban kiểm soát PVFC. KTNB được tổ chức thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban kiểm soát.

Bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban chức năng.

Khối quản lý có chức năng tham mưu và giúp Tổng giám đốc chỉ đạo: công tác tổ chức nhân sự; công tác kế hoạch; công tác kế toán; công tác quản trị rủi ro; công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; công tác pháp chế, hành chính quản trị.

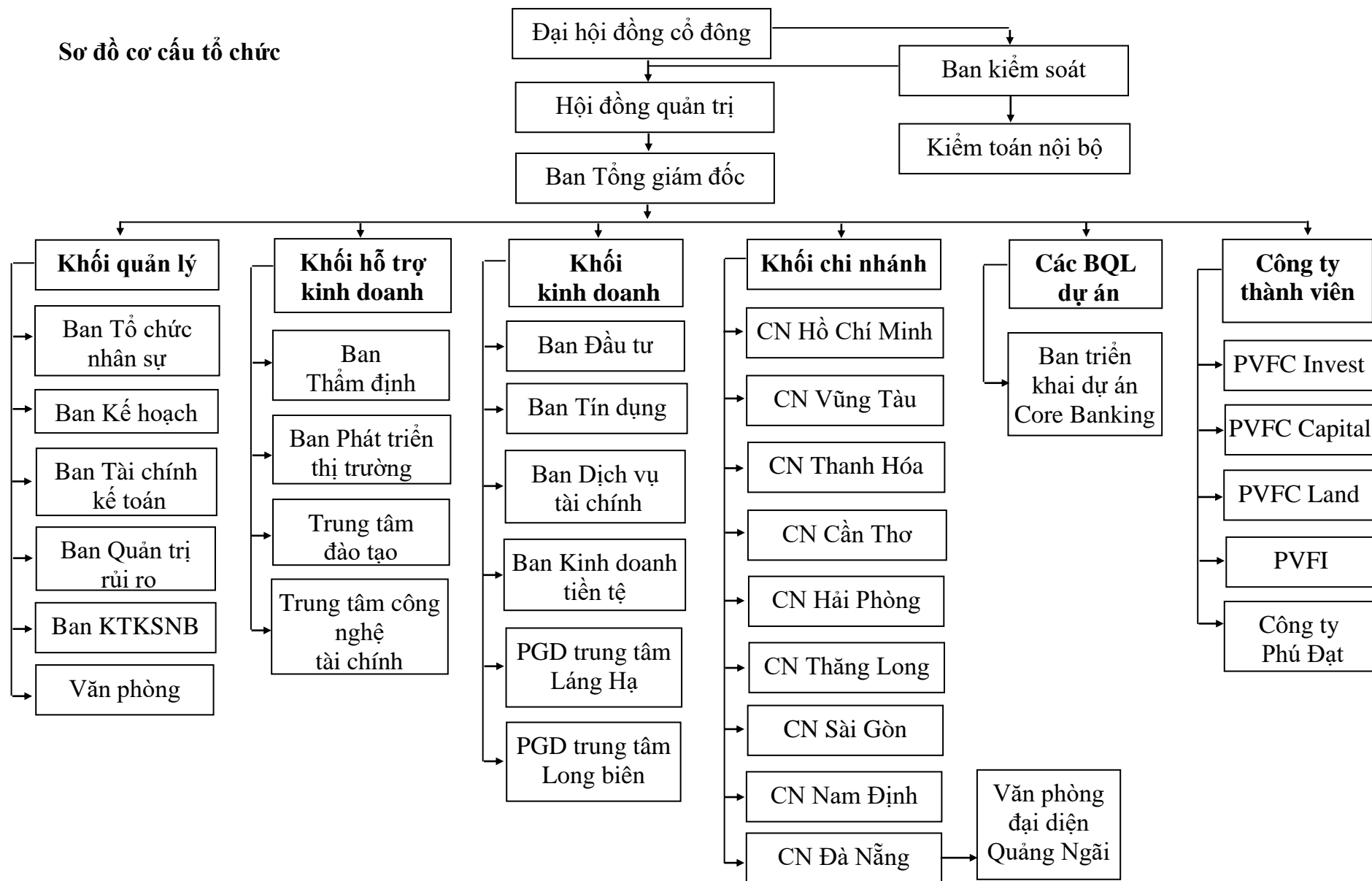
Khối hỗ trợ kinh doanh có chức năng tham mưu và giúp Tổng giám đốc chỉ đạo: công tác thẩm định; công tác thị trường và phát triển sản phẩm; công tác đào tạo và công nghệ thông tin.

Khối kinh doanh có chức năng kinh doanh, tham mưu và giúp Tổng giám đốc trong: hoạt động đầu tư; hoạt động tín dụng; dịch vụ tài chính; kinh doanh tiền tệ.

Mạng lưới Chi nhánh: Ngoài hội sở chính tại Hà Nội, PVFC còn có hệ thống 09 chi nhánh và các phòng giao dịch trên toàn quốc. Một số phòng giao dịch trực thuộc hội sở, một số phòng giao dịch trực thuộc chi nhánh và ra đời ngay khi chi nhánh thành lập. Chi nhánh là đơn vị hạch toán phụ thuộc của PVFC, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại hệ thống NHNN, chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi với Tổng công ty; là đầu mối giao dịch của PVFC với các đơn vị trong và ngoài ngành dầu khí tại các tỉnh khu vực trên toàn quốc.

Ngoài ra, PVFC còn có các công ty thành viên hoạt động trong lĩnh vực tài chính, bất động sản, được thành lập với mục đích thu hút thêm nguồn vốn và lao động bên ngoài, mở rộng lĩnh vực và địa bàn hoạt động, giảm tải bộ máy quản lý cho PVFC, nâng cao năng lực quản lý và phân tán rủi ro trong hoạt động kinh doanh của PVFC đồng thời nâng cao tính năng động, độc lập và chuyên sâu trong hoạt động kinh doanh của PVFC. Hiện tại, PVFC có các công ty thành viên sau: Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí (PVFC Invest), Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital), Công ty cổ phần bất động sản tài chính dầu khí (PVFC Land), Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI), Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Phú Đạt (Công ty Phú Đạt).

Sơ đồ cơ cấu tổ chức



2.1.2 Phạm vi hoạt động của Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam

Thị trường hoạt động của PVFC rộng khắp tại các khu vực kinh tế trọng điểm của đất nước và khu vực có hoạt động dầu khí như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Đà Nẵng, Hải Phòng,... trong tương lai phát huy lợi thế sẵn có, PVFC tiếp tục cung cấp dịch vụ tới các khách hàng cá nhân trong và ngoài ngành. Đồng thời ưu tiên tập trung vào các khách hàng là doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng, tài chính, bất động sản, du lịch cao cấp,...

Do không có chức năng thanh toán như các ngân hàng nên ngay từ khi thành lập, PVFC đã định hướng chuyên về các doanh nghiệp lớn có tiềm lực tài chính. Đối với mảng khách hàng cá nhân, hiện nay PVFC chủ yếu tập trung khai thác vào thị trường cán bộ công nhân viên trong ngành dầu khí.

PVFC cung cấp cho khách hàng dịch vụ tài chính đa dạng gồm:

- Sản phẩm tiền có từ huy động vốn: nhận UTQLV có kỳ hạn, nhận UTĐT, nhận tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm,...
- Sản phẩm tín dụng: cho vay, bảo lãnh, tư vấn và thu xếp vốn,...
- Sản phẩm đầu tư: góp vốn thành lập công ty; góp vốn đầu tư dự án; mua cổ phần hoặc mua lại phần góp vốn tại các công ty; mua công trái, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu và các công cụ hưởng lãi; ủy thác đầu tư có chỉ định.
- Các hoạt động khác: tư vấn tài chính, hoạt động đại lý, quản lý tài khoản thanh toán,...

Với mục tiêu đến năm 2015 PVFC sẽ là Tập đoàn tài chính quan trọng nhất, là xương sống trong các định chế tài chính khác của Tập đoàn, đáp ứng được tối đa nhu cầu vốn cho các dự án của Tập đoàn, trong những năm gần đây hoạt động huy động vốn, hoạt động tín dụng và hoạt động đầu tư tại PVFC được tăng cường đẩy mạnh.

Huy động vốn

Đây là hoạt động đảm bảo tạo dựng được nguồn vốn vững chắc, ổn định đáp ứng nhu cầu kinh doanh của PVFC đặc biệt là vốn trung và dài hạn. Các nguồn huy

động vốn đa dạng, chú trọng tạo vốn từ nguồn tiền tệ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên thông qua tài khoản trung tâm của Tập đoàn, từ hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam, từ các tổ chức tài chính trong và ngoài nước.

PVFC đặc biệt chú trọng nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm mới phù hợp với thị trường và hoạt động kinh doanh của PVFC. Đa dạng hoá các hình thức huy động bao gồm huy động từ phát hành và đại lý phát hành trái phiếu; UTQLV và quản lý dòng tiền; nhận UTĐT, huy động từ uỷ thác của Chính phủ, Bộ Tài chính; Tập đoàn và các đơn vị thành viên, một số tập đoàn kinh doanh khác của Việt Nam; huy động từ các tổ chức tài chính khác như bảo hiểm, quỹ đầu tư... Sử dụng thị trường chứng khoán và huy động vốn qua phát hành trái phiếu PVFC là kênh chủ yếu để huy động vốn trung và dài hạn cho đầu tư phát triển (Phụ lục 01).

Hoạt động tín dụng

PVFC xem xét cấp tín dụng theo các lĩnh vực, ngành nghề quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về hệ thống ngành nghề kinh tế của Việt Nam đối với các khách hàng đáp ứng được đầy đủ điều kiện cho vay của PVFC và có phương án sử dụng tiền vay có hiệu quả. Định kỳ hằng năm, khi xét thấy cần thiết, HĐQT ban hành tỷ trọng hạn mức tín dụng tại PVFC nhằm định hướng hoạt động tín dụng của PVFC phù hợp với tình hình kinh tế và chiến lược phát triển tín dụng của PVFC.

Đối tượng khách hàng tín dụng theo định hướng của PVFC là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng, khoáng sản, du lịch cao cấp, bất động sản, đầu tư kinh doanh khu đô thị mới cao cấp, văn phòng cho thuê, tài chính, tín dụng, chứng khoán, tiền tệ và bảo hiểm. Đối với các khách hàng cá nhân, PVFC chủ yếu cung cấp dịch vụ tín dụng cho cán bộ công nhân viên của các đơn vị trong ngành và các đơn vị ký thỏa thuận hợp tác với PVFC.

Các sản phẩm của PVFC đáp ứng nhu cầu đa dạng của mọi thành phần kinh tế, cung cấp nhiều sản phẩm tín dụng như cho vay trực tiếp, bảo lãnh, bao thanh toán, đồng tài trợ, uỷ thác, thu xếp vốn và chiết khấu, trong đó, cho vay trực tiếp

vẫn là hoạt động chủ yếu mang lại thu nhập chủ yếu cho PVFC. PVFC cung cấp tín dụng cả bằng VNĐ và ngoại tệ (USD), trong đó, VNĐ chiếm xấp xỉ 80% (Phụ lục 02).

Hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư là mảng hoạt động mạnh và có uy tín của PVFC, bao gồm: Góp vốn thành lập công ty; Góp vốn đầu tư dự án: là hình thức mà PVFC cùng các đối tác ký các hợp đồng hợp tác kinh doanh mà không thành lập pháp nhân mới, các bên tự chịu trách nhiệm pháp lý về hoạt động của mình và phân chia kết quả kinh doanh theo thỏa thuận trong hợp đồng; Mua cổ phần hoặc mua lại phần vốn góp tại các công ty; Mua công trái, trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu và các công cụ hưởng lãi.

Vốn đầu tư được huy động từ nguồn vốn điều lệ của PVFC, nguồn vốn ủy thác đầu tư và đặc biệt là từ nguồn ủy thác của Tập đoàn. Định hướng của PVFC là tập trung vào chứng khoán của các đơn vị trong ngành dầu khí, hệ thống ngân hàng, năng lượng và du lịch cao cấp (Phụ lục 03).

2.2 THỰC TRẠNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

2.2.1 Khái quát chung về hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam

Ở PVFC, hoạt động KSNB là một phần không tách rời các hoạt động hàng ngày. Cơ chế KSNB được thiết kế, cài đặt, tổ chức thực hiện ngay trong mọi quy trình nghiệp vụ, tại tất cả các đơn vị, bộ phận. PVFC xác định hoạt động KSNB dựa trên một số nguyên tắc cụ thể như sau:

- Nguyên tắc phân công phân nhiệm: Sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể giúp cho Ban Tổng giám đốc; các ban, phòng ở hội sở, phòng giao dịch, chi nhánh chủ động trong việc quản lý, điều hành nắm rõ chức năng và tình hình thực hiện nhiệm vụ của từng bộ phận mình phụ trách để có biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa, chấn chỉnh kịp thời.

- Nguyên tắc bất kiêm nhiệm: Là nguyên tắc phân chia trách nhiệm thích hợp, luôn được PVFC tuân thủ và nghiêm túc thực hiện. Điều này giúp cho công việc của từng nhóm người, từng bộ phận không bị chồng chéo và là yếu tố giúp cho việc kiểm soát được thực hiện tốt hơn.

- Nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn: Việc ủy quyền cho từng cấp quản lý đòi hỏi mỗi người quản lý phải có trách nhiệm về quyết định của mình, phát huy năng lực của từng cá nhân quản lý, tránh quyền lực tập trung vào một người. Nguyên tắc này giúp cho PVFC kiểm soát được hoạt động của từng đơn vị trực thuộc thông qua lãnh đạo các cấp, từ đó chất lượng kiểm soát được nâng cao và hiệu quả hơn.

- Nguyên tắc kiểm soát kép, kiểm tra chéo: Nguyên tắc này đảm bảo mọi công việc đều có người thực hiện và người kiểm tra lại, mỗi cá nhân, đơn vị đều phải tự kiểm soát và tự chịu trách nhiệm về công việc được giao, đảm bảo công việc được tuân thủ đúng pháp luật, quy chế, quy trình nghiệp vụ và mang lại hiệu quả.

Theo đó KTNB và bộ phận KTKSNB chuyên trách được thành lập nhằm giúp Tổng giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của PVFC, duy trì hệ thống quản lý chất lượng của PVFC đạt chuẩn ISO 9001:2000.

KTNB có nhiệm vụ kiểm tra, rà soát đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, các hoạt động của PVFC (cơ chế, chính sách, thủ tục, quy trình hoặc các vấn đề trong hoạt động) dựa trên mức độ rủi ro và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của PVFC. Đối với tất cả những vấn đề có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của PVFC, KTNB cần thông báo kịp thời về bản chất và ảnh hưởng của chúng đối với hoạt động của PVFC và đưa ra những khuyến nghị thiết thực nhằm ngăn ngừa, khắc phục những vấn đề này.

Bộ phận KTKSNB chuyên trách có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác quản lý và điều hành, tuân thủ quy định của pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định nội bộ của Tổng công ty. Trực tiếp kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành

quy trình hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật và nội bộ, cảnh báo kịp thời các rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Trực tiếp kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các nội quy, quy chế và quy định của cán bộ nhân viên PVFC. Giám sát việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của NHNN, của Tập đoàn và các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh. Đánh giá mức độ đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh và kiến nghị các biện pháp nâng cao khả năng bảo đảm an toàn trong hoạt động kinh doanh của PVFC.

Theo quy chế tổ chức và hoạt động của KTNB và của bộ phận KTKSNB chuyên trách thì nguyên tắc tổ chức và hoạt động cơ bản của hai bộ phận này là: Hoạt động độc lập với các đơn vị nghiệp vụ của PVFC, các kiểm tra viên không kiêm nhiệm các công việc khác của PVFC; Độc lập với việc đánh giá, kết luận, kiến nghị trong các hoạt động giám sát, kiểm tra và kiểm soát; Những đánh giá, kết luận, kiến nghị của kiểm tra viên về các ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại hoặc hành vi vi phạm của các bộ phận và cá nhân liên quan trong các hoạt động nghiệp vụ của PVFC phải mang tính khách quan, rõ ràng, chính xác và đảm bảo tính khách quan, trung thực. Tuy nhiên, trong thực tế bộ phận KTKSNB của PVFC không đảm bảo được tính độc lập dẫn đến việc đánh giá kết luận cũng không còn khách quan. Bộ phận KTKSNB các chi nhánh (trừ chi nhánh Hồ Chí Minh) trực thuộc phòng Tổng hợp và do Giám đốc chi nhánh quyết định: xếp lương chức danh, bố trí sắp xếp nhân sự, bổ nhiệm,... Giám đốc chi nhánh, lãnh đạo phòng Tổng hợp đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cán bộ KTKSNB các chi nhánh; Tiền lương, tiền thưởng của cán bộ KTKSNB phụ thuộc vào kết quả hoạt động của chi nhánh, phòng Tổng hợp. Điều này sẽ dẫn đến việc kiểm tra và báo cáo kết quả cho Tổng giám đốc của bộ phận KTKSNB khó đảm bảo được tính kịp thời, trung thực. Vì việc báo cáo sẽ ảnh hưởng đến kết quả thi đua, tiền lương, tiền thưởng,... của chi nhánh, phòng Tổng hợp (bao gồm cả cán bộ KTKSNB) và trong một số trường hợp sẽ chịu sự chi phối của Giám đốc chi nhánh. Chính cơ cấu tổ chức này đã làm ảnh hưởng đến tính độc lập của KTKSNB làm cho hoạt động của bộ phận KTKSNB tại các chi nhánh thực sự không hiệu quả.

2.2.2 Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam

2.2.2.1 Môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát là nền tảng cơ bản trong cách thức hoạt động HTKSNB, tại PVFC môi trường kiểm soát được thể hiện qua các nội dung cơ bản sau:

Đặc thù về quản lý:

Là công ty kinh doanh tài chính tiền tệ hoạt động với với tôn chỉ "Tầm nhìn tăng trưởng - Cam kết vững chắc - Thành công tài chính" trong những năm qua Ban lãnh đạo PVFC xác định công tác quản lý rủi ro và bảo toàn vốn là công tác trọng yếu. Điều này đã được thể hiện rõ trong chính sách điều hành của PVFC:

- Thành lập các hội đồng tư vấn, quản lý và giám sát bao gồm: Hội đồng tín dụng và Hội đồng đầu tư giúp Ban lãnh đạo PVFC trong các quyết sách cấp tín dụng cho khách hàng và các quyết sách đầu tư tài chính, dự án, doanh nghiệp đúng đắn nhất, góp phần hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra.
- Xây dựng hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế hợp lý.
- Tiến hành phân cấp, phân quyền về tín dụng và đầu tư trong toàn hệ thống.
- Áp dụng hệ thống chất lượng ISO 9001-2000.
- Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động kinh doanh, quản lý nhân sự.
- Chú trọng đào tạo cán bộ nâng cao trình độ và áp dụng các chính sách cán bộ.
- Tăng cường công tác KSNB và KTNB.

Luôn nhận thức được ảnh hưởng của hoạt động tín dụng đối với PVFC khi rủi ro tín dụng xảy ra, Ban lãnh đạo PVFC đã và đang áp dụng những biện pháp và chính sách như: xây dựng tỷ trọng, phân bổ hạn mức cấp tín dụng theo lĩnh vực ngành nghề, áp dụng ban hành quy chế tín dụng, thực hiện xếp hạng tín dụng nội

bộ để đánh giá và cho vay với từng loại khách hàng, thẩm định và định giá các loại hình tài sản thế chấp cũng như phân tích dự án khả thi và khả năng tài chính của từng khách hàng để đưa ra mức cho vay hợp lý, thực hiện quy chế giám sát, kiểm soát, tái thẩm định từ giai đoạn ban đầu nộp hồ sơ cho đến hết quãng đường của một hồ sơ cho vay cấp vốn, các quy định về thẩm định và phê duyệt, dựa trên nguyên tắc độc lập và theo mức phân quyền (một hồ sơ được chấp nhận phải qua ít nhất là ba cấp). Tùy theo nhu cầu vốn và quy mô cần cấp vốn mà các chi nhánh hay hội sở sẽ thực hiện việc thẩm định.

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của PVFC được sắp xếp và có điều chỉnh trong từng giai đoạn để phù hợp với mục tiêu phát triển. Ngày 30/03/2009, PVFC đã ra các quyết định về việc thành lập các Ban, phòng và các đơn vị chức năng trong toàn hệ thống đánh dấu một bước tiến mới trong việc thiết lập một cấu trúc hợp lý nhất tại PVFC từ trước đến nay. Theo đó, cơ cấu tổ chức tại PVFC được phân thành khối kinh doanh, khối quản lý, khối hỗ trợ quản lý, khối các chi nhánh và các công ty con. Trên cơ sở này các đơn vị đã chuyên môn hóa với những trách nhiệm và quyền hạn nhất định nhưng vẫn có mối liên hệ mật thiết với nhau nhằm thực hiện các chức năng khác nhau nhưng cùng tiến tới mục tiêu chung của PVFC.

Đồng thời, mô hình hoạt động của các chi nhánh cũng được thiết lập lại cho phù hợp với quy mô thị trường, mục tiêu hoạt động của từng chi nhánh. Hiện tại, các chi nhánh của PVFC hoạt động theo ba mô hình, tương ứng với mỗi mô hình các Chi nhánh sẽ có các phòng như sau:

- Mô hình 1: Phòng Tín dụng, Phòng Đầu tư, Phòng Dịch vụ tài chính, Phòng Kinh doanh tiền tệ, Phòng Thẩm định và quản trị rủi ro, Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Kế hoạch và thị trường, Phòng Tổng hợp.
- Mô hình 2: Phòng Tín dụng, Phòng Đầu tư và Dịch vụ tài chính, Phòng Thẩm định và quản trị rủi ro, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổng hợp.

- Mô hình 3: Phòng Kinh doanh, Phòng Thẩm định và quản trị rủi ro, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổng hợp.

Trong việc thực hiện các mục tiêu của PVFC, các ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu trực tiếp cho từng thành viên Ban Tổng Giám đốc được phân công phụ trách hoặc các ban phối hợp với nhau để triển khai nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm được giao. Việc phối hợp giữa các ban nghiệp vụ với nhau hoặc giữa các ban với các chi nhánh được thực hiện thường xuyên và xem như một yêu cầu bắt buộc trong hoạt động của PVFC, thông qua đó các quyết định quản lý của Tổng giám đốc được phổ biến, hướng dẫn triển khai kịp thời và cụ thể đến từng chi nhánh và các thông tin phản hồi từ hoạt động các chi nhánh dưới cơ sở được cập nhật, tổng hợp và tham mưu kịp thời cho lãnh đạo. Như vậy, việc quy định cụ thể chức năng nhiệm vụ của từng ban nghiệp vụ một mặt giúp cho từng ban nghiệp vụ và đơn vị cơ sở thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình, mặt khác còn tạo cho công tác quản lý chung được thống nhất, phát huy hiệu quả, góp phần tăng cường hoạt động kiểm soát trong toàn hệ thống của PVFC.

Tương tự, đối với các chi nhánh trong hoạt động đều tuân theo quy chế đề ra, phân rõ chức năng và nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, trong triển khai nghiệp vụ có kiểm tra kiểm soát thường xuyên đảm bảo tính minh bạch, chặt chẽ và hiệu quả trong từng khâu tác nghiệp.

Công tác kế hoạch

Hệ thống kế hoạch của PVFC bao gồm: kế hoạch dài hạn (kế hoạch 5 năm, 10 năm), kế hoạch hàng năm, kế hoạch hàng quý, kế hoạch hàng tháng. Các kế hoạch này được lập đối với từng đơn vị và chung của cả Tổng công ty. Nội dung chính của các kế hoạch này bao gồm các nhiệm vụ và chỉ tiêu kinh tế cần đạt được trong kỳ kế hoạch của PVFC và từng đơn vị thuộc PVFC.

Kế hoạch của PVFC được lập và giao cho từng đơn vị trong Tổng công ty. Đối với kế hoạch năm trước ngày 30/9 hàng năm hoặc theo yêu cầu, các đơn vị hoàn thành báo cáo ước thực hiện năm và dự kiến kế hoạch năm sau của đơn vị

mình. Trên cơ sở đó, Ban Kế hoạch hoàn thành báo cáo tổng kết năm và dự kiến kế hoạch năm sau của Tổng công ty trình Tổng giám đốc, sau đó Tổng giám đốc cân đối, rà soát và giao kế hoạch cụ thể cho từng đơn vị. Việc giao kế hoạch có sự trao đổi và thống nhất giữa hội sở và các đơn vị, đưa đến sự đồng thuận trong việc lập và giao kế hoạch tránh tình trạng kế hoạch giao không phù hợp, quá cao hoặc quá thấp ảnh hưởng đến tiến trình thực hiện và hiệu quả mang lại. Đối với các đơn vị thuộc chi nhánh cũng sẽ được bộ phận kế hoạch của chi nhánh giao lại kế hoạch (năm, quý, tháng) cho từng đơn vị cụ thể trên cơ sở kế hoạch của toàn chi nhánh.

Song song với việc giao thì định kỳ hàng quý, hàng năm PVFC tiến hành đánh giá thực hiện kế hoạch của các đơn vị. Trên cơ sở kế hoạch đã giao, báo cáo thực hiện của các đơn vị kết hợp với báo cáo đánh giá định kỳ của các đơn vị khác và kết quả theo dõi thực tế để trình Hội đồng thi đua khen thưởng xem xét, quyết định.

Ngoài ra, PVFC còn có những kế hoạch đột xuất được giao trong từng thời kỳ để thúc đẩy hiệu quả hoạt động và ứng phó với những tình trạng bất thường ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống.

Công tác nhân sự

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của PVFC, Ban lãnh đạo PVFC đặc biệt chú trọng đến việc tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. PVFC hoạch định chiến lược phát triển nguồn nhân lực dài hạn và nhất quán với các nội dung chủ yếu sau:

Chính sách tuyển dụng: Cán bộ nhân viên được tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phát triển của PVFC và phải đảm bảo hội đủ yêu cầu về trình độ và năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc theo nhóm, phù hợp với các chức danh cần tuyển. Ưu tiên tuyển dụng chuyên gia có trình độ cao trong các lĩnh vực tài chính ngân hàng, quản lý kinh tế, công nghệ thông tin, con em cán bộ công nhân viên có đóng góp vì sự nghiệp phát triển của PVFC và ngành Dầu khí.

Chính sách đào tạo: Tổ chức các chương trình huấn luyện và đào tạo CBNV có mục tiêu phù hợp với chiến lược phát triển từng thời kỳ và chiến lược phát triển

dài hạn của Công ty. Nội dung đào tạo được tập trung vào các kỹ năng quản trị hiện đại, ngoại ngữ, các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng xử lý tình huống. Tuy nhiên, nội dung đào tạo tại PVFC chưa có chương trình chuyên sâu bồi dưỡng theo các chức danh cán bộ nghiệp vụ ở các lĩnh vực như công tác tín dụng, đầu tư, công tác thẩm định, quản trị rủi ro, xử lý nợ, dự báo... do đó hiệu quả triển khai nghiệp vụ trong thực tế chưa sâu, chưa thực sự thống nhất trong quá trình vận dụng quy chế, quy trình vào thực tiễn, việc vận dụng đôi chỗ còn lúng túng. Đó lại là các giai đoạn của quá trình kiểm soát tín dụng, đầu tư trước, trong và sau khi cho vay và đầu tư nên ít nhiều cũng gây ảnh hưởng đến rủi ro trong hoạt động của PVFC.

Chính sách đãi ngộ: Chính sách lương, thưởng gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để cán bộ nhân viên sáng tạo trong công việc. Khuyến khích các thành viên làm việc tốt, chất lượng cao, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo tinh thần thi đua của mọi người, không bình quân chủ nghĩa.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của PVFC bao gồm 03 người và trong đó có một thành viên là chuyên trách. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Thẩm định báo cáo tài chính hằng năm của PVFC, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính của PVFC khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu cổ đông lớn.
- Thường xuyên báo cáo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính; hoạt động của hệ thống KTKSNB và KTNB của PVFC.
- Được sử dụng HTKSNB và KTNB của PVFC để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Kiểm toán nội bộ

KTNB là đơn vị chuyên trách thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ các hoạt động nghiệp vụ tại PVFC. KTNB được tổ chức thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban kiểm soát. KTNB của PVFC có những nhiệm vụ cơ bản sau:

- Kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với tất cả các đơn vị, bộ phận, các hoạt động của PVFC dựa trên mức độ rủi ro và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của PVFC.
- Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; kiến nghị xử lý những phạm vi; đề xuất các biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của HTKSNB.
- Đánh giá mức độ phù hợp của các hoạt động nhằm ngăn ngừa, khắc phục những điểm yếu đã được báo cáo; các hoạt động nhằm hoàn thiện HTKSNB; và theo dõi cho đến khi các vấn đề này được xử lý thỏa đáng.

Các nhân tố bên ngoài

Các nhân tố bên ngoài có sự ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến đường lối phát triển của PVFC chủ yếu là các quy định của NHNN về hoạt động của TCTD và mục tiêu phát triển của Tập đoàn. Các quy định của NHNN đã góp phần rất lớn trong việc đảm bảo an toàn hoạt động của PVFC cũng như các TCTD khác, đồng thời các quy định này cũng được lấy làm “chuẩn” trong việc thực hiện kiểm soát.

PVFC ra đời vì mục tiêu phát triển của Tập đoàn do đó một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của PVFC là thu xếp vốn cho các công ty thuộc Tập đoàn. Do đó, đối tượng khách hàng chủ yếu của PVFC là các công ty và cán bộ công nhân viên thuộc ngành dầu khí. Chính điều này cũng đã ảnh hưởng lớn đến thái độ của Ban lãnh đạo cũng việc thiết kế và vận hành các thủ tục KSNB. Chẳng hạn như cùng một mục đích vay vốn, cùng thời gian vay và hiệu quả của dự án là như nhau nhưng đối với khách hàng là công ty thuộc ngành dầu khí thì có thể được

vay tín chấp nhưng đối với khách hàng ngoài ngành thì phải có tài sản đảm bảo mới được vay vốn.

2.2.2.2 Thủ tục kiểm soát nội bộ

Phạm vi hoạt động của PVFC hiện nay tương đối rộng với nhiều sản phẩm đa dạng như cho vay, bảo lãnh, thu xếp vốn, đầu tư dự án, đầu tư chứng từ có giá, ủy thác quản lý vốn... Do đó việc thiết lập các thủ tục KSNB một cách bài bản và chặt chẽ sẽ giữ vai trò rất quan trọng trong việc kiểm soát toàn bộ hoạt động của PVFC.

Tại PVFC các thủ tục kiểm soát được thiết lập trên cơ sở các nguyên tắc: nguyên tắc phân công phân nhiệm, nguyên tắc bắt kiểm nhiệm, nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn.

Nguyên tắc phân công, phân nhiệm: Ở PVFC, việc phân công phân nhiệm được thực hiện từ Ban lãnh đạo cho đến các chuyên viên, nhân viên. Mỗi cá nhân làm việc tại PVFC đều có một chức danh nhất định và ứng với mỗi chức danh đó sẽ là bản mô tả công việc về trách nhiệm, quyền hạn cũng như nội dung chi tiết công việc phải thực hiện của chức danh đó. Đối với Ban Tổng giám đốc, việc phân công nhiệm vụ giữa các thành viên luôn được thực hiện qua các thời kỳ phù hợp với tình hình nhân sự Ban Tổng giám đốc cũng như mục tiêu phát triển của PVFC.

Theo quyết định phân công nhiệm vụ trong tháng 09/2009, nhiệm vụ của các thành viên trong Ban Tổng giám đốc được phân công cụ thể như sau:

- Tổng Giám đốc Tổng Quốc Trường: Phụ trách chung các lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty, trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: Chiến lược, kế hoạch; Tổ chức nhân sự; Kinh doanh vốn; Quản trị rủi ro; KTKSNB; Công tác đối ngoại; Kế hoạch mua sắm năm; Quản lý hoạt động các Chi nhánh tại Miền Bắc và Miền Trung.

Trực tiếp quản lý: Ban Kinh doanh tiền tệ; Ban Tổ chức nhân sự; Ban KTKSNB; Ban Quản trị rủi ro; Chi nhánh Thăng Long; Chi nhánh Hải Phòng; Chi nhánh Nam Định; Chi nhánh Thanh Hoá; Chi nhánh Đà Nẵng.

- Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Anh Tuấn:

Phụ trách các lĩnh vực: Công tác đầu tư; Phát triển thị trường, khách hàng; Triển khai hợp tác toàn diện với các đơn vị; Công tác truyền thông & thương hiệu; Phụ trách cổ đông chiến lược Mogan Stanley.

Trực tiếp quản lý: Ban Đầu tư; Ban Phát triển thị trường.

Phối hợp cùng HĐQT PVFC quản lý PVFC Land; PVFC Invest; PVFC Capital; Công ty Phú Đạt và PVFI.

- Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Thiện Bảo:

Phụ trách các lĩnh vực: Dịch vụ tài chính quốc tế; Thu xếp vốn; Tín dụng doanh nghiệp; Chỉ đạo công tác xử lý nợ xấu; Chỉ đạo công tác niêm yết cổ phiếu PVF trên sàn giao dịch chứng khoán Singapore.

Trực tiếp quản lý: Ban Dịch vụ tài chính; Ban Tín dụng.

- Phó Tổng Giám đốc Triệu Thọ Hân:

Phụ trách các lĩnh vực: Dịch vụ tài chính trong nước; Huy động vốn; Hạch toán kế toán; Công nghệ thông tin; Triển khai dự án corebanking.

Trực tiếp quản lý: Ban Tài chính kế toán; Trung tâm Công nghệ tài chính; Ban Triển khai dự án Corebanking.

- Phó Tổng Giám đốc Phạm Huy Tuyên:

Phụ trách các lĩnh vực: Hoạt động dịch vụ, tín dụng cá nhân và các hoạt động liên quan đến dịch vụ cá nhân; Công tác quản lý, xây dựng và phát triển các phòng Giao dịch trên toàn quốc; Công tác thẩm định & định giá; Công tác xây dựng cơ bản.

Trực tiếp quản lý: Phòng Giao dịch trung tâm Láng Hạ; Phòng Giao dịch trung tâm Long Biên; Ban Thẩm định.

- Phó Tổng Giám đốc Đoàn Minh Mẫn (kiêm Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh):

Phụ trách các lĩnh vực: chỉ đạo mọi hoạt động của PVFC tại Nam Bộ, quản lý Petrotower; Phụ trách công tác phát triển mạng lưới, khách hàng khu vực Nam Bộ.

Trực tiếp quản lý: Chi nhánh Hồ Chí Minh; Chi nhánh Vũng Tàu; Chi nhánh Sài Gòn; Chi nhánh Cần Thơ; Petrotower.

- Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Thu Hương:

Phụ trách các lĩnh vực: Kế hoạch (tháng, quý); Văn phòng; Công tác đào tạo; Hoạt động nghiên cứu khoa học & lao động sáng tạo.

Trực tiếp quản lý: Văn phòng; Ban Kế hoạch; Trung tâm Đào tạo.

Nguyên tắc bất kiêm nhiệm: Bất kiêm nhiệm trong việc bảo vệ tài sản với kế toán, bất kiêm nhiệm trong việc phê chuẩn các nghiệp vụ kinh tế với việc thực hiện các nghiệp vụ đó và bất kiêm nhiệm giữa việc điều hành với trách nhiệm ghi sổ được thực hiện một cách khá triệt để ở PVFC. Đối với mỗi nghiệp vụ phát sinh ở PVFC, luôn luôn có sự độc lập giữa người đề xuất, phê duyệt, thực hiện, quản lý và ghi sổ.

Ví dụ đối với việc mua sắm trang thiết bị và tài sản, bộ phận đề xuất mua sắm là bộ phận có nhu cầu sử dụng và người quyền phê duyệt cuối cùng cho việc mua sắm là Tổng giám đốc/ Giám đốc chi nhánh, bộ phận thực hiện mua sắm là bộ phận hành chính quản trị và bộ phận ghi chép vào sổ sách là bộ phận kế toán.

Nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn: Việc phân cấp, ủy quyền tại PVFC thường xuyên được xây dựng phù hợp với giai đoạn và mục tiêu phát triển. Theo đó, thẩm quyền phê duyệt liên quan đến hoạt động kinh doanh đối với các cấp tại PVFC được quy định cụ thể đến từng cấp hoạt động của PVFC.

Là cơ quan quản trị cao nhất của PVFC, định kỳ, căn cứ vào tình hình cụ thể HĐQT sẽ ra nghị quyết về việc phân cấp hạn mức phán quyết các hoạt động kinh doanh tại PVFC. Trên cơ sở nghị quyết này, Tổng giám đốc sẽ phân cấp lại cho các cấp thuộc PVFC. Hiện tại, việc giao thẩm quyền ký kết văn bản liên quan đến hoạt động kinh doanh tại PVFC được tuân theo quyết định giao thẩm quyền phê duyệt, ký kết văn bản với các cấp thuộc PVFC số 3988/QĐ-TCDK-VP ngày 11/06/2009 (Phụ lục 04).

Bên cạnh việc phân cấp cụ thể trong mảng hoạt động kinh doanh, hoạt động của khối quản lý và khối hỗ trợ kinh doanh cũng được phân cấp, ủy quyền theo Quy chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền chung của PVFC, thẩm quyền ký kết văn

bản và chỉ đạo tổ chức thực hiện công việc được tuân theo Quy chế này nhằm đảm bảo việc điều hành, quản lý và thực hiện các công việc của PVFC được thống nhất trong toàn hệ thống, đồng thời quy định trách nhiệm, quyền hạn cho các cá nhân, bộ phận có liên quan. Song song với việc giao thẩm quyền thì công tác báo cáo việc thực hiện ủy quyền được thực hiện định kỳ hàng tuần để các cấp có thể kiểm soát một cách tốt nhất việc thực hiện ủy quyền phát sinh tại PVFC.

Ngoài những quy định chung, mọi nghiệp vụ ở PVFC đều có quy chế, quy trình, quy định hướng dẫn cụ thể. Nội dung cụ thể các thủ tục kiểm soát việc thực hiện một số nghiệp vụ tại PVFC:

Công tác huy động và quản lý nguồn vốn: Huy động vốn của PVFC chủ yếu là từ nguồn của Tập đoàn và các tổ chức kinh tế, thời gian gần đây hoạt động huy động vốn từ các đối tượng là cá nhân ngày càng được quan tâm hơn, tuy nhiên nguồn vốn huy động được từ đối tượng này vẫn đang còn chiếm tỷ trọng rất thấp trong cơ cấu nguồn vốn huy động của PVFC. Tại PVFC, nguồn vốn huy động được chủ yếu thông qua hai hình thức UTQLV và UTĐT. Việc kiểm soát hoạt động này ở PVFC được thực hiện như sau:

Đối với việc nhận UTQLV, các văn bản làm việc với khách hàng cũng như hợp đồng UTQLV đều có biểu mẫu với các nội dung cụ thể, các bộ phận và cá nhân liên quan đến công tác nhận UTQLV đều phải có trách nhiệm thực hiện theo đúng hướng dẫn và quy định của PVFC. Và việc thực hiện này sẽ được kiểm tra lại bởi bộ phận KTKSNB và KTNB.

Việc huy động vốn bằng hình thức UTQLV được thực hiện theo Quy trình nhận UTQLV ban hành kèm theo quyết định số 3813/2008/QĐ-TCDK-DVTCĐN ngày 20/06/2008 và Hướng dẫn thực hiện quy trình nhận UTQLV số 4560/HD-QT-07-05 ngày 18/07/2008. Cụ thể như sau:

Quy trình nhận ủy thác quản lý vốn tại PVFC

Trách nhiệm	Tiến trình	Diễn giải
Chuyên viên huy động vốn	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Tìm kiếm và tiếp xúc khách hàng</div>	Bước 1
Chuyên viên huy động vốn	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Đàm phán, soạn thảo hợp đồng thỏa thuận chuyển vốn</div>	Bước 2
Tổng giám đốc/ người được ủy quyền	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;"> (-) Phê duyệt (+) </div>	Bước 3
Chuyên viên huy động vốn Ban tài chính kế toán	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Tiếp nhận và sử dụng vốn ủy thác</div>	Bước 4
Chuyên viên huy động vốn	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Tính doanh thu, chi phí, theo dõi quản lý khách hàng và hợp đồng</div>	Bước 5
Chuyên viên huy động vốn	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Thực hiện các thủ tục trước khi tắt toán hợp đồng</div>	Bước 6
Chuyên viên huy động vốn Ban tài chính kế toán	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;">Tắt toán hợp đồng</div>	Bước 7

Việc huy động vốn bằng hình thức nhận UTĐT được thực hiện theo Quy chế Đầu tư ban hành kèm quyết định số 3812/QĐ-TCDK-QTRR ngày 04/06/2009. Hiện tại hoạt động nhận UTĐT tại PVFC chỉ có những quy định chung mà chưa có quy trình hướng dẫn, cụ thể như sau:

Các hình thức nhận UTĐT: Nhận UTĐT có chia sẻ rủi ro; Nhận UTĐT không chia sẻ rủi ro; Nhận UTĐT lợi tức cố định.

Nguyên tắc xây dựng và trình duyệt phương án nhận UTĐT: Hoạt động nhận UTĐT của PVFC đối với khách hàng phải được thực hiện theo từng phương án cụ

thể, trong đó nêu rõ đối tượng nhận UTĐT, sản phẩm và hình thức nhận UTĐT, giá nhận UTĐT và các phí liên quan. Các phương án nhận UTĐT từ do các đơn vị nhận uỷ thác xây dựng phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định về phân cấp của PVFC.

Thời hạn UTĐT: Tối thiểu 01 năm và tối đa không vượt quá thời hạn hoạt động của sản phẩm đầu tư. Hợp đồng UTĐT được chấm dứt trước hạn trong các trường hợp: Theo đề nghị bằng văn bản của khách hàng và được sự chấp thuận của PVFC hoặc đến hạn thanh toán vốn và phí trả chậm mà khách hàng không trả hoặc trả không đủ cho PVFC.

Như vậy, mặc dù việc nhận UTQLV đơn giản và ít rủi ro hơn nhưng các văn bản hướng dẫn liên quan lại rõ ràng và rất cụ thể. Trong khi đó, nhận UTĐT khá phức tạp vì nó liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư của PVFC nhưng quy chế và hướng dẫn chỉ mang tính chung nhất và tùy theo từng trường hợp cụ thể mà các cá nhân và bộ phận liên quan tự xây dựng phương án thực hiện. Thực trạng này dẫn đến việc xảy ra nhiều tranh cãi về quan điểm trong công tác xây dựng cũng như trong triển khai các sản phẩm. Mặt khác, dẫn đến việc gần như mỗi sản phẩm, mỗi khâu thực hiện đều phải xây dựng những hướng dẫn riêng, mang rất nhiều tính xử lý tình huống, gây mất nhiều thời gian, công sức. Hiện nay, Quy chế Đầu tư trong đó có nghiệp vụ nhận UTĐT đã được ban hành, trên cơ sở đó, Quy trình UTĐT và Hướng dẫn cũng nên được xây dựng để đưa vào áp dụng, hướng hoạt động UTĐT của PVFC vào quy chuẩn thống nhất.

Hoạt động tài chính kế toán

Công tác hạch toán kế toán tại PVFC hiện tại tuân theo các quy định của NHNN về chế độ tài chính kế toán đối với các TCTD và quy định nội bộ của PVFC. Các nghiệp vụ phát sinh tại PVFC đều có văn bản hướng dẫn cụ thể về cách thức hạch toán và lưu chứng từ. Mỗi một chứng từ hạch toán tại PVFC đều ít nhất có 03 người kiểm soát: chuyên viên kế toán, kiểm soát viên và kế toán trưởng. Việc kiểm soát số liệu kế toán tại PVFC tuân theo Quy trình kiểm soát số liệu kế toán tại

phòng giao dịch, chi nhánh và tại trụ sở ban hành kèm quyết định số 6198/2008/QĐ-TCĐK-KT ngày 23/09/2008. Theo quy trình này mọi số liệu kế toán đều được kiểm soát trước khi khóa sổ, truyền số liệu và nhận số liệu kế toán hàng ngày. Như vậy, trước khi khóa sổ và mở ngày mới, các yếu tố sau đây cần phải được kiểm soát:

- Kiểm soát các định khoản hạch toán kế toán: các bút toán hàng ngày phải được định khoản theo đúng tính chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh, khớp đúng với chứng từ gốc, rõ ràng, dễ hiểu, sử dụng đúng tài khoản kế toán theo quy định của NHNN và PVFC.

- Kiểm soát nội dung diễn giải trên từng phiếu hạch toán: nội dung diễn giải yêu cầu phải ngắn gọn nhưng nêu được đầy đủ các thông tin cơ bản của nghiệp vụ phát sinh và dễ tra cứu.

- Kiểm soát số dư tài khoản: kiểm tra tính chất số dư các tài khoản.

- Duyệt chứng từ hạch toán trong ngày.

- Kiểm soát và đối chiếu số dư huy động vốn và sử dụng vốn với số liệu kế toán. Yêu cầu về kiểm soát là số liệu hồ sơ các mảng nghiệp vụ huy động vốn và sử dụng vốn phải cân khớp với số liệu kế toán và chính xác về dư nợ, kỳ hạn, lãi suất.

Trong thực tế việc đối chiếu số liệu giữa bộ phận kế toán với bộ phận kinh doanh chỉ được thực hiện cuối tháng do việc đối chiếu thường mất nhiều thời gian và chưa có công cụ thực sự hữu hiệu hỗ trợ.

Một thực tế hiện đang diễn ra ở PVFC là mặc dù hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, nhưng chỉ mới có các văn bản hướng dẫn cho việc hạch toán kế toán đối với công ty mẹ (hoạt động theo luật TCTD và chế độ hạch toán kế toán theo hướng dẫn của NHNN) còn đối với các công ty con (hoạt động theo luật doanh nghiệp và chế độ hạch toán theo hướng dẫn của Bộ tài chính) thì PVFC chưa có một văn bản nào hướng dẫn nào. Chính vì thế mà hiện tại PVFC chưa thực hiện được việc hợp nhất báo cáo tài chính trên toàn Tổng công ty.

Hoạt động tín dụng: Đây là các mặt hoạt động chính mang lại doanh thu chủ yếu cho PVFC và cũng là hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro nhất dễ ảnh hưởng đến uy tín và việc bảo toàn vốn của PVFC. Do đó, có thể nói công tác kiểm soát nội bộ ở lĩnh vực này được lãnh đạo PVFC quan tâm nhất và thường xuyên thực hiện trong suốt các quá trình trước, trong và sau khi cấp tín dụng.

Tại PVFC các văn bản hướng dẫn liên quan đến hoạt động tín dụng tương đối nhiều và thường xuyên được bổ sung sửa đổi cho phù hợp với từng thời điểm cụ thể. Hoạt động tín dụng tại PVFC ngoài việc tuân theo quy định của NHNN thì còn tuân theo các văn bản nội bộ. PVFC thực hiện cấp tín dụng đối với các đối tượng khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật, trong đó ưu tiên các đối tượng cá nhân, tổ chức trong ngành Dầu khí. Hiện tại, Quy chế Tín dụng ban hành kèm quyết định số 4679/QĐ-TCĐK-QTRR ngày 06/07/2009 là quy định chung nhất cũng là cơ bản nhất điều tiết hoạt động tín dụng tại PVFC.

- Tín dụng cá nhân

PVFC cho vay bảo đảm bằng lương với các đối tượng là cán bộ công nhân viên đang công tác tại PVFC và Tập đoàn; các công ty con của PVFC và Tập đoàn; các công ty có tối thiểu 10% cổ phần, vốn góp của PVFC và Tập đoàn; các công ty có tối thiểu 30% cổ phần, vốn góp của các công ty con của Tập đoàn; các đơn vị có thỏa thuận hợp tác toàn diện với PVFC. Thời gian cho vay tối đa không quá 60 tháng nhưng không vượt quá thời gian làm việc còn lại của khách hàng ghi trên hợp đồng lao động với đơn vị đang công tác. Số tiền trả nợ hàng tháng không vượt quá 70% tiền lương bình quân trong ba tháng liền kề tính đến thời điểm vay vốn và thu nhập còn lại tối thiểu sau khi trả nợ vay hàng tháng là 1,5 triệu đồng/ tháng.

PVFC cho vay đối với các hình thức cho vay cá nhân khác (thế chấp, cầm cố,...) khi khách hàng có phương án sử dụng tiền vay, có kế hoạch trả nợ vay được PVFC chấp nhận và có tài sản đảm bảo tiền vay đáp ứng điều kiện của PVFC hoặc chứng từ có giá, chứng khoán và hợp đồng UTĐT chứng khoán không trả chậm thuộc danh mục chứng từ có giá và chứng khoán nhận cầm cố của PVFC.

- Tín dụng doanh nghiệp

Đối với những khoản tín dụng có giá trị trên 50 tỷ đồng để doanh nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thì trong hồ sơ vay vốn của khách hàng bắt buộc phải có báo cáo tài chính của năm gần nhất liên kê với thời điểm vay vốn được kiểm toán độc lập.

Trong trường hợp cho vay dự án đầu tư, số tiền vay trên tổng mức đầu tư dự án không vượt quá 85% đối với các dự án do Tập đoàn, các công ty con của Tập đoàn và các công ty con của PVFC làm chủ đầu tư và không vượt quá 70% đối với các dự án không thuộc các đối tượng kể trên. Đồng thời dự án đó phải đảm bảo:

+ Dự án có hiệu quả: Giá trị hiện tại ròng của dự án lớn hơn 0 và tỷ suất hoàn vốn nội bộ của dự án đạt tối thiểu bằng lãi suất cho vay của PVFC đối với các khoản vay có kỳ hạn tương ứng với thời hạn thu hồi vốn của dự án.

+ Bảo đảm việc quản lý dòng tiền dự án một cách chặt chẽ.

+ Thẩm định dự án thực hiện theo quy định hiện hành về cho vay của PVFC.

+ Khách hàng phải mua bảo hiểm cho toàn bộ dự án trong suốt thời gian vay vốn tại PVFC tại một công ty bảo hiểm, trong đó quy định rõ PVFC là người thụ hưởng bảo hiểm trong trường hợp dự án phải thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm.

+ Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của PVFC, dự án phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập.

- Tín dụng đối với các tổ chức tài chính: PVFC cho vay đối với các TCTD thuộc danh mục TCTD đã được HĐQT phê duyệt định kỳ hàng năm..

Các khoản cấp tín dụng tại PVFC đều phải thẩm định phương án vay vốn của khách hàng ngoại trừ các trường hợp: Cho vay đảm bảo bằng lương; các khoản tín dụng có đảm bảo bằng tiền mặt, tiền gửi và các loại chứng từ có giá; các khoản tín dụng khác có giá trị dưới 01 tỷ đồng.

Để quản lý khoản tín dụng đã cấp cho khách hàng, PVFC đề ra các biện pháp:

- Quản lý hồ sơ khách hàng: Bộ phận quản lý tín dụng chịu trách nhiệm tiếp nhận, luân chuyển, lưu giữ hồ sơ khách hàng theo đúng quy định của PVFC.

Định kỳ, cán bộ quản lý tín dụng có trách nhiệm rà soát hồ sơ khách hàng, cập nhật, bổ sung những tài liệu và giấy tờ liên quan đến thông tin khách hàng còn thiếu hoặc chưa cập nhật hoặc có sự thay đổi.

- Đánh giá lại tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo phải được đánh giá lại định kỳ với công tác kiểm tra sau cấp tín dụng hoặc trong quá trình cấp tín dụng nếu nhận thấy giá trị tài sản đảm bảo biến động theo chiều hướng bất lợi cho PVFC thì phải tiến hành thẩm định lại.

- Đối chiếu số liệu giữa kế toán và tín dụng: Định kỳ hàng cán bộ quản lý tín dụng và bộ phận kế toán có trách nhiệm đối chiếu số liệu tín dụng đảm bảo số liệu khớp đúng.

- Kiểm tra sau cấp tín dụng: Bộ phận quản lý tín dụng có trách nhiệm kiểm tra sau đối với các khoản cấp tín dụng, phù hợp với tình hình thực hiện dự án và tiến độ giải ngân thực tế. Việc kiểm tra sau cấp tín dụng phải được thực hiện định kỳ (Đối với tổ chức kinh tế: Thực hiện định kỳ tối thiểu 03 tháng/lần đối với khoản vay ngắn hạn và 06 tháng/lần đối với cho vay trung dài hạn hoặc khi có biến động. Đối với cá nhân: Thực hiện định kỳ tối thiểu 06 tháng/lần hoặc khi có biến động). Tuy nhiên, quy định thời gian kiểm tra sau cho vay như vậy là quá dài, việc kiểm tra định kỳ 06 tháng/ lần làm cho cán bộ quản lý hồ sơ không nắm bắt, phát hiện kịp thời những rủi ro, dấu hiệu bất thường của khách hàng vay vốn hay của dự án.

- Thu hồi nợ và xử lý nợ xấu: Cán bộ quản lý hồ sơ có trách nhiệm theo dõi và thu hồi nợ đúng theo hợp đồng tín dụng.

Sau khi Quy chế tín dụng mới ban hành, một loạt các hướng dẫn về hoạt động tín dụng cũng được ban hành để cụ thể hóa các quy định cũng như có hướng dẫn chi tiết hơn cho từng loại hình cấp tín dụng của PVFC, cụ thể: Hướng dẫn quy trình nghiệp vụ cho vay doanh nghiệp số 7619/2009/QĐ-TCDK-QTRR ngày 30/10/2009; Hướng dẫn quy trình nghiệp vụ bảo lãnh số 7618/2009/QĐ-TCDK-QTRR ngày 30/10/2009; Hướng dẫn quy trình nghiệp vụ bao thanh toán số 7620/2009/QĐ-TCDK-QTRR ngày 30/10/2009; Hướng dẫn quy trình nghiệp vụ

tiếp nhận và cho vay ủy thác số 7621/2009/QĐ-TCDK-QTRR ngày 30/10/2009; Hướng dẫn cho vay trả góp đảm bảo bằng lương 2217/2009/QĐ-TCDK-QTRR ngày 01/04/2009; Hướng dẫn quy trình nghiệp vụ cho vay cầm cố chứng khoán số 6890/2009/QĐ-TCDK-QTRR ngày 02/10/2009; Hướng dẫn quy trình nghiệp vụ cho vay cá nhân mua ô tô số 6889/2009/QĐ-TCDK-QTRR ngày 02/10/2009; Hướng dẫn quy trình nghiệp vụ cho vay 24 giờ số 7856/QĐ-TCDK-PGDLH ngày 11/11/2009. Các hướng dẫn này ra đời góp phần rất lớn trong việc đưa hoạt động tín dụng theo đúng quy định của NHNN, Tổng công ty cũng như việc kiểm soát rủi ro trong hoạt động này tại PVFC.

Hoạt động đầu tư: Trong thời gian qua PVFC đã tập trung nhiều nguồn lực vào hoạt động đầu tư và đã mang lại những kết quả đáng kể. Hoạt động đầu tư tại PVFC hiện tại đang tuân theo Quy chế Đầu tư ban hành kèm quyết định số 3812/QĐ-TCDK-QTRR ngày 04/06/2009. Theo quy chế này, PVFC chỉ xem xét tham gia đầu tư khi các khoản đầu tư phù hợp với quy định về lĩnh vực, ngành nghề theo quy định của PVFC và đáp ứng điều kiện:

- Giá trị hiện tại ròng dự kiến (NPV) ≥ 0 ;
- Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR) \geq Lãi suất ủy thác quản lý vốn + a%

Nếu khoản đầu tư bằng đồng Việt Nam thì lãi suất UTQLV là lãi suất UTQLV cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của PVFC tại thời điểm phát sinh khoản đầu tư và $a = 3\%$.

Nếu khoản đầu tư bằng ngoại tệ thì lãi suất UTQLV là lãi suất UTQLV cá nhân bằng đôla Mỹ kỳ hạn 12 tháng của PVFC tại thời điểm phát sinh khoản đầu tư và $a = 2\%$.

Nhằm đảm bảo đánh giá được rủi ro cũng như đảm bảo an toàn trong hoạt động đầu tư thì mọi phương án đầu tư, UTĐT đều phải qua thẩm định (trừ các khoản đầu tư do Tập đoàn đầu tư và các khoản đầu tư công trái, trái phiếu Chính phủ và trái phiếu kho bạc) đồng thời giới hạn một khoản đầu tư tại PVFC phải tuân thủ tỷ lệ sau:

- Mức góp vốn, mua cổ phần của PVFC tính theo mệnh giá trong một doanh nghiệp, quỹ đầu tư, dự án đầu tư, TCTD khác không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp, quỹ đầu tư, dự án đầu tư, TCTD đó. Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của PVFC và các công ty con của PVFC trong cùng một doanh nghiệp, quỹ đầu tư, dự án đầu tư, TCTD cũng không vượt quá tỷ lệ 11% này.

- Tổng mức góp vốn, mua cổ phần đầu tư, nhận cầm cố và mua kỳ hạn của PVFC tính theo mệnh giá của một doanh nghiệp không vượt quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

Tuy nhiên đây cũng là vướng mắc lớn nhất trong hoạt động đầu tư của PVFC. Do tỷ lệ cho tham gia đầu tư tối đa 11% vốn điều lệ, do vậy tiếng nói của PVFC trong hoạt động của đơn vị đó không đủ trọng lượng. Mỗi lần muốn kiểm tra, kiểm soát hoạt động của đơn vị cũng rất khó được phê duyệt. Nhất là trong trường hợp PVFC có phát hiện hay nghi ngờ đơn vị có dấu hiệu làm sai muốn kiểm tra đột xuất thì càng khó khăn hơn.

Các khoản đầu tư phải lập phương án đầu tư cụ thể và được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Phương án đầu tư bao gồm các nội dung chủ yếu sau: đơn vị thực hiện đầu tư, hình thức đầu tư, đối tượng đầu tư, lĩnh vực, ngành nghề đầu tư, tổng giá trị đầu tư, nguồn vốn đầu tư, thời hạn đầu tư dự kiến, các chỉ tiêu tài chính của khoản đầu tư, các điều kiện khác.

Để quản lý phần vốn góp, PVFC đề ra các biện pháp quản lý sau đây:

- Tổ chức theo dõi, quản lý chặt chẽ số vốn góp:
 - + Phân công cán bộ quản lý phần vốn góp;
 - + Cử cán bộ đại diện tham gia quản lý vốn góp tại doanh nghiệp góp vốn, mua cổ phần, đầu tư dự án, doanh nghiệp mua lại.
- Thực hiện đánh giá danh mục đầu tư theo quy định của PVFC, cụ thể: xây dựng quản lý, giám sát danh mục đầu tư theo quy định của Tổng Công ty:
 - + Thẩm định, đánh giá các khoản đã đầu tư theo định kỳ.

+ Giám sát thực tế các khoản đầu tư theo định kỳ.

Tuy nhiên trong thực tế, việc quản lý nguồn vốn góp của PVFC tại các đơn vị đang gặp nhiều vấn đề. Các biện pháp này chỉ mang tính chất chung chung chứ chưa quy định cụ thể danh mục hồ sơ và các thông tin bắt buộc cán bộ phải thu thập trong quá trình quản lý, việc thực hiện hầu như phụ thuộc ý kiến chủ quan của cán bộ quản lý và cán bộ đại diện phần vốn góp. Chưa có biện pháp ngăn chặn trường hợp cán bộ quản lý khoản đầu tư giấu hồ sơ và các thông tin quan trọng của khoản đầu tư khi có sự kiểm tra lại của các đoàn kiểm tra. Do đó, trình độ chuyên môn về quản lý kinh tế, tài chính doanh nghiệp, năng lực kinh doanh và tổ chức doanh nghiệp cũng như phẩm chất đạo đức của các cán bộ này đóng vai trò hết sức quan trọng. Hầu hết cán bộ đại diện phần vốn góp của PVFC tại các đơn vị đầu tư đều kiêm nhiệm (vừa làm việc tại PVFC vừa tham gia đại diện phần vốn góp tại các đơn vị mà PVFC đầu tư). Việc theo dõi, cập nhật thường xuyên các hoạt động của đơn vị cũng như việc kiểm tra tình hình sử dụng vốn góp đúng mục đích, tiến độ thực hiện dự án,... gặp rất nhiều khó khăn.

Đối với hoạt động đầu tư dự án thường là thời gian dài với nguồn vốn bỏ ra lớn do đó hoạt động này cũng mang lại nhiều rủi ro cho PVFC. Tuy nhiên, các nghiệp vụ đầu tư cụ thể được quy định trong Quy chế Đầu tư lại không thấy nghiệp vụ đầu tư dự án cũng như các hướng dẫn, quy định cụ thể cho hoạt động đầu tư này.

Đối với tất cả các mặt hoạt động của PVFC đều có sự kiểm tra lại của bộ phận KTKSNB chuyên trách và KTNB. Nội dung kiểm tra, thời gian kiểm tra cũng như tần suất kiểm tra của hai bộ phận này đối với từng nghiệp vụ tùy thuộc vào mức độ rủi ro, tính phức tạp cũng như ảnh hưởng của hoạt động đó đối hoạt động chung của PVFC. Tuy nhiên, mọi hoạt động đều được kiểm tra tuân theo quy trình kiểm tra như sau:

Quy trình kiểm toán nội bộ tại PVFC

Trách nhiệm	Tiến trình thực hiện	Diễn giải
Ban kiểm soát	Yêu cầu kiểm toán	Bước 1
Trưởng KTNB Kiểm toán viên nội bộ	Lập chương trình kiểm toán	Bước 2
Trưởng ban kiểm soát Trưởng KTNB	Phê duyệt, ra quyết định	Bước 3
Đoàn KTNB Phòng ban liên quan	Thông báo chương trình kiểm toán	Bước 4
Đoàn KTNB Phòng ban liên quan	Thực hiện kiểm toán	Bước 5
Trưởng đoàn kiểm toán Các thành viên trong đoàn KTNB	Lập biên bản	Bước 6
Trưởng đoàn kiểm toán	Lập báo cáo	Bước 7
Ban kiểm soát	Phê duyệt	Bước 8
Trưởng KTNB	Thông báo kiến nghị sau kiểm toán	Bước 9
KTNB Ban KTKSNB	Theo dõi khắc phục kiến nghị sau	Bước 10
Trưởng KTNB Kiểm toán viên nội bộ Ban KTKSNB	Báo cáo kết quả thực hiện các	Bước 11

Diễn giải quy trình

Bước 1 - Yêu cầu kiểm toán: Căn cứ vào việc phân tích đánh giá rủi ro và hoạt động của PVFC, KTNB lập kế hoạch kiểm toán hàng năm trình Ban kiểm soát phê duyệt. Căn cứ vào kế hoạch được phê duyệt hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Ban kiểm soát, KTNB triển khai thực hiện kiểm toán định kỳ hoặc đột xuất tại các đơn vị được kiểm toán.

Bước 2 - Lập chương trình kiểm toán: Nội dung của chương trình kiểm toán bao gồm: nội dung, phạm vi kiểm toán, thời hiệu kiểm toán, thời gian kiểm toán, thành viên đoàn kiểm toán. Chương trình kiểm toán được xây dựng dựa trên mục đích, yêu cầu của từng lần kiểm toán.

Bước 3 - Phê duyệt và ra quyết định:

- Chương trình kiểm toán định kỳ: KTNB lập chương trình kiểm toán cụ thể theo kế hoạch đã được phê duyệt hàng năm trình Ban kiểm soát thông qua nội dung và ra quyết định kiểm toán.

- Chương trình kiểm toán đột xuất: Căn cứ yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát về việc kiểm toán đột xuất, KTNB lập chương trình chi tiết trình Ban kiểm soát phê duyệt và ra quyết định cho từng lần kiểm toán.

Bước 4 - Thông báo kiểm toán: Thông báo kiểm toán sẽ được gửi tới các đơn vị được kiểm toán và phòng ban liên quan trước 2 ngày làm việc.

Bước 5 - Thực hiện kiểm toán: Sau khi gửi thông báo kiểm toán, đoàn KTNB sẽ tiến hành kiểm toán tại các đơn vị được kiểm toán. Các quy trình và phương pháp kiểm toán sẽ được áp dụng nhằm đạt mục đích và phạm vi kiểm toán. Phải thường xuyên có sự ghi chép, nhận định những phát hiện về các nghiệp vụ, các con số, các sự kiện... nhằm tích lũy bằng chứng làm cơ sở cho nhận xét trong báo cáo kiểm toán.

Bước 6 - Lập biên bản kiểm toán: Kết thúc đợt kiểm toán, các thành viên đoàn KTNB sẽ thảo luận, hệ thống lại các phát hiện để làm tổng hợp biên bản kiểm

toán. Biên bản này sẽ được gửi đến đơn vị được kiểm toán để thông qua tại buổi họp kết thúc kiểm toán. Trong vòng 2 ngày nếu không có ý kiến khác đơn vị được kiểm toán phải ký xác nhận vào biên bản kiểm toán và gửi cho KTNB. Trong trường hợp có bất đồng ý kiến khi lập biên bản kiểm toán giữa đoàn KTNB và đơn vị được kiểm toán, khi đó đơn vị được kiểm toán sẽ được bảo lưu ý kiến của mình và để kèm chung báo cáo kiểm toán trình Ban kiểm soát phê duyệt.

Bước 7 - Lập cáo cáo: Sau khi hoàn thành biên bản kiểm toán, đoàn KTNB tiến hành lập báo cáo kiểm toán gửi trưởng KTNB thông qua trình Ban kiểm soát.

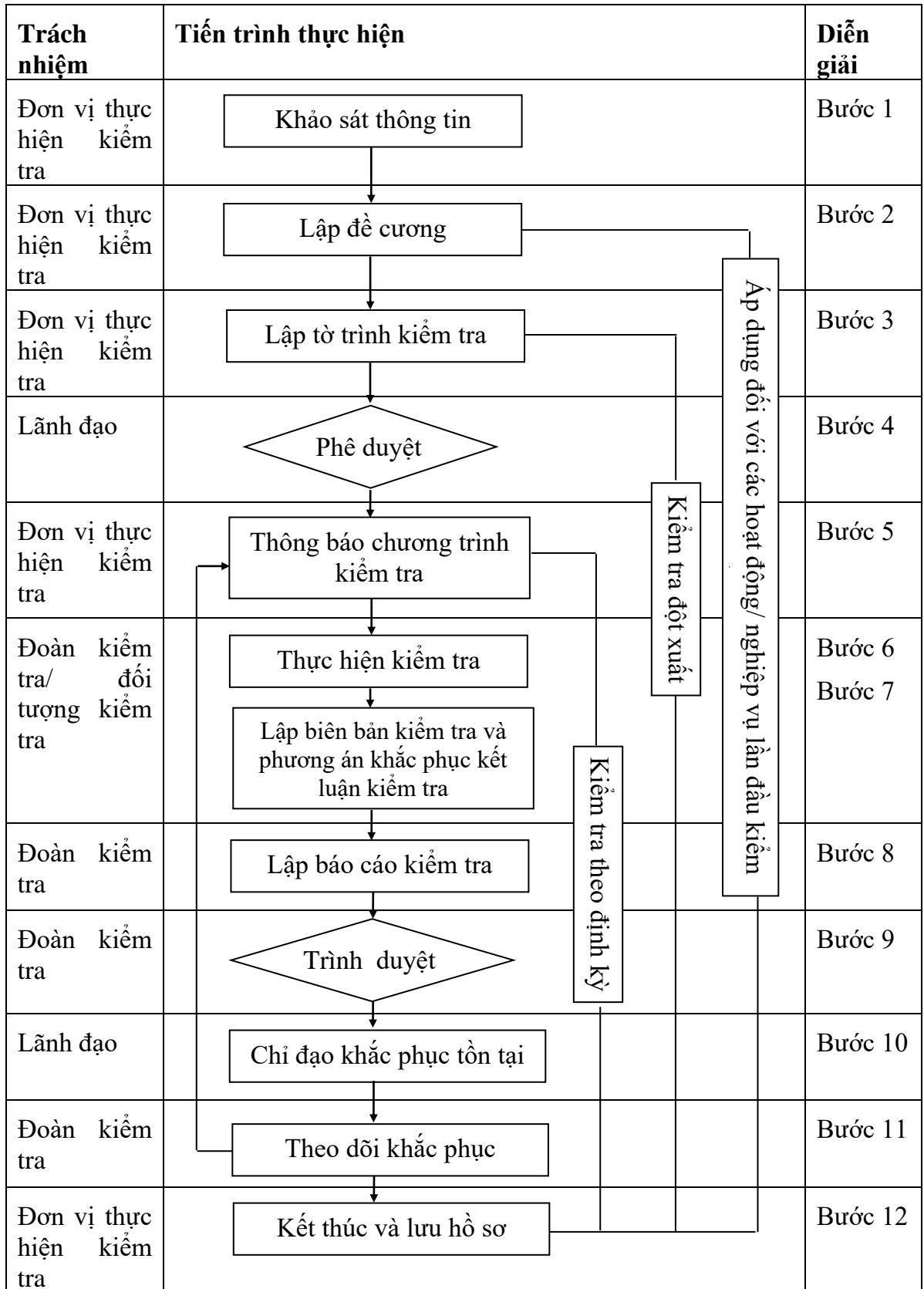
Bước 8 - Phê duyệt: Báo cáo kiểm toán sẽ được gửi tới Ban kiểm soát. Trong trường hợp chưa được phê duyệt sẽ được chuyển lại KTNB để giải trình, giải thích theo đúng yêu cầu.

Bước 9 - Thông báo thực hiện kiến nghị sau kiểm toán: Sau khi báo cáo kiểm toán đã được phê duyệt, Ban kiểm soát thông báo kết quả kiểm toán và các kiến nghị sau kiểm toán tới Tổng giám đốc. Trên cơ sở thông báo của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc ra chỉ thị yêu cầu các đơn vị thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán.

Bước 10 - Theo dõi thực hiện các kiến nghị: Bộ phận KTKSNB chuyên trách trực tiếp theo dõi tình hình thực hiện chỉ thị của Tổng giám đốc về việc thực hiện các kiến nghị của KTNB. Hàng tháng, KTKSNB gửi báo cáo tình hình thực hiện chỉ thị của Tổng giám đốc về việc thực hiện các kiến nghị của KTNB tới Ban kiểm soát.

Bước 11 - Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị: KTNB báo cáo tình hình khắc phục các kiến nghị, kết quả thực hiện các kiến nghị tới Ban kiểm soát 06 tháng/ lần và đột xuất trong trường hợp cần thiết.

Quy trình kiểm tra nội bộ của bộ phận KTSKNB chuyên trách tại PVFC



Diễn giải quy trình

Bước 1 - Khảo sát thông tin: Để thực hiện kiểm tra hiệu quả, các đơn vị thực hiện kiểm tra phải tiến hành khảo sát và thu thập các thông tin để hiểu rõ đối tượng chuẩn bị thực hiện kiểm tra, nhằm tìm hiểu các thông tin cần thiết về tình hình hoạt động của đối tượng kiểm tra liên quan đến các nội dung cần kiểm tra.

Bước 2 - Lập đề cương kiểm tra: Áp dụng đối với các nghiệp vụ/ hoạt động lần đầu tiên đơn vị kiểm tra thực hiện kiểm tra và được thực hiện như sau:

- Khảo sát lập đề cương kiểm tra: Tiến hành thu thập các thông tin cần thiết phục vụ cho việc lập đề cương, bao gồm: khối lượng công việc, độ phức tạp, loại hình nghiệp vụ mới hay cũ, địa bàn... Trên cơ sở đó đưa ra các yêu cầu cho đề cương, phương pháp kiểm tra, xác định thời gian cần thiết để thực hiện kiểm tra, số lượng nhân sự kiểm tra...

- Đề cương kiểm tra gồm các nội dung cơ bản: Mục đích, yêu cầu kiểm tra; Đối tượng, phạm vi kiểm tra; Những nghiệp vụ được kiểm tra; Nội dung kiểm tra; Thời hạn kiểm tra; Nhân sự kiểm tra; Các nội dung khác có liên quan.

Bước 3 - Lập tờ trình kiểm tra: Tờ trình kiểm tra được lập hàng năm, vào cuối kỳ của năm trước, các đơn vị kiểm tra lên kế hoạch kiểm tra cho năm sau cho tháng, quý, năm hoặc trong trường hợp kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo. Nội dung của tờ trình kiểm tra cần có: Thời gian, địa điểm, đối tượng, nhân sự kiểm tra, nội dung nghiệp vụ cần kiểm tra, các nội dung cần thiết khác.

Bước 4 - Phê duyệt đề cương, tờ trình: Đề cương kiểm tra, Tờ trình kiểm tra phải có phê duyệt của lãnh đạo mới được tiếp tục thực hiện kiểm tra.

Bước 5 - Thông báo chương trình kiểm tra: Thông báo kiểm tra phải được gửi tới đối tượng được kiểm tra trước khi thực hiện kiểm tra tối thiểu 01 ngày làm việc về nội dung kiểm tra.

Bước 6 - Thực hiện kiểm tra: Phương thức kiểm tra có thể kiểm tra chọn mẫu hoặc kiểm tra 100% hồ sơ phát sinh. Trong quá trình kiểm tra phải xác định tính hợp lệ hợp pháp của chứng từ, phát hiện những vấn đề mâu thuẫn; xác minh kết

luận đúng, sai so với quy định của quy chế, quy định nghiệp vụ. Các sai sót, vi phạm (nếu có) phải được nêu rõ. Trường hợp cần thiết phải sao chụp những hồ sơ, tài liệu để chứng minh, kể cả việc kiểm tra đối chiếu xác nhận với khách hàng của đơn vị.

Các cán bộ thực hiện kiểm tra phải lập phiếu ghi chép nội dung kiểm tra.

Bước 7 - Lập biên bản kiểm tra và phương án khắc phục kết luận kiểm tra: Biên bản kiểm tra phải nêu rõ kết quả từng nội dung kiểm tra, kết luận đánh giá tình phù hợp so với các quy định của pháp luật và những quy định cụ thể của PVFC; nguyên nhân và trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với những sai sót vi phạm và có đề xuất kiến nghị biện pháp, giải pháp khắc phục, xử lý đối với những sai phạm.

Trường hợp có những nội dung không thống nhất giữa đoàn kiểm tra và đơn vị được kiểm tra thì đoàn kiểm tra được bảo lưu ý kiến và chịu trách nhiệm về biên bản kiểm tra; đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm giải trình bằng văn bản kèm theo biên bản kiểm tra.

Bước 8 - Lập báo cáo kiểm tra: Kết thúc đợt kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra căn cứ biên bản kiểm tra để lập báo cáo kết quả kiểm tra trình lãnh đạo và đề xuất các tồn tại, vướng mắc nhằm phục vụ công tác kiểm tra tốt hơn.

Bước 9 - Trình duyệt báo cáo: Sau khi lập báo cáo kết quả kiểm tra, đơn vị thực hiện kiểm tra ký báo cáo gửi lãnh đạo để có ý kiến chỉ đạo.

Bước 10 - Chỉ đạo khắc phục tồn tại: Đối với các ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo yêu cầu các đơn vị được kiểm tra khắc phục các kiến nghị của đoàn kiểm tra, đơn vị kiểm tra lập chỉ thị trình lãnh đạo ký gửi đơn vị được kiểm tra để các đơn vị được kiểm tra biết và khắc phục.

Bước 11 - Theo dõi khắc phục: Đơn vị tiến hành kiểm tra tiếp tục theo dõi việc khắc phục sau kiểm tra. Việc thực hiện các khắc phục sau kiểm tra được tiến hành theo quy trình nghiệp vụ của PVFC về khắc phục sau kiểm tra.

Bước 12 - Kết thúc kiểm tra và lưu hồ sơ: Kết thúc đợt kiểm tra các đoàn kiểm tra tự tổ chức họp tổng kết đánh giá và rút kinh nghiệm kết quả kiểm tra để đảm bảo tốt hơn cho lần kiểm tra tiếp theo.

Hồ sơ kiểm tra lưu tại đơn vị kiểm tra bao gồm: đề cương kiểm tra và tờ trình (nếu có); biên bản kiểm tra; báo cáo kiểm tra; các chỉ thị, chỉ đạo về khắc phục kiến nghị; các giấy tờ khác liên quan đến cuộc kiểm tra,...

Trên cơ sở quy trình kiểm tra nội bộ, bộ phận KTKSNB chuyên trách thực hiện kiểm soát các mặt hoạt động ở PVFC như sau:

- *Kiểm soát công tác huy động và quản lý nguồn vốn*

Kiểm soát việc thực hiện công tác huy động vốn bao gồm tình hình thực hiện, các văn bản hợp đồng ký kết và hiệu quả huy động vốn.

Kiểm soát việc thực hiện tiếp nhận, điều chuyển vốn từ Hội sở về chi nhánh và ngược lại trên cơ sở các quyết định điều chuyển vốn và hạn mức tồn quỹ ở từng đơn vị, việc chấp hành thời gian và số lượng trong quá trình điều chuyển vốn.

- *Kiểm soát hoạt động tài chính kế toán*

Kiểm tra chứng từ kế toán: kiểm tra sự đầy đủ, hợp lệ hợp pháp của chứng từ kế toán; hồ sơ tiền gửi, tiền vay TCTD; việc hoàn thiện chứng từ; công tác lưu trữ chứng từ, hồ sơ.

Kiểm tra công tác hạch toán kế toán: trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của NHNN và PVFC đối với từng nghiệp vụ phát sinh, kiểm tra việc định khoản tại chứng từ kế toán.

Kiểm tra đối chiếu số liệu kế toán với tín dụng, đầu tư, ủy thác đầu tư đảm bảo số liệu giữa các đơn vị là khớp đúng.

Kiểm tra quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng so với định mức tồn ngân của từng đơn vị do PVFC quy định.

Kiểm tra việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, rủi ro đầu tư nhằm đảm bảo việc trích lập dự phòng là theo đúng quy định của NHNN, quy định nội bộ của PVFC và đảm bảo cho hoạt động của PVFC được an toàn.

Kiểm tra việc tạm ứng và hoàn tạm ứng của cán bộ nhân viên nhằm đảm bảo mục đích tạm ứng là phục vụ hoạt động kinh doanh của PVFC và việc thực hiện theo đúng quy định của PVFC.

- *Kiểm soát hoạt động tín dụng*

+ Kiểm tra hồ sơ cho vay tổ chức kinh tế:

Kiểm tra theo quy định về ngành nghề, đối tượng được vay tại PVFC và địa bàn cho vay.

Kiểm tra hồ sơ vay vốn gồm có: Hồ sơ pháp lý, hồ sơ tài chính, hồ sơ đảm bảo, hồ sơ khoản vay, hồ sơ thẩm định và trình cho vay. Đối chiếu với quy chế tín dụng và các hướng dẫn kèm theo để đảm bảo hồ sơ đầy đủ, có tính logic và cấp phê duyệt là đúng với quy định của PVFC.

Kiểm tra việc ký kết hợp đồng tín dụng: Đối chiếu nội dung hợp đồng có phù hợp với nội dung đã được phê duyệt tại tờ trình cấp tín dụng; tài sản thế chấp trong hợp đồng thế chấp là phù hợp với tờ trình thẩm định tài sản thế chấp và biên bản định giá tài sản thế chấp; người ký hợp đồng phải là người đại diện theo pháp luật của bên xin vay vốn.

Kiểm tra hồ sơ giải ngân; việc theo dõi hồ sơ vay theo đúng quy định của PVFC. Kiểm tra hồ sơ thu nợ, thu lãi; việc gia hạn điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và kiểm tra hồ sơ tất toán, giải chấp; lưu trữ và bàn giao hồ sơ theo đúng quy định.

+ Kiểm tra hồ sơ cho vay cá nhân:

Kiểm tra theo quy định về ngành nghề, đối tượng được vay tại PVFC và địa bàn cho vay.

Kiểm tra hồ sơ vay vốn gồm có: Kiểm tra hồ sơ khách hàng vay vốn; hồ sơ khoản vay; hồ sơ về nguồn trả nợ gốc và lãi; hồ sơ giải ngân. Đồng thời kiểm tra các điều kiện về trình cho vay; mua bảo hiểm; thẩm định độc lập; cấp phê duyệt khoản cho vay; việc ký kết hợp đồng; theo dõi hồ sơ sau giải ngân; tình hình thu nợ

thu lãi; việc gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ; hồ sơ tất toán, giải chấp và việc lưu trữ, bàn giao hồ sơ.

- *Kiểm soát hoạt động đầu tư*

Kiểm tra sự phù hợp của ngành nghề, đối tượng và địa bàn của khoản đầu tư.

Kiểm tra hồ sơ khoản đầu tư dự án bao gồm: Hồ sơ pháp lý của chủ đầu tư, hồ sơ pháp lý của dự án đầu tư; kiểm tra hồ sơ tài chính qua báo cáo tài chính; kiểm tra hồ sơ đầu tư dự án (hồ sơ thẩm định, trình đầu tư dự án, thẩm định độc lập, việc trình đầu tư đúng cấp, hồ sơ góp vốn).

Tóm lại, thủ tục kiểm soát tại PVFC được xây dựng tương đối chặt chẽ, có quy chế hướng dẫn thực hiện và quy trình kiểm tra tương đối phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh của. Tuy nhiên, trong thực tế giữa quy định và thực tế thực hiện còn nhiều điểm khác biệt do cán bộ thực thi nhiệm vụ cố tình bỏ lơ hoặc do trình độ nghiệp vụ yếu kém. Đối với việc kiểm tra lại phương pháp kiểm tra chủ yếu vẫn là kiểm tra thủ công, chọn mẫu, thực hiện kiểm tra hồ sơ thực tế đối chiếu với quy trình, quy định làm cơ sở đánh giá tính tuân thủ. Do đó thực sự chưa phát hiện và cảnh báo được các rủi ro có thể xảy ra mà chủ yếu là phát hiện rủi ro khi nó đã xảy ra.

2.2.2.3 Hệ thống thông tin

Nhận thức được tầm quan trọng của hệ thống thông tin trong việc phát triển của công ty cũng như kiểm soát nghiệp vụ phát sinh, Ban lãnh đạo PVFC luôn coi trọng việc hiện đại hoá hệ thống công nghệ thông tin tài chính ngân hàng. Tại PVFC hệ thống thông tin, truyền thông, tin học được triển khai thực hiện xuyên suốt từ Hội sở đến từng chi nhánh, phòng giao dịch.

Tại PVFC, việc trao đổi thông tin giữa các bộ phận cũng như giữa lãnh đạo với chuyên viên chủ yếu thông qua mạng nội bộ. Hệ thống mạng nội bộ giúp các đơn vị trong PVFC trao đổi thông tin hàng ngày với nhau đồng thời là kênh truyền đạt các chỉ đạo của lãnh đạo PVFC đến toàn thể nhân viên cũng như ý kiến của

nhân viên đến lãnh đạo. Trong hệ thống mạng nội bộ, mỗi cá nhân đều có quyền khai thác, lưu trữ thông tin theo đúng các quy định về sử dụng thông tin của PVFC. Các thông tin, tài liệu có thể được lưu trữ đơn lẻ trên từng máy tính cá nhân hoặc lưu trữ tập trung trên máy chủ. Trên máy chủ Tổng công ty, chứa các thư mục cá nhân, thư mục chung của các phòng ban và thư mục chung của tổng công ty. Tùy theo chức năng, nhiệm vụ, mỗi cá nhân được phân quyền khác nhau khi truy cập vào các thư mục đó.

Hệ thống máy tính, máy chủ chạy tại PVFC được xây dựng trên nền Windows. Các máy chủ được chạy trên nền hệ điều hành Windows Server 2003. Các dịch vụ Web được triển khai trên nền IIS, xây dựng bằng ngôn ngữ ASP. Hệ thống kết nối ra Internet bằng ADSL, LeaseLine. Hệ thống tổng đài VOIP với 8 kênh Hà Nội – Hồ Chí Minh, 4 kênh Vũng Tàu – Hồ Chí Minh – Hà Nội, 4 kênh Đà Nẵng – Hà Nội. Tại hội sở và các Chi nhánh, hệ thống mạng được xây dựng theo mô hình Domain.

Các dịch vụ đã được triển khai tại PVFC:

- Hệ thống Website trên internet: www.pvfc.com.vn
- Hệ thống Website nội bộ: <http://pvfc/>
- Hệ thống mailonline: <https://mail.pvfc.com.vn/exchange>
- Hệ thống quy trình, quy chế online
- Hệ thống quản lý văn bản
- Hệ thống tra cứu văn bản pháp luật.

Phần mềm nghiệp vụ đang được sử dụng tại PVFC là phần mềm Bank2000 (Ebank). Bank2000 được kế thừa từ dự án phần mềm nghiệp vụ của ngân hàng Hàng hải, sử dụng công nghệ Visual Basic và hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Đối với hệ thống thông tin này chỉ những cá nhân, bộ phận có liên quan mới được phép truy cập và sử dụng.

Phần mềm nghiệp vụ bank2000 bao gồm nhiều phân hệ, cụ thể:

- Phân hệ kế toán: Được xây dựng khá hoàn chỉnh với hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, ... được xây dựng khá đầy đủ và có khả năng tự định bút toán và hạch toán. Phân hệ kế toán có khả năng liên kết với các phân hệ tín dụng, tiết kiệm, UTQLV, tiền gửi,...

- Phân hệ Tín dụng: Được xây dựng hoàn chỉnh với các báo cáo khá đầy đủ: Sao kê, liệt kê giao dịch, ... Cho phép tính toán doanh thu, chi phí của khoản vay. Phân hệ Tín dụng bao gồm các mảng: quản lý hồ sơ vay, vay cá nhân (lập lịch trả nợ cho vay bảo đảm bằng lương), Repo chứng từ có giá, Bảo lãnh,...

- Ngoài phân hệ Kế toán và Tín dụng, phần mềm nghiệp vụ Bank2000 có các phân hệ: Phân hệ Tiết kiệm, Phân hệ UTQLV cá nhân, Quản lý dòng tiền, Báo cáo NHNN, UTĐT có chỉ định,...

Tuy nhiên, trong thực tế tình hình sử dụng phần mềm bank2000 ở PVFC còn một số hạn chế như sau:

Việc khóa dữ liệu ngày cũ và tạo dữ liệu ngày mới trên phần mềm Bank2000 chưa thực hiện đồng bộ ở trên toàn hệ thống. Việc khóa và mở ngày được thực hiện từng lần cho từng phòng giao dịch, chi nhánh riêng biệt theo yêu cầu của phòng giao dịch, chi nhánh đó. Điều này dẫn đến thực trạng là cùng một thời điểm trong ngày thực tế nhưng số liệu của chi nhánh A có thể đang ở ngày n nhưng số liệu của chi nhánh B lại đang ở ngày n+1. Do đó, tính kiểm soát thông tin cũng như việc cũng cấp dữ liệu, báo cáo phục vụ công tác quản lý nhiều khi bị hạn chế.

Việc phân cấp, phân quyền sử dụng phần mềm Bank2000 chưa thực sự rõ ràng và chưa có quy định cụ thể để xác định trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc cập nhật và sử dụng thông tin. Cụ thể, bộ phận công nghệ thông tin sẽ phân quyền truy cập và sử dụng phần mềm Bank2000 cho các cá nhân dựa trên cơ sở yêu cầu bằng miệng của bộ phận nghiệp vụ chứ không dựa trên yêu cầu bằng văn bản hay sự phân công nhiệm vụ cho từng chuyên viên.

Giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận kế toán chưa có sự ràng buộc trong việc nhập dữ liệu. Mặc dù phân hệ kế toán có khả năng liên kết với các phân hệ tín

dụng, đầu tư, UTQLV,... nhưng trong thực tế việc liên kết này gần như không thực hiện được ở phòng kế toán và phòng kinh doanh thuộc chi nhánh và hội sở. Việc nên kết này chỉ thực sự thực hiện được ở bộ phận kế toán và kinh doanh thuộc phòng giao dịch. Thực tế này sẽ dẫn đến các vấn đề sau:

Đối với chi nhánh và hội sở do sự cập nhật thông tin giữa phòng kinh doanh và phòng kế toán là không thống nhất và đồng bộ, do đó, số liệu giữa hai bộ phận này thường xuyên bị sai lệch. Việc sai lệch này chỉ được phát hiện khi định kỳ có sự đối chiếu số liệu giữa phòng kinh doanh và kế toán. Như vậy, khả năng xảy ra sai số trong báo cáo cung cấp cho nhà quản lý giữa phòng kinh doanh và kế toán là rất cao. Ví dụ, ngày 12/11/2009, khách hàng A trả nợ gốc vay 50 tỷ đồng, phòng kế toán đã hạch toán giảm nợ phải thu trên phân hệ bank kế toán, tuy nhiên đến ngày 13/11/2009 phòng tín dụng mới hạch toán thu nợ trên phân hệ bank tín dụng. Nếu ngày 12/11/2009, Giám đốc yêu cầu phòng tín dụng báo cáo số dư nợ tín dụng của các khách hàng thuộc phòng tín dụng, thì khi phòng tín dụng sao kê dư nợ tín dụng của khách hàng đến ngày 12/11/2009 sẽ có sự chênh lệch với kế toán 50 tỷ đồng (trong trường hợp không có sự sai lệch của khách hàng khác). Nếu như, trong trường hợp này, không có sự đối chiếu số liệu giữa phòng tín dụng và phòng kế toán thì báo cáo gửi cho Giám đốc của phòng tín dụng sẽ không đúng thực tế.

Đối với các phòng giao dịch, việc liên kết giữa các phân hệ bank khác và phân hệ bank kế toán được thực hiện khá triệt để. Ví dụ, khách hàng đến trả nợ vay, kế toán phòng giao dịch sẽ thực hiện các thao tác thu nợ trên phân hệ bank tín dụng và nó sẽ định bút toán hạch toán liên kết với phân hệ bank kế toán. Trong trường hợp này, sẽ không xảy ra chênh lệch dư nợ tín dụng giữa kế toán và tín dụng như ở trên. Nhưng vấn đề ở đây lại liên quan đến quản lý và thu hồi nợ của khách hàng đối với bộ phận tín dụng. Vì kế toán là người thực hiện các thao tác thu nợ trên bank tín dụng nên chuyên viên tín dụng quản lý khách hàng đó nhiều lúc không biết được khách hàng đã trả nợ hay chưa. Đối với các phòng giao dịch, khách hàng chủ yếu là cá nhân, một chuyên viên tín dụng có thể phải quản lý hàng trăm khách hàng, do đó, việc bỏ sót hay quên thu nợ khách hàng là rất dễ xảy ra. Trong khi đó, việc

kiểm soát thu nợ trên phân hệ bank tín dụng gần như là không có đối với chuyên viên tín dụng.

Bên cạnh đó, một điểm khá bất cập của bank2000 là phần mềm này không có khả năng cảnh báo hoặc tự động chuyển nợ quá hạn đối với các khoản nợ quá hạn theo quy định của NHNN. Việc chuyển nhóm nợ hoàn toàn do chuyên viên tín dụng quản lý theo dõi thủ công và đề xuất chuyển nhóm nợ. Như đã trình bày ở trên, trong trường hợp một chuyên viên tín dụng quản lý quá nhiều khách hàng và lại việc kiểm soát thu nợ lại gần như đang gặp nhiều khó khăn, thì rủi ro bỏ sót khách hàng không thực hiện thu nợ và xảy ra nợ xấu đối với PVFC là rất cao.

Việc quản lý khách hàng trên phần mềm bank2000 chưa có tính đồng bộ và tập trung. Cùng một khách hàng giao dịch tại PVFC nhưng có lại có nhiều mã khách hàng khác nhau, trong trường hợp khách hàng đó sử dụng nhiều loại dịch vụ. Chẳng hạn khách hàng vay vốn tại PVFC sẽ có một mã tín dụng, UTQLV sẽ có một mã UTQLV,... Mặt khác, phần mềm bank2000 không cho phép kết nối dữ liệu của cùng một khách hàng giữa các chi nhánh, phòng giao dịch với nhau. Điều này rất dễ dẫn đến trường hợp chi nhánh, phòng giao dịch sẽ cho khách hàng vay vốn trong khi khách hàng đã có nợ xấu tại các chi nhánh, phòng giao dịch khác.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý cũng như do chưa có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các phòng ban nên khối lượng báo cáo phát sinh tại PVFC là rất lớn. Trong khi đó hệ thống báo cáo chiết xuất từ phần mềm bank2000 vẫn còn nhiều hạn chế, khả năng chiết xuất báo cáo theo yêu cầu của quản lý thực sự chưa đáp ứng được. Do đó thời gian dành cho việc lập báo cáo ở PVFC chiếm thời gian khá lớn do cách làm còn thủ công (chủ yếu là theo dõi trên excel).

Dịch vụ UTĐT thời gian qua đã đưa số lượng hợp đồng UTĐT của các khách hàng cá nhân mà PVFC phải quản lý tại mỗi điểm giao dịch lên tới hàng nghìn hợp đồng. Bên cạnh đó, khối lượng các nghiệp vụ liên quan tới hợp đồng UTĐT phát sinh ngày càng lớn như thanh toán một phần hoặc toàn bộ vốn UTĐT góp chậm, chuyển nhượng hợp đồng UTĐT, nhận UTĐT bổ sung (khi các đơn vị cổ phần

tăng vốn điều lệ), chuyển quyền đầu tư trực tiếp khi một số loại cổ phần có kế hoạch niêm yết, ... Do vậy, một yêu cầu cấp thiết đối với hoạt động UTĐT là hệ thống phần mềm UTĐT đòi hỏi phải sớm được hoàn thiện nhằm hỗ trợ các phòng giao dịch thực hiện nghiệp vụ, quản lý các các giao dịch và số cổ phần uỷ thác của khách hàng, đồng thời kết nối được số liệu từ các điểm Giao dịch về bộ phận tổng hợp quản lý Danh mục của quản lý vốn UTĐT.

2.3 ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

2.3.1 Những kết quả đạt được của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam

Tuy mới chuyển đổi mô hình hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần chưa được 02 năm nhưng hiện nay HTKSNB của PVFC đã bắt nhịp kịp thời với mô hình hoạt động mới của Tổng công ty. Có được kết quả đó là sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo Tổng công ty cũng như toàn thể cán bộ nhân viên PVFC. Mô hình tổ chức của PVFC trong thời gian qua cũng đã có nhiều thay đổi góp phần là tăng hiệu quả hoạt động cũng như khả năng kiểm soát của ban lãnh đạo đối với các nghiệp vụ phát sinh cũng như khả năng tự kiểm soát giữa các đơn vị với nhau.

Sau khi chuyển đổi thành công mô hình hoạt động, PVFC đã ban hành hàng loạt quy chế, quy định, quy trình và hướng dẫn mới nhằm phù hợp với mục tiêu hoạt động mới, đồng thời không ngừng cải cách, sửa đổi cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của PVFC cũng như quy định của cơ quan nhà nước. Riêng đối với công tác kiểm soát và kiểm toán nội bộ, PVFC đã ban hành đầy đủ các văn bản trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban KTKSNB và KTNB. Ban hành và phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch kiểm tra hàng năm, đề cương chi tiết, nội dung kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai hoạt động KSNB của PVFC.

Ban lãnh đạo PVFC đã cố gắng trong việc tạo lập và duy trì một môi trường kiểm soát lành mạnh làm tiền đề thuận lợi cho hoạt động KSNB và đã chú trọng xây dựng một môi trường kiểm soát tốt làm nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của HTKSNB thể hiện qua nhiều mặt:

Một là đã thiết lập chính sách quản lý rủi ro tương đối chặt chẽ, việc kiểm soát rủi ro đối với các mặt hoạt động nhất là hoạt động tín dụng được thực hiện qua nhiều khâu, nhiều bộ phận, nhiều cấp; từ các chuyên viên, bộ phận KTKSNB tại các đơn vị cho đến Ban KTKSNB tại hội sở, thực hiện kiểm soát ngay trong quá trình thực hiện nghiệp vụ.

Hai là đã thực hiện phân công phân nhiệm rõ ràng ở các bộ phận và có một cơ cấu tổ chức đang từng bước hoàn thiện và hợp lý. Mọi vị trí công việc tại PVFC đều có bản mô tả công việc quy định rõ chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng cá nhân, từng bước hạn chế sự kiêm nhiệm nhiều trong công việc. Các bước thực hiện quy trình chuyên môn được phân lập cụ thể, rõ ràng quá trình xử lý nghiệp vụ được phản ánh trên chứng từ và được kiểm soát chặt chẽ nhằm tránh rủi ro và ngăn ngừa vi phạm.

Ba là hoạt động KSNB tại PVFC đã thể hiện phát huy được các chức năng giám sát từ xa và kiểm tra tại chỗ tạo điều kiện giúp các đơn vị phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các sai phạm nếu có.

2.3.2 Những hạn chế của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam

Hiện nay, mô hình tổ chức của PVFC gồm năm khối cơ bản: khối quản lý, khối hỗ trợ quản lý, khối kinh doanh, khối quản lý, khối chi nhánh và khối các công ty con. Với mô hình tổ chức và quy mô hoạt động ngày càng rộng lớn như vậy, cơ chế KSNB đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình vận hành hiệu quả bộ máy của PVFC hướng đến mục tiêu hiệu quả, an toàn, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, do mới chuyển sang hoạt động theo mô hình tổng công ty

chưa lâu cùng với sự phát triển quá nhanh về quy mô và tổ chức nên HTKSNB của PVFC đang dần bộc lộ một số yếu kém.

- Hệ thống các quy chế, quy định, quy trình và hướng dẫn mặc dù được ban hành khá đầy đủ cho các nghiệp vụ tuy nhiên chưa có sự thống nhất và phối hợp lẫn nhau giữa các đơn vị trong hệ thống. Điều này dẫn đến một số trường hợp cùng một nội dung nhưng lại có quy định khác nhau giữa các đơn vị và về mặt kiểm soát sẽ không còn hiệu quả. Đồng thời việc thường xuyên sửa đổi, cập nhật cũng gây cho người thực hiện nghiệp vụ cũng như người kiểm tra gặp nhiều khó khăn do mỗi giai đoạn là mỗi quy định khác nhau và nhiều lúc bản thân người sử dụng không kịp thời cập nhật.

- Về cơ cấu tổ chức hiện nay khối các chi nhánh còn có một số điểm bất cập. Tại Hà Nội là nơi đặt trụ sở chính và chi nhánh Thăng Long, tại thành phố Hồ Chí Minh thì chi nhánh Hồ Chí Minh và chi nhánh Sài Gòn song song cùng hoạt động. Điều này dẫn đến việc phân chia, quản lý thị trường gặp phải sự chòng chéo, bên cạnh đó, sẽ tạo ra bộ máy quản lý khá cồng kềnh và khổng lồ, gây lãng phí trong quá trình hoạt động.

- Về bộ phận KTKSNB chuyên trách của PVFC: Theo qui định của NHNN, TCTD có thể thành lập hoặc không thành lập bộ phận KTKSNB chuyên trách. Việc thành lập bộ phận KTKSNB chuyên trách trực thuộc Tổng giám đốc của PVFC đang gặp một số vướng mắc như sau:

Một là, theo chức năng nhiệm vụ của KTNB việc kiểm tra tính tuân thủ, kiểm tra và đánh giá tính phù hợp, tính hiệu lực và hiệu quả của HTKSNB... là các chức năng và nhiệm vụ của KTNB. Mặt khác, KTNB có thể tiến hành bất cứ cuộc thanh tra, kiểm tra nào theo yêu cầu của HĐQT hay của Tổng giám đốc. Và các báo cáo kiểm toán bao giờ cũng được sao gửi một bản cho Tổng giám đốc.

Hai là, khi PVFC đã thiết lập và duy trì được HTKSNB tốt, bao gồm các chính sách, thủ tục rõ ràng và đầy đủ cho mỗi quy trình kinh doanh, đi kèm với các tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động rõ ràng, thì PVFC có thể quản lý tốt hoạt động

và các rủi ro liên quan. Việc tự kiểm tra, kiểm soát thường xuyên là một phần của KSNB, do đó, không cần thiết phải thành lập bộ phận chuyên trách.

Ba là, bộ phận KTKSNB chuyên trách không đảm bảo tính độc lập, khách quan nên kết quả sẽ bị hạn chế (điều này đã thể hiện trong thực tế thời gian qua). Hơn nữa, việc song song tồn tại hai bộ phận (KTKSNB và KTNB) có những chức năng và nhiệm vụ trùng nhau dễ bị chồng chéo gây lãng phí nguồn lực, kém hiệu quả.

Tuy nhiên, thực tế thời gian qua bộ phận KTKSNB chuyên trách của PVFC luôn tồn tại từ trước đến nay, nên nếu xoá bỏ ngay sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết vấn đề về con người và nhất là việc thay đổi nhận thức. Bên cạnh đó, mặc dù kết quả hoạt động của bộ phận KTKSNB cho dù còn hạn chế, nhưng cũng đã góp phần đáng kể cho sự phát triển an toàn của PVFC.

- Ban kiểm soát trực thuộc Hội đồng quản trị được trao trách nhiệm giám sát toàn bộ KSNB và KTNB. Tuy nhiên, Ban kiểm soát về thực chất vẫn chưa có được sự độc lập tương đối với bộ phận được kiểm tra (trong ba thành viên của Ban kiểm soát thì chỉ có một là thành viên là chuyên trách, hai thành viên còn lại là thành viên của KTNB). Hơn nữa, sự hạn chế về nguồn lực con người và thiết bị đã hạn chế rất nhiều khả năng kiểm soát nội bộ của Ban kiểm soát. Do đó, chức năng của Ban kiểm soát thuộc Hội đồng quản trị mới chỉ dừng lại ở việc kiểm tra, đánh giá các báo cáo tài chính cuối kỳ và xử lý các vấn đề đã phát sinh.

- Đội ngũ nhân viên của PVFC tương đối trẻ, năng động nhưng vẫn còn một bộ phận lớn nhân viên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu công việc do chính sách ưu tiên tuyển dụng “con em cán bộ công nhân viên có đóng góp vì sự nghiệp phát triển của PVFC và ngành Dầu khí”. Bên cạnh đó, mặc dù có Trung tâm đào tạo để đào tạo nhân sự cho PVFC nhưng chức năng của trung tâm này chưa thực sự được phát huy. Việc đào tạo tại PVFC được thực hiện thường xuyên nhưng giáo viên giảng dạy thường là thuê ngoài, do đó, việc đào tạo mang tính lý thuyết chung hơn là đi vào xử lý các tình huống thực tế phát sinh trong hoạt động của PVFC.

- Mặc dù cơ chế kiểm soát được cài đặt ngay từ ban đầu trong mọi nghiệp vụ phát sinh tại PVFC, tuy nhiên do quá trình thực hiện cũng như do còn phụ thuộc vào trách nhiệm, ý thức của mỗi cán bộ thực hiện cho nên công tác kiểm soát ở PVFC chưa thực sự phát huy hiệu quả. Thực sự cơ chế kiểm soát nội của PVFC mới chỉ chú trọng đến công tác kiểm soát xử lý và kiểm soát bảo vệ tài sản mà chưa tập trung đến công tác kiểm soát quản lý cũng như kiểm soát tổng quát. Nói cách khác, HTKSNB chưa làm tốt chức năng ngăn chặn và giám sát mà mới chỉ thực hiện chức năng kiểm tra, phát hiện và xử lý các vấn đề đã phát sinh. Cơ chế kiểm soát quá tập trung vào các cuộc kiểm tra, kiểm toán đột xuất, trong khi đáng ra cơ chế kiểm soát thường xuyên cần được thực hiện trong mọi giai đoạn của nghiệp vụ. Hầu hết các biện pháp kiểm soát đều tập trung giải quyết vào các rủi ro đã xảy ra mà chưa phát huy cao độ tính chủ động trong phòng ngừa rủi ro trong hoạt động, chưa lường hết những phát sinh rủi ro trong quá trình tác nghiệp. Do vậy, kết quả mang lại thường là để khắc phục, sửa chữa, rút kinh nghiệm nhiều hơn là ngăn chặn kịp thời các sai sót, rủi ro; chưa dự báo được những bất trắc trong các mặt hoạt động.

- Được tổ chức theo mô hình tổng công ty nhưng mức độ độc lập của các chi nhánh của PVFC còn tương đối hạn chế. Sự phân cấp, phân quyền giữa các cấp đã có nhưng trong quá trình thực hiện thường xuyên có sự thay đổi, điều này làm cho các cấp – nhất là cấp chi nhánh, còn nhiều bị động trong việc thực hiện. Sự chòng chèo trong điều hành và tác nghiệp giữa các bộ phận vẫn diễn ra thường xuyên, cơ chế tập thể quyết định vẫn tồn tại phổ biến. Chính vì thế, trong nhiều trường hợp quyền hạn đã phân cấp không được sử dụng hết hoặc bị lạm dụng.

- Đối với hệ thống thông tin, phần mềm Bank chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu phát triển của PVFC, khả năng tự kiểm soát giữa các phân hệ còn rất hạn chế, việc chiết xuất dữ liệu dữ liệu báo cáo chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin của người sử dụng. Nguyên nhân chính là do so với ngày đầu thành lập, sau hơn 9 năm phát triển, quy mô hoạt động của PVFC đã tăng trưởng gấp nhiều lần trong khi đó việc nâng cấp phần mềm Bank gần như là không có.

- Hệ thống kế toán - bộ phận cấu thành quan trọng của HTKSNB của PVFC, đang gặp nhiều lúng túng trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Hệ thống kế toán của PVFC đã được hình thành tương đối đầy đủ gồm hệ thống chứng từ ban đầu, hệ thống sổ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán và hệ thống báo cáo kế toán. Chức năng ghi nhận, tính toán, kết chuyển của hệ thống kế toán đã được thực hiện tương đối tốt nhưng chức năng tổng hợp gần như chưa được đề cập. Mặc dù tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con nhưng hệ thống kế toán chưa lập được báo cáo tài chính hợp nhất cho toàn tổng công ty (bao gồm công ty mẹ và các công ty con). Đối với công ty mẹ - hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, hệ thống tài khoản cũng như báo cáo tài chính theo quy định của NHNN về chế độ kế toán của TCTD, đối với các công ty con – hoạt động ở các lĩnh vực khác, hệ thống tài khoản cũng như báo cáo tài chính theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ kế toán của doanh nghiệp. Vì lẽ đó, vai trò KSNB của hệ thống kế toán còn rất hạn chế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trên cơ sở lý thuyết của chương 1, chương 2 đã mô tả thực trạng HTKSNB của PVFC. Từ thực trạng đó cho thấy, PVFC đã cố gắng vận dụng lý thuyết kiểm soát nội bộ vào thực tế để kiểm soát và quản lý các hoạt động của mình nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn nhiều vấn đề bất cập và còn nhiều điểm khiến cho HTKSNB của PVFC chưa phát huy hết hiệu quả của mình. Chương tiếp theo sẽ trình bày về một số giải pháp nhằm hoàn thiện HTKSNB tại PVFC, giúp hệ thống này vận hành một cách hữu hiệu hơn trong thời gian tới.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

3.1 TÍNH TẤT YẾU PHẢI HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Hiện nay, trong giai đoạn nước ta đang có những bước phát triển, chuyển biến đáng kể, Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO, những hạn chế đối với việc tham gia vào thị trường tài chính, tiện tệ Việt Nam của các TCTD nước ngoài đang được dần cải thiện và loại bỏ. Việc gia tăng của TCTD tại thị trường Việt Nam đã làm tăng áp lực cạnh tranh đối với các TCTD trong nước.

Chính sách cải cách, mở cửa và hội nhập của nhà nước đã tạo thế và lực cho sự phát triển nền kinh tế đất nước nói chung và lĩnh vực tài chính – ngân hàng nói riêng. Trong bối cảnh đó, PVFC cần phải thể hiện một cách đầy đủ vai trò là định chế tài chính hàng đầu của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam. PVFC cần thiết lập một cơ chế quản trị, điều hành kiểm soát hoạt động phù hợp với yêu cầu của một hệ thống rộng khắp, phát triển có chiều sâu và phát huy có hiệu quả thiết thực. Để thực hiện tốt nhiệm vụ được Tập đoàn giao, PVFC cần phải có một HTKS NB có khả năng phòng ngừa và phát hiện, khắc phục rủi ro, bảo vệ an toàn trong mọi mặt hoạt động của PVFC.

Thực chất, hoàn thiện HTKS NB nhằm tạo ra môi trường lành mạnh trong việc thực hiện nghiệp vụ chuyên môn của PVFC cũng như việc tuân thủ chính sách, chế độ của nhà nước. Trong đó các biểu hiện không trung thực và thực hiện sai các quy định, chính sách, nghiệp vụ là điều không thể chấp nhận và bằng mọi cách phải loại trừ.

Mục tiêu cơ bản và then chốt của hoạt động KSNB tại PVFC là tạo điều kiện đảm bảo cho việc tuân thủ tuyệt đối chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy trình, quy chế hoạt động, tác nghiệp của PVFC, phát hiện và ngăn ngừa những hiện tượng vi phạm và sai sót trong hoạt động dẫn đến rủi ro. Đảm bảo cho hoạt động của PVFC triển khai đúng định hướng, mục tiêu và nhiệm vụ; triển khai đồng bộ các biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả, tránh rủi ro, bảo vệ an toàn về vốn, tài sản và uy tín của Tổng công ty.

Ngoài ra, hoàn thiện HTKSNB còn xuất phát từ chiến lược phát triển của PVFC đến năm 2015 và năm 2025. Chiến lược của PVFC đến năm 2015 là xây dựng PVFC trở thành tập đoàn tài chính hàng đầu tại Việt Nam và là tập đoàn tài chính quan trọng nhất, là xương sống trong các định chế tài chính khác của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, đáp ứng được tối đa nhu cầu vốn cho các dự án của Tập đoàn.

Với chiến lược đó, mục tiêu phát triển cụ thể của PVFC đến năm 2015 là:

- Nhanh chóng hoàn thiện trở thành tập đoàn tài chính dầu khí và trở thành tập đoàn tài chính quan trọng nhất, là xương sống trong các định chế tài chính của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, tham gia hội nhập thành công.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân trong tất cả các hoạt động đạt 10% - 20%/năm.

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ: 19 - 20 %.

- Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ: 10 - 11 %.

- Giá trị doanh nghiệp năm 2015 tương đương 5 tỷ USD.

Và mục tiêu phát triển cụ thể đến năm 2025:

- Phát triển bền vững.

- Tốc độ tăng trưởng ổn định bình quân hàng năm đạt 5 - 10%/năm.

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ: 20 - 25%.

- Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ: 11 - 12 %.

- Giá trị doanh nghiệp đến năm 2025 tương đương 10 tỷ USD.

Theo đó, lãnh đạo PVFC xác định rõ ràng các yếu tố cần thiết dẫn đến sự thành công trong đó hoàn thiện HTKSNB là mục tiêu chủ yếu, quyết định, bao gồm: quy mô hợp lý, chính sách nhân sự đồng bộ và hiệu quả; hệ thống quản trị lành mạnh và tiên tiến; công nghệ thông tin phát triển, hiện đại.

Với chiến lược và mục tiêu phát triển của PVFC trong thời gian tới, ta càng thấy rõ tầm quan trọng và tính cần thiết trong việc tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của HTKSNB trong việc phát triển các mặt hoạt động của PVFC.

3.2 PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Xuất phát từ yêu cầu hoàn thiện nội dung hoạt động và phát huy hiệu quả của hoạt động KSNB trong PVFC, khắc phục những hạn chế, khiếm khuyết trong quá trình triển khai hoạt động này, chúng ta nhận xác định tính cần thiết, tầm quan trọng trong việc kiện toàn HTKSNB tại PVFC. Tuy nhiên đây không phải là vấn đề đơn giản có thể thực hiện ngay mà cần có phương hướng cụ thể và kế hoạch tiến độ triển khai.

Một là hoàn thiện HTKSNB nhằm mục đích triển khai thực hiện có hiệu quả, phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ của PVFC trong từng giai đoạn. Nhiệm vụ của PVFC là tiếp nhận, huy động, quản lý, điều hành sử dụng vốn nhằm khai thác tối đa các nguồn vốn đảm bảo thu xếp vốn tín dụng cho các dự án đầu tư trong ngành. Trong quá trình hoạt động với địa bàn trải rộng khắp nước và triển khai cùng lúc nhiều loại nghiệp vụ nên không thể tránh khỏi rủi ro. Việc thiết lập và không ngừng hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTKSNB là nhằm kiểm soát, phát hiện, phòng ngừa và ngăn chặn rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của PVFC. Đây là một trong những điều kiện tiên quyết ảnh hưởng lớn đến thành công, hiệu quả trong việc thực thi chức năng, nhiệm vụ của PVFC.

Thứ hai là việc hoàn thiện HTKSNB phải mang tính đồng bộ trong tất cả các hoạt động. Thực tiễn hiện nay, hoạt động KSNB trong PVFC chủ yếu đi sâu vào công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của hệ thống nhằm đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định, quy chế của PVFC. Trong điều kiện hiện nay cần nâng cao yêu cầu chức năng của KSNB nhằm đẩy mạnh chức năng cung cấp thông tin, phòng ngừa rủi ro tín dụng. Để hoàn thiện HTKSNB trước tiên phải rà soát tất cả các hoạt động của PVFC, khắc phục những điểm yếu trong công tác quản lý và triển khai nghiệp vụ. Cần phải có mối quan hệ chặt chẽ của hoạt động kiểm toán giám sát với các hoạt động nghiệp vụ, mục tiêu quản lý của lãnh đạo PVFC trong việc xem xét đánh giá các yếu tố như môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán và hoàn thiện thủ tục kiểm soát

Thứ ba là cần xây dựng hệ thống giám sát và quản trị rủi ro phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Trong xu hướng hội nhập hiện nay, các TCTD nước ngoài tham gia ngày càng nhiều vào thị trường tài chính ngân hàng Việt Nam. Để phát huy vai trò của PVFC trong việc thực thi nhiệm vụ được giao, phát huy hiệu quả và giảm thiểu rủi ro thì HTKSNB đòi hỏi cần phải được hoàn thiện xây dựng và phát triển ngày càng phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Cần xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ tiên tiến, xác định hạn mức vốn vay theo từng khách hàng, ngành, lĩnh vực; xây dựng tốt hệ thống thông tin, nâng cao chất lượng công tác dự báo, thực hiện triệt để công tác đánh giá, phân loại nợ; ngăn ngừa và xử lý tốt rủi ro tín dụng.

Thứ tư là vừa hoàn thiện HTKSNB vừa đảm bảo hoạt động của PVFC ổn định và hiệu quả. Mục tiêu của PVFC là lợi nhuận trên cơ sở phát triển bền vững. Vì vậy, việc hoàn thiện hệ thống KSNB trong PVFC phát triển phải hướng tới mục tiêu đảm bảo hoạt động của PVFC ổn định và hiệu quả, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động tài chính, gia tăng độ an toàn trong hoạt động nghiệp vụ.

Cuối cùng trong quá trình hoàn thiện HTKSNB, cần phải quan tâm đảm bảo yếu tố nhân lực. Nhân tố con người có vai trò quyết định trong việc thực hiện thành

công các mục tiêu; do đó vấn đề con người là ưu tiên số một. Cần có cơ chế đào tạo để nâng cao năng lực trình độ của toàn thể cán bộ nhân viên của PVFC nói chung và bộ phận kiểm tra, giám sát nói riêng. Mặt khác PVFC cần có chính sách đãi ngộ phù hợp với các cán bộ làm công tác KSNB tạo điều kiện cho đội ngũ này an tâm trong công việc. Đây là vấn đề vô cùng quan trọng ảnh hưởng quyết định đến việc hoàn thiện HTKSNB.

3.3 NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Từ những mặt hạn chế của HTKSNB, tác giả luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện HTKSNB tại PVFC. Những giải pháp này chỉ mang tính gợi mở và cần được nghiên cứu, thảo luận sâu hơn để tìm được những biện pháp hữu hiệu nhất:

3.3.1 Giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát bao gồm đặc thù về quản lý, cơ cấu tổ chức, công tác kế hoạch,... Môi trường kiểm soát tốt sẽ góp phần tăng hiệu quả hoạt động của HTKSNB.

Về đặc thù quản lý

NHNN đã từng chỉ rõ một trong những nguyên nhân dẫn đến sự yếu kém trong quản trị hoạt động của TCTD là lãnh đạo các tổ chức này chưa coi trọng đúng mức công tác KTKSNB; chất lượng của công tác KTKSNB kém hiệu quả, không phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm trong lĩnh vực quản trị, điều hành; cán bộ làm công tác KTKSNB còn ngại va chạm và né tránh, báo cáo còn mang tính hình thức.

Do vậy để hoàn thiện môi trường KSNB, không chỉ riêng ban lãnh đạo PVFC có quan điểm điều hành đúng đắn, nhận thức, quán triệt tầm quan trọng của công tác KSNB mà cần phải có biện pháp để nâng tầm công tác KSNB trong ý thức

và thực thi của mỗi cán bộ nhân viên. Tăng cường nhận thức về kiểm soát nội bộ trong nội bộ PVFC. PVFC ngày càng phát triển, mức độ phân cấp, phân quyền ngày càng cao, kể cả phân quyền đến từng nhân viên giao dịch. Vai trò của kiểm soát quản lý trở nên cực kỳ quan trọng để có thể ngăn chặn và phát hiện những sai sót và tiêu cực, đảm bảo an toàn trong hoạt động của PVFC.

- Đối với Ban lãnh đạo PVFC, cần quan tâm, ưu tiên nguồn lực một cách thích đáng cho việc hình thành, hoàn thiện và phát triển của HTKSNB.

- Đối với các bộ phận, phòng ban và nhân viên PVFC, cần phải hiểu rằng HTKSNB (trong đó có bộ phận KTKSNB chuyên trách) được thiết lập nhằm hỗ trợ trong việc thực hiện trách nhiệm của mình về kiểm soát nội bộ và trao đổi thông tin trong quá trình kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra với kết quả tốt nhất có thể.

Lãnh đạo PVFC cần phát huy tính hữu hiệu trong quản lý của KSNB, đây là công cụ trợ giúp đắc lực cho các nhà quản trị trong công tác điều hành nghiệp vụ, minh bạch hoá trong hoạt động thông qua vai trò tư vấn, cung cấp thông tin, kiểm tra tính tuân thủ, kiểm soát quá trình thực hiện nghiệp vụ, xác định hiệu năng, hiệu quả, ngăn ngừa những rủi ro, tạo môi trường lành mạnh hoá trong nghiệp vụ tín dụng, đầu tư.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý

Trong việc hoàn thiện môi trường kiểm soát, vấn đề tổ chức một bộ máy hợp lý, giải quyết vấn đề nhân sự là vô cùng quan trọng. Cơ cấu tổ chức quản lý hợp lý sẽ là nhân tố rất quan trọng trong việc đạt được mục tiêu của TCTD. Đồng thời việc tổ chức một cách khoa học cơ cấu tổ chức trong đó quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ cho các đơn vị, bộ phận, nhân viên sẽ tạo nên một môi trường kiểm soát tốt.

Cơ cấu không hợp lý sẽ đưa đến sử dụng lãng phí các nguồn lực, sự phân công phối hợp giữa các bộ phận ở hội sở chính và chi nhánh sẽ bị chông chéo, sự phối hợp sẽ kém hiệu quả, sự điều hành trong hệ thống sẽ gặp khó khăn, ảnh hưởng

không tốt đến phát huy năng lực và đạt hiệu quả cao trong công việc. Do vậy PVFC cần phải xây dựng một cơ cấu tổ chức hiện đại và phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của mình.

Việc phân công các Phó Tổng Giám đốc phụ trách từng vùng theo từng chi nhánh cụ thể đã được thực hiện nhưng chưa có một cơ chế nào để ràng buộc trách nhiệm của các Phó Tổng giám đốc với kết quả hoạt động của chi nhánh, do đó, trong thực tế việc phụ trách này gần như không có. PVFC cần có một quy định rõ ràng về trách nhiệm, nghĩa vụ cũng như quyền lợi của các Phó Tổng giám đốc về hoạt động của chi nhánh mình phụ trách, cung cấp kịp thời thông tin và tham mưu cho Tổng Giám đốc việc điều hành hoạt động của từng đơn vị, đưa ra ý kiến, biện pháp quản lý nhằm kiểm soát rủi ro xảy ra trong hoạt động của đơn vị mình phụ trách, đảm bảo thúc đẩy sự phát triển bền vững, an toàn của từng chi nhánh, từng bộ phận.

Với mô hình tổ chức bộ máy quản lý hiện nay ở PVFC ta thấy còn tập trung nhiều về hội sở chính, chưa có sự phân cấp mạnh cho các phòng giao dịch và chi nhánh. Bên cạnh đó, việc giao kế hoạch cũng như chiến lược phát triển của các chi nhánh, phòng giao dịch còn chung chung, chưa thực sự dựa trên thế mạnh của mỗi vùng miền. Do đó, việc thực hiện kế hoạch của các chi nhánh còn rất khó khăn, chưa phát huy được thế mạnh của mỗi vùng miền. Trong thời gian tới PVFC hoàn thành việc xây dựng mô hình tổ chức và hoạt động gắn với triển khai các nhiệm vụ chiến lược và phù hợp với yêu cầu thị trường của chi nhánh đó.

Trong thời gian tới, PVFC cần nghiên cứu để sáp nhập chi nhánh Thăng Long chung vào Hội sở chính và chi nhánh Sài Gòn chung vào với chi nhánh Hồ Chí Minh để hoạt động của PVFC tại hai khu vực này có thể chuyên nghiệp hơn và giảm thiểu sự công kênh của bộ máy lãnh đạo. Đồng thời, PVFC cần nghiên cứu và ban hành các văn bản hướng dẫn nhằm chuẩn hóa hoạt động của các phòng giao dịch để hoạt động ở các bộ phận này ngày càng chuyên nghiệp hơn cũng như tăng cường khả năng kiểm soát của các cấp tại các phòng giao dịch.

Cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các Ban nghiệp vụ tại Hội sở và giữa Ban nghiệp vụ tại Hội sở với các chi nhánh trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn hoạt động của PVFC cũng như trong việc thực hiện các nghiệp vụ phát sinh để đảm bảo tính đồng bộ về mặt hướng dẫn, tính chuyên nghiệp trong việc giải quyết các nghiệp vụ phát sinh tại PVFC.

Hiện nay tại PVFC, Ban KTKSNB trực thuộc Tổng Giám đốc. Dưới sự điều hành của Ban lãnh đạo PVFC, hoạt động của ban có thuận lợi về mặt nghiệp vụ, chuyên môn, nhưng trong chừng mực nó mất đi tính độc lập khách quan, mà đây là nguyên tắc quan trọng trong hoạt động của bộ phận KTKSNB. Do đó, PVFC cần xây dựng lộ trình càng sớm càng tốt để hình thành một mô hình tổ chức của bộ phận KTKSNB chuyên trách, KTNB hợp lý nhất, đó là: không còn bộ phận KTKSNB chuyên trách mà tập trung sức mạnh cho KTNB cũng như thiết lập được HTKSNB hoàn thiện. Khi đó, cần có các chính sách về quy chế, quy trình, kế hoạch kiểm toán nội bộ cụ thể theo sát với chuẩn mực. Đặc biệt là các chế tài, trong đó cần quan tâm đến cơ chế động lực: lương, phụ cấp, và các chế độ đãi ngộ khác thoả đáng để bù đắp áp lực công việc đối với kiểm toán viên nội bộ. Đồng thời trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên nội bộ cần phải được nâng cao.

Trung tâm đào tạo cần phải xây dựng được đội ngũ giáo viên giảng dạy nội bộ đảm bảo được nhu cầu đào tạo của PVFC, chính những giảng viên này là người am hiểu về hoạt động của PVFC nhất và họ sẽ là người truyền đạt kiến thức cũng như kinh nghiệm tốt nhất trong công tác đào tạo của PVFC. Nhân viên mới được tuyển dụng vào PVFC cần phải gửi đi học nghiệp vụ chuyên môn theo chức danh công việc của mình tại Trung tâm đào tạo trước khi nhận nhiệm vụ nhằm đảm bảo công việc được thực hiện một cách trôi chảy và tuân thủ theo đúng quy định.

Nâng cao công tác kế hoạch tại PVFC

Kế hoạch kinh doanh của PVFC được xây dựng hàng năm, tuy nhiên, cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch còn chưa được quy định cụ thể, nhiều khi mang tính

chủ quan cảm tính hơn là dựa vào tình hình hoạt động thực tế của Tổng công ty cũng như thị trường tài chính trong nước và thế giới. Điều này làm cho kế hoạch kinh doanh của PVFC nhiều khi thiếu tính thực tế và thường xuyên điều chỉnh, thay đổi. Kế hoạch cần phải được xây dựng trên cơ sở tình hình hoạt động kinh doanh những năm trước, tình hình thị trường tài chính trong và ngoài nước, thực tế hoạt động của từng chi nhánh, phòng giao dịch. Việc giao kế hoạch cũng dựa vào từng chi nhánh, phòng giao dịch cụ thể chứ không giao kế hoạch theo kiểu đồng đều. Giao kế hoạch phải dựa vào thế mạnh của từng chi nhánh, phòng giao dịch. Chẳng hạn chi nhánh Nam Định mạnh về huy động vốn thì có thể giao chỉ tiêu huy động vốn của chi nhánh Nam Định cao hơn các chi nhánh khác. Chi nhánh Vũng Tàu mạnh về cấp tín dụng cho các đơn vị trong ngành Dầu khí thì chỉ tiêu cho vay trong ngành giao cho chi nhánh Vũng Tàu cũng cao hơn các chi nhánh khác,...

Củng cố và tăng cường hiệu quả hoạt động của bộ phận kiểm tra nội bộ

Bộ phận KTNB là người trực tiếp tiến hành công tác kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan với HTKSNB. Do đó cần trao cho bộ phận này nhiệm vụ và quyền hạn nhất định, cụ thể để thuận tiện trong việc triển khai, việc thực hiện nhiệm vụ cần được độc lập, không bị lệ thuộc và tiến hành một cách khách quan, trung thực; có như vậy công tác kiểm soát nội bộ mới phát huy hiệu quả và thể hiện hết tính tích cực của nó.

HTKSNB cần được củng cố xuyên suốt từ hội sở đến từng chi nhánh, phòng giao dịch. KTNB cần được tổ chức một cách khoa học chuyên sâu, tập trung những thành phần ưu tú, có năng lực và tâm huyết. Ban lãnh đạo PVFC cần quan tâm và có những biện pháp khích lệ bộ phận này.

Bộ phận KTKSNB ở các chi nhánh trực thuộc phòng Tổng hợp và chịu sự chỉ đạo của lãnh đạo phòng Tổng hợp và Giám đốc chi nhánh về mọi mặt (ngoại trừ chuyên môn). Đây là vấn đề mấu chốt làm hạn chế hiệu quả công tác KSNB. Điều này làm cho việc triển khai công việc của bộ phận KTKSNB chưa thật sự hiệu quả.

Ngoài ra nghiệp vụ KSNB nên được quán triệt thực thi ngay khi có nghiệp vụ phát sinh. Từng cá nhân, đơn vị thực thi nhiệm vụ chuyên môn cần phải thường xuyên tự kiểm tra, kiểm tra chéo lẫn nhau. Việc kiểm soát này cần được cài đặt ngay trong quy trình nghiệp vụ, các bước phối hợp và kiểm soát lẫn nhau. Bộ phận KTKSNB chuyên trách chỉ triển khai sau khi từng cá nhân đơn vị đã thực hiện việc kiểm soát ngay chính nghiệp vụ của mình.

Hiện nay, với mô hình tổ chức của Ban KTKSNB và KTNB của PVFC đã phần nào đảm bảo triển khai được công tác quản lý rủi ro của Tổng công ty. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, để tạo điều kiện cho HTKSNB này hoạt động có hiệu quả hơn thì nên sáp nhập hai bộ phận này thành KTNB. Lúc đó, PVFC cần xây dựng và ban hành điều lệ KTNB với những yêu cầu cơ bản:

- Chỉ ra mục tiêu và phương pháp tiến hành kiểm toán nội bộ
- Xác định rõ nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ
- Xác định các nguyên tắc tiến hành kiểm toán
- Cho phép kiểm toán viên tiếp cận với các tài liệu, cũng như những người có liên quan đến hoạt động kiểm toán nội bộ.

Đồng thời với việc cải cách hoạt động kiểm soát kiểm toán nội bộ phải tiến hành một cách đồng bộ với cải cách công tác quản lý rủi ro, cải cách áp dụng các chuẩn mực trong công tác kế toán tài chính, ứng dụng kế toán quản trị...

3.3.2 Giải pháp hoàn thiện thủ tục kiểm soát

Với phạm vi hoạt động tương đối rộng lớn và sản phẩm dịch vụ đa dạng, do đó để kiểm soát tốt hoạt động của mình ban lãnh đạo PVFC đã cố gắng thiết lập và thực thi các thủ tục kiểm soát nội bộ dựa trên các nguyên tắc cơ bản: nguyên tắc phân công phân nhiệm, nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn. Tuy nhiên, để thủ tục kiểm soát các quy trình nghiệp vụ của PVFC được tốt hơn, tác giả luận văn có một số đề xuất như sau:

- Chuẩn hóa các hoạt động tại PVFC bằng cách ban hành đầy đủ quy trình thực hiện các nghiệp vụ trên cơ sở các quy chế, quy định và hướng dẫn đã có. Đảm

bảo mọi nghiệp vụ được thực hiện theo đúng quy trình, quy chế, quy định đồng thời kiểm soát được rủi ro trong mỗi bước thực hiện nghiệp vụ.

- Thủ tục kiểm soát (bao gồm cả thủ tục kiểm tra, kiểm soát lại của bộ phận KTKSNB và KTNB) được thiết kế theo một cách bài bản với các nội dung cụ thể, tuy nhiên đôi chỗ còn mang tính hình thức, chưa thực sự có chiều sâu và phát huy có hiệu quả cao nhất. Do vậy để thủ tục kiểm soát các nghiệp vụ của PVFC được tốt hơn, các thủ tục kiểm soát cần thiết kế theo các hướng, nội dung sau:

Đánh giá rủi ro là vấn đề rất quan trọng trong nghiệp vụ KSNB và trong hoạt động của PVFC. Bất kỳ phương diện nào cũng đều có thể phát sinh những rủi ro và khó có thể kiểm soát được hết những rủi ro đó. Các thủ tục kiểm soát được thiết kế với mục tiêu chủ yếu là giới hạn các rủi ro có thể xảy ra. Rủi ro càng lớn thì phạm vi các thủ tục kiểm soát càng rộng. Vấn đề là các nhà quản lý phải quyết định rằng rủi ro nào có thể chấp nhận được và phải làm gì để quản lý rủi ro đó. Vì vậy lãnh đạo PVFC phải thận trọng khi thiết lập các mục tiêu của đơn vị, kể cả mục tiêu chung của PVFC và mục tiêu riêng của từng hoạt động. Tiếp theo đó ta cần phải biết cách nhận dạng và phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro làm cho các mục tiêu khó thể thực hiện được và phải cố gắng kiểm soát những rủi ro này.

Mọi rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến hiệu quả và mục tiêu hoạt động của PVFC đều phải được nhận dạng, đo lường, đánh giá một cách thường xuyên, liên tục để kịp thời phát hiện ngăn ngừa và có biện pháp quản lý rủi ro thích hợp. Trên cơ sở xác định các rủi ro, PVFC sẽ có biện pháp thiết kế và lựa chọn thủ tục kiểm soát thích hợp để triển khai.

Có thiết kế và lựa chọn thủ tục kiểm soát hợp lý phù hợp với từng mặt nghiệp vụ, từng loại rủi ro thì thủ tục kiểm soát của PVFC mới ngày càng hoàn thiện và phát huy hiệu quả đối với hoạt động của PVFC nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng. Thủ tục kiểm soát phải đảm bảo các nghiệp vụ phát sinh đều phải được thể hiện bằng chứng từ, ghi chép sổ sách đầy đủ và đồng thời phải quản lý được rủi ro.

3.3.3 Giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin

Trong xu hướng phát triển hiện nay, đơn vị nào trong ngành tài chính, ngân hàng có được hệ công nghệ thông tin hiện đại, đơn vị đó sẽ nhanh chóng có nhiều cơ hội phát triển thêm các sản phẩm, dịch vụ, phục vụ tốt hơn các nhu cầu của khách hàng; đồng thời công tác quản trị sẽ chặt chẽ, hiệu quả; tiết kiệm chi phí và thời gian. Do đó, trong thời gian tới PVFC cần tăng cường ứng dụng tin học trong công tác quản trị điều hành, đặc biệt là quản lý tài chính, quản lý giao dịch và quản lý tài sản, tin học hoá hoàn toàn hệ thống kế toán.

Ngay từ khi thành lập, PVFC đã sử dụng phần mềm Bank2000. Tuy nhiên, sau nhiều năm hoạt động, PVFC đã phát triển thêm nhiều dịch vụ mới, hệ thống phần mềm này đã không còn đáp ứng được các yêu cầu trong điều kiện quản lý mới và bộc lộ nhiều mặt hạn chế, như: chưa tập trung dữ liệu tức thời (online); khả năng mở rộng thấp; hạn chế trong việc phân tích, kiểm soát, bảo mật; khó kiểm soát được hoạt động của Tổng công ty tức thời... do đó làm mất cơ hội trong kinh doanh, khó phát triển các nghiệp vụ mới theo tiêu chuẩn quốc tế... Trong thời gian tới PVFC cần xây dựng được một phần mềm nghiệp vụ đảm bảo các yêu cầu sau:

- Có khả năng online trên toàn hệ thống một cách đồng bộ.
- Việc phân cấp, phân quyền sử dụng phần mềm phải do một đơn vị đầu mối thực hiện.
- Có khả năng tự kiểm soát số liệu giữa bộ phận kế toán và bộ phận kinh doanh để phát hiện chênh lệch nếu có.
- Có khả năng cảnh báo hoặc tự động chuyển nợ quá hạn đối với các khoản nợ quá hạn theo quy định của NHNN và PVFC.
- Hệ thống phần mềm với nghiệp vụ UTĐT phải hỗ trợ các phòng giao dịch thực hiện nghiệp vụ, quản lý các các giao dịch và số cổ phần uỷ thác của khách hàng, đồng thời kết nối được số liệu từ các điểm Giao dịch về bộ phận tổng hợp quản lý Danh mục của quản lý vốn UTĐT

- Hệ thống mang tính mở rộng cao, dễ dàng tích hợp với các hệ thống khác, và thuận tiện trong việc nâng cấp, phát triển các sản phẩm mới. Khi phát sinh sản phẩm nghiệp vụ mới, PVFC có thể chủ động hơn trong vận hành và sử dụng. PVFC có thể tự tham số và bổ sung vào hệ thống. Thông qua đó, PVFC đã chủ động hơn trong việc lựa chọn các phân hệ nghiệp vụ phù hợp với các hoạt động quản lý kinh doanh của mình như đầu tư, tín dụng, tiền gửi, liên ngân hàng...

- Cơ sở dữ liệu khách hàng tập trung, tránh được vấn đề khách hàng rải rác trên hệ thống. Mỗi khách hàng với một mã duy nhất có thể giao dịch với PVFC tại nhiều chi nhánh, phòng giao dịch khác nhau, tiếp cận với tất cả các sản phẩm dịch vụ của PVFC như huy động vốn hay tín dụng. Toàn bộ hệ thống dữ liệu khách hàng và giao dịch được quản lý tập trung, thuận tiện cho việc khai thác thông tin, phục vụ các yêu cầu quản trị, kiểm soát rủi ro và cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

- Công tác báo cáo phải đáp ứng được yêu cầu quản trị hiện đại của PVFC; kịp thời cung cấp thông tin cho yêu cầu ra quyết định nhanh chóng là một đòi hỏi bức thiết và quyết định sự thành công trong công tác điều hành.

3.4 KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Việc nhận thức về HTKSNB phụ thuộc phần lớn vào chính bản thân của các TCTD nhưng nếu cơ quan quản lý chưa có yêu cầu cụ thể thì các TCTD chưa thể nhận thức đầy đủ về sự cần thiết và tầm quan trọng của HTKSNB trong đơn vị mình. Vì vậy, một số kiến nghị sau đây được đưa ra để Ngân hàng Nhà nước có thể giám sát và hỗ trợ các TCTD trong việc tổ chức và thực hiện HTKSNB tại đơn vị mình:

- NHNN đã ban hành quyết định số 36/2006/QĐ-NHNN về Quy chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ và quyết định số 37/2006/QĐ-NHNN về Quy chế kiểm toán nội bộ của TCTD. Hai quy chế này giúp cho các TCTD hiểu rõ hơn về HTKSNB nói chung và KTNB nói riêng đạt hiệu quả. Những quy định trong hai quy chế trên cũng phù hợp với quy định của ủy ban Basel về HTKSNB tại TCTD được xây dựng phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, để hỗ trợ cho các TCTD trong việc

thực thi các quy chế về kiểm tra, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ. NHNN cần sớm ban hành các hướng dẫn giúp các TCTD giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực thi hai quy chế trên nhằm nhanh chóng xây dựng thành công HTKSNB và KTNB.

- Theo các quy định hiện hành, NHNN vẫn chưa quy định cụ thể về việc có thành lập hay không thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách chịu sự điều hành trực tiếp của Tổng giám đốc (Giám đốc). Điều này đã dẫn đến trong thời gian qua một số TCTD (trong đó có PVFC) gặp lúng túng trong việc thiết lập và tổ chức hoạt động bộ phận kiểm tra nội bộ hợp lý cho đơn vị. Đối với PVFC, hiện tại tồn tại song song hai bộ phận KTKSNB và KTNB đã gây ra những bất cập như đã nêu ở trên. Do đó, trong thời gian tới NHNN cần nghiên cứu về mô hình tổ chức của bộ máy KSNB chuyên trách sao cho vừa phù hợp với điều kiện cụ thể vừa phù hợp với thông lệ tốt nhất. Điều có thể là NHNN nên đưa ra một lộ trình cụ thể để các TCTD đủ thời gian xây dựng hệ thống KTNB chuyên nghiệp, đủ mạnh đảm bảo thực hiện tốt mọi chức năng và nhiệm vụ của KTNB. Khi đủ điều kiện, các TCTD phải thiết lập mô hình tổ chức của HTKSNB phù hợp với thông lệ tốt nhất, tức là tập trung về một mối hệ thống KTNB, không còn bộ phận KSNB chuyên trách.

- Về tiêu chuẩn đối với người làm công tác KTNB tại các quy định hiện hành, không quy định về số năm kinh nghiệm đối với cán bộ làm kiểm toán nội bộ nói chung, riêng với Trưởng, Phó Kiểm toán nội bộ quy định tối thiểu là 3 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng là chưa có tính khả thi. Ngay trong Quyết định số 832/TC/QĐ/CĐKT của Bộ Tài chính, tại khoản 3 Điều 12 quy định tiêu chuẩn chung đối với kiểm toán viên nội bộ trong tất cả các doanh nghiệp nhà nước là: “Đã công tác thực tế trong lĩnh vực tài chính, kế toán từ 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 3 năm làm việc tại doanh nghiệp nơi được giao nhiệm vụ”. Còn trên thế giới, dù không đưa ra tiêu chuẩn ngành nghề, nhưng thông thường, các kiểm toán viên nội bộ xuất thân từ các công ty kiểm toán độc lập, có bằng cử nhân tài chính, luật hay quản trị và chứng chỉ kiểm toán viên công chứng (CPA) hay kiểm toán viên nội bộ (CIA). Như vậy, quy định của NHNN đối với hoạt động kinh doanh

ngành ngân hàng mang tính đặc thù cao, lĩnh vực hoạt động rộng lớn và phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro, ứng dụng công nghệ hiện đại, nếu Trưởng kiểm toán nội bộ chỉ 3 năm kinh nghiệm trong ngành khó có thể am hiểu sâu được mọi lĩnh vực hoạt động của TCTD; khó có thể chỉ đạo điều hành công việc một cách có hiệu quả. Do đó, NHNN cần bổ sung quy định về số năm công tác trong lĩnh vực quản lý tài chính, kế toán và số năm kinh nghiệm trong ngành Ngân hàng đối với cán bộ làm kiểm toán nội bộ nói chung. Đặc biệt với các chức danh Trưởng, phó kiểm toán nội bộ, nên tăng số năm kinh nghiệm (tối thiểu phải 5 năm) làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

- NHNN chưa đề cập đến yêu cầu về áp dụng chuẩn mực kiểm toán, chứng chỉ kiểm toán nội bộ, số giờ đào tạo tối thiểu trong một năm. Để nâng cao tính chuyên nghiệp của hoạt động kiểm toán nội bộ, NHNN cần nghiên cứu ban hành các chuẩn mực về kiểm toán nội bộ; Kết hợp với Bộ Tài chính tổ chức các khoá đào tạo để cấp chứng chỉ kiểm toán viên nội bộ. NHNN cần quy định số giờ đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ tối thiểu trong năm đối với kiểm toán viên nội bộ, nhằm liên tục trang bị các kiến thức và kỹ năng mới cho mỗi cán bộ kiểm toán nội bộ, đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

- Các cơ quan giám sát của NHNN cần tăng cường việc giám sát thực hiện quy chế về kiểm tra, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ. Ngoài việc ban hành các quy chế và hướng dẫn thực hiện thì việc tăng cường giám sát của các cơ quan giám sát và của thanh tra ngân hàng nhà nước đối với hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ tại các TCTD cũng rất quan trọng nhằm nâng cao nhận thức của các TCTD trong việc thực thi HTKSNB. Các cơ quan giám sát cần đánh giá về hoạt động của HTKSNB nói chung và kiểm toán nội bộ nói riêng tại các TCTD thông qua việc trực tiếp kiểm tra trực tiếp tại các TCTD hoặc thông qua các báo cáo định kỳ của các TCTD gửi cho NHNN.

Ngoài ra, hằng năm các cơ quan giám sát cần tổng kết, đánh giá việc thực hiện HTKSNB tại các TCTD, trong đó nêu những ưu, khuyết điểm trong thực thi

HTKSNB tại TCTD. Đây có thể là tư liệu cho các buổi hội thảo giúp các TCTD khắc phục yếu kém, học hỏi kinh nghiệm của các TCTD khác để có thể thực hiện tốt hơn hoạt động KSNB và KTNB tại TCTD mình.

NHNN cần quy định các yêu cầu chặt chẽ về HTKSNB trong điều kiện thành lập TCTD hoặc chi nhánh mới. Các quy định hiện tại của NHNN liên quan đến việc thành lập mới TCTD hay chi nhánh yêu cầu khá nghiêm ngặt về vốn điều lệ trong từng thời kỳ, về việc tham gia của các cổ đông, về việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông và các yêu cầu về nhân sự, công nghệ thông tin và chiến lược kinh doanh của ngân hàng mới. Nhưng điều kiện thành lập TCTD hay chi nhánh mới chưa quy định cụ thể về vấn đề quản trị rủi ro cũng như HTKSNB và KTNB tại TCTD. Vì vậy, trong điều kiện cấp phép thành lập TCTD hoặc chi nhánh mới, NHNN cần bổ sung thêm quy định bắt buộc những vấn đề về quản trị rủi ro và HTKSNB. Điều này giúp các TCTD nhận thấy tầm quan trọng của HTKSNB đối với hoạt động của đơn vị mình và cũng đảm bảo TCTD hay chi nhánh mới sẽ hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của nhà nước, quy định nội bộ cũng như có thể quản trị tốt các rủi ro trong hoạt động kinh doanh và phát triển bền vững trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở những lý luận chung về HTKSNB được trình bày ở chương 1 và thực trạng của HTKSNB tại PVFC được trình bày ở chương 2, tác giả nêu lên một số giải pháp nhằm hoàn thiện HTKSNB tại PVFC. Các giải pháp chủ yếu là hoàn thiện môi trường kiểm soát, hoàn thiện thủ tục kiểm soát và hoàn thiện hệ thống thông tin. Bên cạnh đó, để HTKSNB thực sự phát huy hiệu quả NHNN cần cũng phải có sự hỗ trợ các TCTD trong việc hoàn thiện HTKSNB thông qua việc ban hành các hướng dẫn, tiêu chuẩn đối với người là KTNB trong các TCTD, tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề về hoạt động KSNB và KTNB, tăng cường hoạt động giám sát,... với sự nỗ lực của PVFC và sự hỗ trợ cả NHNN thì hoạt động của HTKSNB tại PVFC có thể nhanh chóng được hoàn thiện, giúp cho PVFC hoạt động an toàn, hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra.

KẾT LUẬN

Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam là định chế tài chính đầu tiên của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam, thời gian qua PVFC đã bước đầu thể hiện là công cụ đắc lực của Tập đoàn trong việc quản lý và điều hành nguồn của Tập đoàn. PVFC đã vận hành thông suốt bộ máy từ Hội sở đến các Chi nhánh, từng bước đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, phục vụ tốt cho nhu cầu vốn của trong và ngoài ngành, đảm bảo khả năng quản lý tốt các nguồn vốn và thực thi hiệu quả nhiệm vụ Tập đoàn giao phó.

Với quy mô hoạt động và địa bàn quản lý tương đối rộng, đối tượng cho vay, đầu tư ngày càng đa dạng nên yêu cầu quản lý đặt ra về việc đảm bảo hiệu quả hoạt động và an toàn nguồn vốn đối với PVFC luôn là vấn đề cấp thiết; việc phát hiện, ngăn chặn và hạn chế, khắc phục rủi ro luôn được Ban lãnh đạo PVFC quan tâm hàng đầu và ưu tiên tổ chức triển khai thực hiện. Trong điều kiện đó, việc xây dựng và hoàn thiện HTKSNB là vấn đề tiên quyết có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển bền vững của PVFC góp phần phấn đấu thực hiện thành công phương châm "Tầm nhìn tăng trưởng - Cam kết vững chắc - Thành công tài chính".

Qua tìm hiểu lý luận và nghiên cứu thực tế hoạt động của HTKSNB tại PVFC, tác giả đã hoàn thành Luận văn thạc sĩ với đề tài ***“Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam”***.

Luận văn đã khái quát được tổng quan sự hình thành và phát triển của PVFC, phân tích và hệ thống hóa những vấn đề liên quan đến KSNB, phòng ngừa và xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, đề cập đến các lý luận cơ bản về hoạt động của HTKSNB tại PVFC. Bên cạnh đó luận văn đã phân tích, đánh giá tình hình triển khai hoạt động KSNB, nêu ra những thành tựu và hạn chế trong công tác KSNB tại đây cũng như tìm nguyên nhân của những hạn chế phát sinh. Trên cơ sở đó kết hợp với mục tiêu chiến lược hoạt động của PVFC đề xuất các giải pháp cụ thể để tăng cường hoàn thiện HTKSNB với mong muốn đóng góp một phần nhỏ

ngiên cứu của mình vào việc hoàn thiện hoạt động KSNB phù hợp với chiến lược phát triển của PVFC trong thời gian tới; thúc đẩy tăng trưởng và an toàn trong hoạt động của PVFC gắn liền với thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của PVFC./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Tài chính (2001), *Chuẩn mực kiểm toán số 400 – Đánh giá rủi ro và kiểm soát nội bộ*, Hà Nội.
- [2] Bộ Tài chính (1997), quyết định số 832/TCTD-QĐ-CDKT của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc ban hành Quy chế Kiểm toán nội bộ, Hà Nội.
- [3] PGS.TS. Phạm Thị Thu Hà (2007), *Ngân hàng thương mại*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- [4] Khoa Kế toán – Kiểm toán trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (2004), *Kiểm toán*, NXB Thống kê, TP. Hồ Chí Minh.
- [5] TS. Nguyễn Viết Lợi (2007), *Giáo trình lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính, Hà Nội.
- [6] Ngân hàng nhà nước Việt Nam (2006), *Quyết định số 36/2006/QĐ-NHHH ban hành Quy chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng*, Hà Nội.
- [7] Ngân hàng nhà nước Việt Nam (2006), *Quyết định số 37/2006/QĐ-NHHH ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng*, Hà Nội.
- [8] Ngân hàng nhà nước Việt Nam (2001), *Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc ngân hàng nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng*, Hà Nội.
- [9] Ngân hàng nhà nước Việt Nam (2005), *Quyết định của Thống đốc ngân hàng nhà nước số 127/2005/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*, Hà Nội.
- [10] Ngân hàng nhà nước Việt Nam (2005), *Quyết định của Thống đốc ngân hàng nhà nước số 783/2005/QĐ-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân*

hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Hà Nội.

[11] Quốc hội (1997), *Luật các tổ chức tín dụng số 07/1997/QHX*, Hà Nội.

[12] Quốc hội (2004), *Luật của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 20/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng*, Hà Nội.

[13] GS.TS. Nguyễn Quang Quỳnh – TS. Ngô Trí Tuệ (2006), *Giáo trình kiểm toán tài chính*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[14] Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (2008), *Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam*, Hà Nội.

[15] Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (2008), *Quyết định số 3190/QĐ-TCĐK-TCNS&TL ngày 26/05/2008 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của các chi nhánh trực thuộc Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam*, Hà Nội.

[16] Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (2008), *Quyết định số 3813/2008/QĐ-TCĐK-DVTCDN ngày 20/06/2008 về việc ban hành Quy trình Nhận ủy thác quản lý vốn của Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam*, Hà Nội.

[17] Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (2008), *Quyết định số 4560/HD-QT-07-05 ngày 18/07/2008 về việc Hướng dẫn thực hiện Quy trình Nhận ủy thác quản lý vốn*, Hà Nội.

[18] Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (2008), *Quyết định số 4094/QĐ-TCĐK-KTKSNB ngày 27/06/2008 về việc ban hành Quy trình kiểm tra nội bộ của Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam*, Hà Nội.

[19] Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (2008), *Quyết định số 5660/QĐ-TCĐK-KTKSNB ngày 03/09/2008 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ chuyên trách của Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam*, Hà Nội.

[20] Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (2008), *Quyết định số 2517/2008/QĐ-TCĐKVN-BKS ngày 29/04/2008 về việc ban hành Quy trình kiểm toán nội bộ của Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam*, Hà Nội.

[21] Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (2008), *Quyết định số 2516/2008/QĐ-TCĐKVN-02 ngày 29/04/2008 về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam*, Hà Nội.

[22] Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (2008), *Bản cáo bạch*, Hà Nội.

[23] Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (2009), *Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 18/03/2008 đến ngày 31/12/2008*, Hà Nội.

[24] Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (2010), *Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009*, Hà Nội.

[25] Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (2009), *Quyết định số 4679/QĐ-TCĐK-QTRR ngày 06/07/2009 về việc ban hành Quy chế Tín dụng của Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam*, Hà Nội.

[26] Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (2009), *Quyết định số 3812/QĐ-TCĐK-QTRR ngày 04/06/2009 về việc ban hành Quy chế Đầu tư của Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam*, Hà Nội.

[27] <http://pvfc.com.vn>

[28] <http://www.webketoan.vn/forum/showthread.php?t=52762>, ngày 27/11/2009

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Cơ cấu huy động vốn theo nguồn huy động vốn của PVFC

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
1. Tiền gửi	1.809.948	11.759.205	2.377.350	7.036.986
- Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác	1.513.614	11.615.643	2.168.084	5.268.523
- Tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm của khách hàng, tiền gửi khác	296.334	143.562	209.266	1.768.463
2. Tiền vay	14.264.535	28.565.612	32.493.880	45.709.816
- Vay của các TCTD khác	3.131.032	2.370.940	3.240.800	14.871.132
- Vốn nhận ủy thác quản lý vốn, ủy thác đầu tư	8.118.879	18.140.253	24.043.693	21.708.175
- Vay khác	3.014.624	8.054.419	5.209.387	9.130.509
3. Phát hành giấy tờ có giá	665.215	2.192.285	3.609.484	5.291.558
Cộng	16.739.698	42.517.102	38.480.714	58.038.360

Phụ lục 2: Kết quả từ hoạt động tín dụng của PVFC qua các thời kỳ

Dư nợ cho vay của PVFC qua các thời kỳ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
1. Cho vay các TCTD khác	1.621.387	545.068	539.837	480.565
- Cho vay ngắn hạn	1.635.508	551.000	544.000	484.000
- Dự phòng rủi ro tín dụng	(14.121)	(5.932)	(4.163)	(3.435)
2. Cho vay và ứng trước các tổ chức kinh tế và cá nhân	2.817.035	8.688.786	17.208.744	26.961.378
- Cho vay ngắn hạn	1.076.355	3.175.192	5.396.573	8.593.033
- Cho vay trung, dài hạn	1.460.901	4.293.042	10.373.300	17.683.798
- Ứng trước cho khách hàng	350.154	1.391.724	1.730.393	1.173.588
- Dự phòng rủi ro tín dụng	(70.375)	(171.172)	(291.522)	(489.041)
Cộng	4.438.422	9.233.854	17.748.581	26.961.378

Chất lượng hoạt động tín dụng của PVFC qua các thời kỳ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2010
1. Dư nợ cho vay	4.522.918	9.410.958	18.044.266	27.934.419
2. Các khoản nợ quá hạn	74.702	413.010	1.189.363	1.601.569
- Nợ cần chú ý	25.565	112.212	751.185	1.233.188
- Nợ dưới tiêu chuẩn	12	137.991	159.996	17.085
- Nợ nghi ngờ	3.745	106.443	60.450	90.418
- Nợ có khả năng mất vốn	45.380	56.364	217.732	260.878
3. Tỷ lệ nợ quá hạn/ Dư nợ cho vay (%)	1,65	4,39	6,59	5,73
4. Tỷ lệ nợ xấu/ Dư nợ cho vay (%)	1,09	3,20	2,43	1,32

Phụ lục 3: Kết quả từ hoạt động đầu tư của PVFC

Kết quả đầu tư vào chứng khoán kinh doanh của PVFC qua các thời kỳ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
<i>Chứng khoán vốn</i>				
- Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	1.058	30.497	33.915	8.486
- Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	65.512	78.315	81.017	320.454
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.295)	(14.831)	(78.089)	(40.183)
Cộng	65.275	93.981	36.843	288.757

Kết quả đầu tư dài hạn của PVFC qua các thời kỳ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
- Các khoản đầu tư vào Công ty con	-	-	354.641	530.571
- Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh	29.861	29.861	72.057	68.801
- Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết	-	308.334	515.431	695.030
- Các khoản đầu tư dài hạn khác	1.019.417	2.164.580	2.847.119	2.477.464
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	(54.264)	(162.234)	(181.629)
Cộng	1.049.278	2.448.511	3.627.014	3.590.237

Kết quả đầu tư vào chứng khoán đầu tư của PVFC qua các thời kỳ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	323.734	1.949.619	3.197.592	4.202.590
<i>Chứng khoán Nợ</i>	<i>175.916</i>	<i>101.367</i>	<i>312.645</i>	<i>1.670.413</i>
- Chứng khoán Chính phủ	-	-	212.645	150.413
- Do các TCTD khác trong nước phát hành	-	100.000	100.000	1.020.000
- Do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	175.916	1.367	o	500.000
<i>Chứng khoán Vốn</i>	<i>147.818</i>	<i>1.898.340</i>	<i>4.418.322</i>	<i>3.649.493</i>
- Do các TCTD khác trong nước phát hành	22.302	-	512.797	469.305
- Do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	125.516	1.898.340	3.905.525	3.180.188
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	<i>-</i>	<i>(50.088)</i>	<i>(1.533.375)</i>	<i>(1.117.316)</i>
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	581.885	619.289	290.448	192.416
- Chứng khoán Chính phủ	179.415	160.645	-	20.000
- Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	72.470	128.070	180.382	80.707
- Chứng khoán Nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	330.000	330.574	110.066	91.709
Cộng	905.619	2.618.996	3.488.040	4.395.006

Hoạt động tín dụng tổ chức kinh tế:

Stt	Cấp phê duyệt tín dụng	Cấp tín dụng từ nguồn vốn của PVFC dưới mọi hình thức		Cấp tín dụng từ nguồn vốn ủy thác có chỉ định mục đích của Tập đoàn	Cấp tín dụng từ nguồn vốn ủy thác của các TCTD	Cho vay cầm cố chứng khoán
		Trong ngành dầu khí	Các đối tượng khác			
1	Phó Tổng giám đốc phụ trách tín dụng	≤ 300 tỷ đồng	≤ 100 tỷ đồng	Toàn bộ hạn mức theo nghị quyết của Tập đoàn	≤ 300 tỷ đồng	≤ 50 tỷ đồng
2	Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh	≤ 250 tỷ đồng	≤ 100 tỷ đồng	Chưa phân cấp	≤ 250 tỷ đồng	≤ 10 tỷ đồng
3	Giám đốc chi nhánh Cần Thơ, Đà Nẵng, Hải Phòng, Vũng Tàu	≤ 200 tỷ đồng	≤ 100 triệu đồng	Chưa phân cấp	≤ 200 tỷ đồng	Chưa phân cấp
4	Giám đốc chi nhánh Thăng Long, Nam Định, Thanh Hóa, Sài Gòn	≤ 200 tỷ đồng	≤ 50 triệu đồng	Chưa phân cấp	≤ 100 tỷ đồng	Chưa phân cấp
5	Giám đốc/ Trưởng phòng Phòng Giao dịch trung tâm	≤ 300 triệu đồng	≤ 300 triệu đồng	Chưa phân cấp	Chưa phân cấp	Chưa phân cấp

